



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT GIÁO

Địa chỉ tòa soạn: 4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com
 Website: chanhphap.us | chanhphap.org | chanhphap.net

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
 Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vinh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**

Hình bìa: **Oldiefan (pixabay.com)**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:

(714) 638-0989

(714) 266-4171

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email:

baivochanhphap@gmail.com

Trân trọng cảm ơn.

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP

11502 Daniel Ave.

Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- **THÔNG BACH TẾT NHÂM DẦN 2022** (Hội Đồng Giáo Phẩm), trang 8
- **Ý NGHĨA PHẬT PHÁP TĂNG TAM BẢO**, t.t. (HT. T. Thắng Hoan), tr. 11
- **ĐẶC TÍNH CỦA CHÁNH PHÁP** (HT. Thích Thái Hòa), trang 13
- **THẤY CHÂN THƯỜNG THẤY MÙA XUÂN VĨNH CỬU** (Nguyễn Thế Đăng), trang 16
- **CẦU AN THEO TINH THẦN KINH PHƯỚC ĐỨC** (Quảng Tánh), trang 18
- **NGUYỆN CẦU HỒI HƯƠNG CỦA TỰ VIỆN** (Tuệ Uyên dịch), tr. 20
- **NGÔI GIỮA GIÓ XUÂN** (Hạnh Chi), trang 22
- **BÁT CHÁNH ĐẠO – CON ĐƯỜNG ĐƯA ĐẾN CHẤM DỨT ĐAU KHÓ**, t.t. (Bhikkhu Bodhi - Thích Tâm Hạnh & Cs. Tâm Cảnh dịch), trang 25
- **MỘT NGÀY CUỐI NĂM, THƠ RƠI KHI NĂM NGỰA** (thơ QT Trần Cẩm), tr. 32
- **CHÍNH QUYỀN NGŨ ĐÌNH DIỆM SỤP ĐỔ**, **VNPG Sử Luận**, **Chương 40** (Nguyễn Lang), trang 33
- **MỘT SỐ DANH NHÂN PHẬT GIÁO VIỆT NAM SINH VÀO NĂM DẦN** (TK Vinh Hữu), trang 36
- **MẠNG MẠCH GĐPT** (Câu chuyện cuối tuần – Nhóm Áo Lam), trang 38
- **HẠT GỬI MÙA SAU** (Nguyễn Ngọc Tú), trang 42
- **TRUYỆN NGẮN SHIZUKA IJUIN** (Hoàng Long dịch), trang 47
- **NGƯỜI NGHÈO MUỐN GIÀU** (TM Ngô Tăng Giao), trang 50
- **ANGUTTARA NIKĀYA: "CON ĐƯỜNG KHÔNG CÓ LÂM LỐI"** (TN Hằng Như), trang 51
- **ĂN UỐNG TRONG DỊP TẾT NGUYÊN ĐÁN** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 55
- **CANH BỔ DƯỠNG** (Gia Phương), trang 57
- **NHÀ SƯ JUNG-KWANG, MỘT HỌA SĨ ĐỘC ĐÁO** (Nguyễn Giác), tr. 58
- **GIỚI THIỆU VĂN HỌC CỦA NGƯỜI MỸ BẢN XỨ** (Huỳnh Kim Quang), trang 61
- **TRUYỆN CỰC NGẮN** (Steven N), trang 65
- **XUÂN NÀY CON KHÔNG VỀ** (Tiểu Lục Thần Phong), trang 67
- **BỜ NGƯỜI TA, ĂN CƯỚP!** (Truyện cổ Phật giáo), trang 70
- **MUÔN MÀU TÌNH YÊU** (Hạnh Thuần), trang 71
- **TÌNH PHÁP LỬ** (Hình ảnh), tr. 72
- **SẮC HƯƠNG HOA XUÂN** (Lam Nguyễn), trang 74
- **NGŨ THOÁT – chương 11** (truyện dài Vinh Hào), trang 81
- **MỘT LÝ DO CÓ Ý NGHĨA** (Asian Smokers' Quitline), trang 86

Vườn thơ Xuân: ĐNT Tín Nghĩa, Mặc Phương Tử, Nguyễn Thị Khánh Minh, Xuyên Trà, Diệu Viên, Pháp Hoan, Tâm Không Vinh Hữu, Tịnh Bình, Phù Du, Tôn Nữ Thanh Yên, Nhật Quang, Tôn Nữ Mỹ Hạnh, Hoàng Thục Uyên, Lý Thừa Nghiệp, Trần Hoàng Vy, Hồ Thanh Nhã



Báo Chánh Pháp số 123, tháng 02.2022, do Phật Học Viện Quốc Tế (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro (California) ấn tặng. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa soạn

TÂM XUÂN

Tìm đọc những bài thơ xuân của người xưa, chợt bắt gặp mấy câu tâm đắc.

Đuổi trâu bùn chạy dài, lồi cạp đá về xích lại (1). Hình ảnh này có vẻ ứng hợp với năm Sửu năm Dần nào đó hơn bảy trăm năm trước, thời của Tuệ Trung Thượng Sĩ (1230 – 1291). Chẳng phải xua đuổi hay xiềng xích gì loài thú, mà chỉ muốn nói cái tâm đã được thuần hóa, và mê vọng đã được giải trừ. Trong văn học Thiền, trâu bùn là tâm, cạp đá là vọng thức, không thật. Kiểm soát được tâm, giải trừ vọng hoặc, là bước đầu để hiển lộ chân tâm, từ đó mới có thể tự tại thông dong nơi hồng trần.

Trầm luân bao đời kiếp trong dòng sinh-tử. Có khi làm kẻ nghèo cùng lang thang, có khi làm người giàu có trong dinh thự nguy nga; có khi làm trâu làm ngựa kéo cày kéo xe, có khi làm chúa của muông thú trong rừng núi bạt ngàn; có khi là con chim hót trong lồng son, có khi là đại bàng soái cánh trên vòm trời vô tận; có khi là nghệ sĩ hát rong, có khi là con tằm nhả tơ vào hư không lộng gió... Lênh đênh trôi miên trong biển đời thăng-trầm, vinh-nhục, khổ đau và hạnh phúc, tự hỏi, "nay mùa đông, mai mùa hạ, buồn chẳng" (2). Và tự biết, một sớm mai khi gió về thổi tan băng tuyết, trăm hoa vẫn vậy, nở rộ dưới nắng xuân (3). Đó là tâm của người đã chạm đến chỗ không thể nghĩ bàn.

Tất cả chỉ từ một tâm. Tâm về nên nổi thống khổ và niềm hoan lạc của trần gian. Khi tâm định, mọi thứ sẽ định. Tâm an, thế giới sẽ an. Tâm xuân, sông núi biển trời sẽ ngập tràn hương sắc xuân. Và muôn người muôn vật chỉ có thể an bình hạnh phúc thực sự khi có được cái tâm định tĩnh, sáng rõ như mặt trời, xua tan mọi ảo vọng mê chấp của nhân sinh.

- 1) "Kim tiền đã sẵn nê ngư tẩu/Thiết sách khiên trừu thạch hổ hồi" (trong bài *Nhập trần* của Tuệ Trung Thượng Sĩ), Huệ Chi dịch thơ là "Trâu bùn chạy tuốt, roi vàng đuổi/Cạp đá lồi về, giầy sắt giông." Cạp đá ở đây được Huệ Chi chú thích theo "Thế Thần Ký" là người nước Sở, tên Hùng Cừ, đi đêm thấy tảng đá tưởng là cạp, giương cung bắn, rơi mất mũi tên vàng, sau trông lại mới biết chỉ là đá - cho rằng tác giả (Tuệ Trung) mượn ý này để chỉ những ai bám víu lấy ý niệm mê vọng. (Nguồn: *Thơ Văn Lý Trần*, tập II, trang 247 – 248, NXB Khoa Học Xã Hội, 1988).
- 2) Khung Trời Cũ, thơ Tuệ Sỹ.
- 3) "Tự đắc nhất triêu phong giải động/Bách hoa nhưng cựu lệ xuân đài" (hai câu cuối của bài *Nhập trần* - Tuệ Trung Thượng Sĩ). Huệ Chi dịch thơ là "Rồi một ngày mai bằng giá hết/Trăm hoa như cũ, gió xuân nồng." Các chữ "lệ xuân đài" ở đây, Huệ Chi không dùng, hoặc đã dịch thoát là "gió xuân nồng" (chữ "gió" từ câu trước, chữ "nồng" có lẽ là dịch từ chữ "lệ"). Chữ "lệ" nghĩa đen là nước mắt, nghĩa bóng là ướt át, lưu luyến, lụy. Chữ "xuân đài" là đài xuân, ý tôn vinh mùa xuân, hay chúa xuân, ngự trị trên đài cao. "Xuân đài" ở đây thật khó dịch, chỉ bằng cứ để nguyên vậy. Cho nên Chúc Hiền đã dịch là "Trăm hoa vẫn cũ luyến xuân đài" (<https://quangduc.com/p158a69437/83/nhap-tran>). Chữ "lệ" dịch thoát là luyến (quyến luyến), cũng hay.

Xin chép lại bài *Nhập Trần* của Tuệ Trung Thượng Sĩ làm quà xuân năm nay:

Nhập trần

Thiếu thiếu khoát bộ nhập trần lai,
Hoàng sắc my đầu đỉnh đỉnh khai.
Bắc lý ưu du đầu mã phúc,
Đông gia tán đản nhập lư thai.
Kim tiền đã sẵn nê ngư tẩu,
Thiết sách khiên trừu thạch hổ hồi.
Tự đắc nhất triêu phong giải động,
Bách hoa nhưng cựu lệ xuân đài.

(Tuệ Trung Thượng Sĩ)

Vào dòng cát bụi

Xăm xắm cát bụi bước vào vòng,
Vàng óng đầu mi, rướn rướn trông.
Bụng ngựa rong chơi, này xóm Bắc,
Thái lửa lạc bước, nọ nhà Đông.
Trâu bùn chạy tuốt, roi vàng đuổi,
Cạp đá lồi về, giầy sắt giông.
Rồi một ngày mai bằng giá hết,
Trăm hoa như cũ, gió xuân nồng.

(Huệ Chi dịch)

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

CAM BỐT: Chủ tịch Quốc hội Samrin kêu gọi sự thống nhất tại đại hội tăng sĩ

Chủ tịch Quốc hội Heng Samrin nói rằng Cam Bốt tôn trọng tự do tôn giáo, kêu gọi tất cả các nhà lãnh đạo tôn giáo - đặc biệt là các nhà lãnh đạo Phật giáo vì đây là quốc giáo - tuân thủ các nguyên tắc hiểu biết lẫn nhau và tôn trọng lẫn nhau để duy trì sự hòa hợp.

Ông Samrin đã đưa ra phát biểu này tại lễ khai mạc Đại hội Tu sĩ Phật giáo Toàn quốc lần thứ 29 tại Hội trường Chaktomuk ở Phnom Penh vào ngày 20-12. Ông cho biết Cam Bốt rất coi trọng tôn giáo và tâm linh, bao gồm sự tôn trọng tự do tôn giáo và tất cả các tín ngưỡng tôn giáo.

Ông lưu ý rằng Campuchia đề cao Phật giáo là quốc giáo nhưng ủng hộ quyền theo các tôn giáo khác của người dân vì lợi ích của sự thống nhất và hòa hợp xã hội.

Ông cho biết chính phủ nỗ lực xây dựng chùa chiền và các tòa nhà tôn giáo khác để cung cấp cho Cam Bốt các trung tâm vật chất phục vụ đời sống tinh thần của Vương quốc, vì các nghi thức tôn giáo là những hoạt động quan trọng nhằm góp phần vào sự phát triển của xã hội Cam Bốt về văn hóa, giáo dục và đạo đức xã hội.

(Big News Network - December 23, 2021)



HÀN QUỐC: Phật phái Jogye trao tặng Bảng Tri ân cho Đại sứ Pakistan

Tông phái Jogye của Phật giáo Hàn Quốc đã trao tặng Bảng Tri ân cho Mumtaz Zahra Baloch, Đại sứ Pakistan tại Nam Hàn, để ghi nhận công lao của bà trong việc thúc đẩy các mối quan hệ Pakistan-Hàn Quốc. Đại sứ quán Pakistan tại Hàn Quốc cho biết rằng Hòa thượng Wonhaeng, chủ tịch đương nhiệm của Tông phái Jogye, đã gặp Đại sứ Baloch vào ngày 3-12 để ghi nhận công lao của bà trong việc thúc đẩy "sự hòa hợp, tình hữu nghị giữa các tôn giáo giữa Hàn Quốc và Pakistan, và làm cầu nối với cộng đồng Phật giáo Hàn Quốc".

Đại sứ Baloch phát biểu rằng cho dù ở đâu và làm gì, bà sẽ tiếp tục 'đóng vai trò là cầu nối' để thúc đẩy sự hòa hợp giữa các tôn giáo. Bà trở thành đại sứ tại Hàn Quốc kể từ ngày 21-2-2020, với các vị trí trước đó tại Geneva (Thụy Sĩ) và Washington, D.C.

Đại sứ Baloch là người không mang quốc tịch Hàn Quốc đầu tiên nhận được Bảng tri ân từ Tông phái Jogye.

(HOME: Buddhistdoor Global - December 23, 2021)



Chủ tịch Quốc hội Samrin tại lễ khai mạc Đại hội Tu sĩ Phật giáo Toàn quốc lần thứ 29 ở Hội trường Chaktomuk, Phnom Penh
Photo: The Phnom Penh Post



Pakistan Embassy Republic of Korea
@PakinROKorea

1/2 President Jogye Order of Korean #Buddhism presented a Plaque of Gratitude to Amb Mumtaz Baloch @Mumtazzb for promoting inter-religious harmony, friendship b/w #Korea & #Pakistan & for working as a bridge with the Korean Buddhist community.
@ForeignOfficePk



Foreign Minister's Public Diplomacy and 4 others

5:40 PM - Dec 17, 2021 - Twitter Web App

Phật phái Jogye của Hàn Quốc trao tặng Bảng Tri ân cho Đại sứ Pakistan Mumtaz Zahra Baloch
Photos: Twitter

NEPAL: Cờ cầu nguyện của Bảo tháp Bouddha chuyển thành màu trắng vì môi trường

Trong một sự kiện vào ngày 18-12, những lá cờ cầu nguyện đầy màu sắc, mang tính biểu tượng của Bảo tháp Bouddha ở Nepal đã bị gỡ xuống và thay thế bằng cờ trắng.

Ang Dolma Sherpa, một nữ doanh nhân Phật tử, đã giúp dẫn dắt sự kiện này. Cô nói rằng mục tiêu là loại bỏ cả sợi tổng hợp lẫn thuốc nhuộm hóa học khỏi ngành kinh doanh sản xuất và sử dụng cờ cầu nguyện Phật giáo vốn phổ biến rộng rãi của đất nước.

Theo Sherpa, "Những lá cờ mà chúng ta biết và sử dụng đều được làm từ nylon hoặc vải tổng hợp. Những lá cờ này bị đốt cháy và sau đó chúng gây hại cho môi

trường, để lại rất nhiều khí thải carbon. Chúng ta luôn nói về biến đổi khí hậu; có nhiều nhận thức về nó; nhưng, bây giờ là lúc để chuyển từ cơ cầu nguyện tổng hợp sang cơ phân hủy sinh học.”

Theo Sherpa, những lá cờ cầu nguyện xưa kia chủ yếu có màu trắng. Cô thích trở lại với cờ trắng vì cả lý do môi trường lẫn kinh tế. “Nhiều người gợi ý cho tôi rằng tôi nên sử dụng thuốc nhuộm tự nhiên. Tuy nhiên, thuốc nhuộm tự nhiên rất tốn kém. Và mặc dù tôi có thể sử dụng nó, nó có nghĩa là chi phí cho người dùng cuối cũng tăng lên. Và điều đó có vẻ không công bằng. Tôi muốn giá được giữ ở mức tối thiểu,” cô nói.

Tại Bảo tháp Bouddha, các lá cờ chỉ được thay đổi một lần mỗi năm. Điều này có nghĩa là các lá cờ màu trắng sẽ được nhìn thấy cho đến ít nhất là vào tháng 12-2022.

Và trong khi nhiều lá cờ bị đốt cháy gây ra ô nhiễm, Sherpa đề nghị rằng thay vào đó hãy dùng những lá cờ vải được chôn đi, nơi chúng sẽ phân hủy trong vài tháng.

(Buddhistdoor Global - December 23, 2021)



Bảo tháp Bouddha ở Nepal thay cờ cầu nguyện màu trắng

Photo: onlinekhabar.com

PAKISTAN: Phát hiện ngôi chùa cổ 2,300 năm tuổi

Một nhóm các nhà khảo cổ học Ý và các nhà khai quật Pakistan đã khai quật một ngôi đền 2,300 năm tuổi được bảo quản tốt, cao 4 mét ở quận Swat, tây bắc Pakistan.

Khám phá được thực hiện tại một khu vực xưa kia gọi là Bazira, nằm dưới Barikot ngày nay ở tỉnh Khyber Pakhtunkhwa.

Tùng là một phần của Gandhara, khu vực Bazira này nổi tiếng vì đóng một vai trò quan trọng trong việc truyền bá Phật giáo khắp Trung Á cũng như sự ươm mầm của nghệ thuật và biểu tượng Phật giáo.

Di tích đã phát hiện bởi các nhà khảo cổ học từ Đại học Ca 'Foscari và Phái đoàn Khảo cổ học Ý tại Pakistan (MAIP), phối hợp với Sở Khảo cổ và Bảo tàng của tỉnh.

MAIP được thành lập bởi nhà Phật học nổi tiếng Giuseppe Tucci và đã khai quật tàn tích của thị trấn cổ Bazira từ năm 1984.

MAIP đã khởi động "mùa khai quật" vào tháng 11-2021, sẽ tiếp tục cho đến tuần cuối cùng của tháng 12-2021.

(Big News Network - December 23, 2021)



Di tích ngôi chùa cổ 2,300 năm tuổi được khai quật tại Pakistan
Photos: [Fazal Khaliq & arkeonews.net](http://FazalKhaliq.com)

PHÁP: Một trong những tài liệu lịch sử lâu đời nhất còn sót lại về Ấn Độ được viết bởi nhà sư Triều Tiên Hyecho

Trong vô số bảo vật trong bộ sưu tập khổng lồ của mình, Thư viện Quốc gia Pháp (Bibliothèque nationale de France) ở Paris có một bản thảo có giá trị từ thế kỷ thứ 8.

Được viết tay trên một cuộn giấy, bản thảo nói trên có khoảng 6,000 chữ Hán cổ điển trải dài trên 227 dòng và là một trong những tài liệu lịch sử lâu đời nhất còn sót lại về Ấn Độ.

Cuộn giấy có chiều rộng 28.5 cm này cuối cùng đã thuộc sở hữu của Thư viện Quốc gia

Pháp nhờ nhà khảo cổ học và nhà Hán học người Pháp Paul Pelliot. Vào năm 1908, Pelliot đã mua nó - cùng với hàng ngàn cuộn sách cổ khác bằng tiếng Trung Quốc, tiếng Phạn, tiếng Prakrit và các ngôn ngữ khác - từ người trông coi hang động Mogao ở Dunhang, Trung Quốc.

Là một tài liệu hiếm hoi về Ấn Độ cổ đại, cuộn sách này là một du ký có tiêu đề "Wangocheonchukguk-Jeon" hay là Hồi ký về cuộc hành hương đến 5 Vương quốc của Ấn Độ.

Nó được viết bởi Hyecho, một nhà sư Phật giáo Hàn Quốc và là người hành hương, người đã thực hiện một cuộc hành trình gian khổ đến Ấn Độ vào thế kỷ thứ 8 và đi khắp đất nước này, nơi mà ông tin rằng bị chia thành 5 vương quốc.

Sư Hyecho, một người gốc ở vương quốc Silla của Triều Tiên, sinh năm 704. Ông đến du học ở Trung Hoa thời nhà Đường, nơi ông phát triển mối quan tâm sâu sắc đến Ấn Độ, đất nước mà ông gọi là đất Phật. Năm 19 tuổi, ông lên đường đến Ấn Độ từ bờ biển phía nam Trung Quốc.

Hyecho đến Ấn Độ vào năm 724 và du hành nhiều nơi, quan sát kỹ văn hóa, phong tục và các đặc điểm địa lý của đất nước này.

(Scroll.in - December 24, 2021)



Một phần của Hồi ký về cuộc hành hương đến 5 Vương quốc của Ấn Độ.

Photo: Bibliothèque Nationale de France

ẤN ĐỘ: Các nhà hoạt động phản đối việc Trung Quốc phá dỡ tượng Phật cao 30 mét ở Tây Tạng

McLeodganj, Dharamshala - Các nhà hoạt động của Hội Thanh niên Tây Tạng (TYC) đã tổ chức một cuộc tuần hành thắp nến ở McLeodganj vào đêm 28-12-2022 để phản đối việc chính quyền Trung Quốc ở Tây Tạng phá bỏ pho tượng Phật cao 99 feet (30 mét).

Các nhà hoạt động cáo buộc rằng chính quyền Trung Quốc đã phá dỡ pho tượng Phật tại Kham Drakgo, tỉnh Tứ Xuyên, Tây Tạng. Những người biểu tình cáo buộc có tới 45 cốt kinh khổng lồ (có giá 1.8 triệu Nhân dân tệ/ 282,500 USD) dựng gần tu viện Drakgo đã bị dỡ bỏ và cờ cầu nguyện bị đốt cháy.

Pho tượng đồng nói trên được xây dựng với sự đóng góp của những người Tây Tạng ở Drakgo có giá khoảng 40,000,000 Nhân dân tệ (khoảng 6.3 triệu USD). Năm 1973, Drakgo từng chứng kiến một trận động đất lớn gây thiệt hại trên diện rộng. Tượng được xây dựng vào ngày 5-10-2015 để xua đuổi thiên tai.

Các nhà hoạt động cho biết bức tượng được xây dựng sau khi nhận được sự cho phép cần thiết. Tuy nhiên, trong hai ba năm gần đây, các quan chức đến thăm khu vực này đã chỉ trích kích thước của pho tượng. Vào ngày 12-12-2021, chính quyền quận đã ra lệnh phá dỡ sau khi hủy bỏ các tài liệu và tuyên bố rằng pho tượng có chiều cao như vậy bị cấm.

(Big News Network - January 3, 2022)



Tượng Phật (ảnh trên) và các cốt kinh (ảnh dưới) trước khi bị dỡ bỏ tại Kham Drakgo, tỉnh Tứ Xuyên, Tây Tạng



Photos: CTA & Twitter

TÍCH LAN: Cuộc thi trắc nghiệm kiến thức Quốc tế về Phật giáo và Di sản Phật giáo

Cao Ủy của Ấn Độ tại Colombo - phối hợp với Bộ Giáo dục và Bộ Giáo dục Nhà nước về Trường Đạo Pháp, trường Độc lập và Tăng sĩ của Tích Lan - đã phát động một cuộc thi đố trắc nghiệm ở Tích Lan tập trung vào cuộc đời của Đức Phật và các di tích / địa điểm liên quan đến Phật giáo.

Cuộc thi nói trên tại Tích Lan đã được phát động tại khoảng 800 trường học tu viện trên toàn quốc đảo dành cho thanh thiếu niên và học sinh trong độ tuổi từ 14 đến 22. Bài thi được tổ chức thành 3 vòng, trong đó vòng 1 cấp trường được tổ chức vào ngày 22-12, vòng 2 cấp tỉnh vào ngày 27-12 và vòng 3 cấp quốc gia được tổ chức vào ngày 29-12.

Giải thưởng Lớn cho 3 người chiến thắng được chọn sau Vòng 3 sẽ bao gồm một chuyến tham quan 5-ngày theo mạng mạch Phật giáo của Ấn Độ cùng với một người bạn đồng hành của mỗi người.

(Big News Network - January 3, 2022)

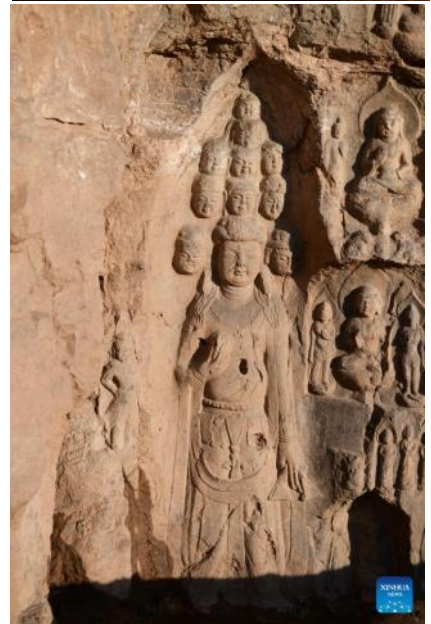


Cuộc thi Đố trắc nghiệm kiến thức Quốc tế về Phật giáo được tổ chức tại khoảng 800 trường học tu viện trên toàn quốc đảo Tích Lan

Photos: Big News Network

TRUNG QUỐC: Các tác phẩm điêu khắc chư Phật được chạm khắc vào vách đá đã tái hiện ở tỉnh Sơn Tây

Thái Nguyên, Sơn Tây - Khoảng 100 tác phẩm điêu khắc các vị Phật được tạc vào một vách đá ở tỉnh Sơn Tây,



phía bắc Trung Quốc đã xuất hiện trở lại sau khi các nhà khảo cổ loại bỏ đất và đá bao phủ chúng, theo Viện khảo cổ học tỉnh Sơn Tây.

Vách đá nói trên nằm ở bờ đông sông Phần, cách thành phố Hoắc Châu ở Sơn Tây 7 km về phía tây nam.

Bắt đầu từ thời nhà Đường (618-907), các tác phẩm điêu khắc này được chạm khắc dọc theo một mặt vách đá dài khoảng 30 mét, với đỉnh cao nhất nằm cách mặt đất khoảng 11 mét.

Tổng cộng 300 tác phẩm điêu khắc Phật nằm trong hơn 70 hốc đã được tạc vào vách đá,

khoảng một phần ba trong số đó đã xuất hiện trở lại sau nỗ lực khai quật mới nhất, Bai Shuzhang, một nhân viên của viện, cho biết. Bai nói rằng các tác phẩm điêu khắc này quan trọng để nghiên cứu sự phát triển của việc tạo dựng nghệ thuật điêu khắc thời nhà Đường.

(Big News Network - January 3, 2022)



Các tác phẩm điêu khắc Phật giáo trên vách đá ở tỉnh Sơn Tây—Photos: Xinhua

ẤN ĐỘ: Phát triển Buddhavanam, công viên chủ đề di sản Phật giáo tại Bang Telangana

Công ty Phát triển Du lịch Bang Telangana, có trụ sở tại bang Telangana, miền trung Ấn Độ, đã công bố các kế hoạch cập nhật trong việc phát triển Buddhavanam, một công viên chủ đề di sản Phật giáo. Nằm ở Nagarjunasagar, cách thành phố Hyderabad khoảng 150 km về phía đông nam, địa điểm của công viên này đã tiết lộ một kho tàng di tích Phật giáo và các di tích cổ xưa khác.

Các nhà phát triển đặt mục tiêu cho công viên giải trí Buddhavanam trở thành một điểm đến hành hương và du lịch lớn cho những người quan tâm đến Phật giáo.

Trong công viên sẽ có các tính năng minh họa cuộc đời của Đức Phật trên các phương tiện truyền thông khác nhau, cũng như việc xây dựng ngẫu nhiên các tu viện của các nhóm Phật

giáo từ Đông Nam Á và một trường đại học Phật giáo.

Khu vực này bao gồm khoảng 110 hectares đất chính phủ được chia thành tám phân đoạn: một lối vào trang nhã, một công viên Bồ tát mô tả các tiền kiếp của Đức Phật, một công viên thiền định, công viên bảo tháp, một đại bảo tháp trung tâm, một trường đại học Phật giáo, các tu viện Phật giáo, và một viện bảo tàng về sự phục hưng của Phật giáo ở Ấn Độ.

(Buddhistdoor Global - January 4, 2022)



Buddhavanam, công viên chủ đề di sản Phật giáo tại Bang Telangana



*Tượng Phật tại Buddhavanam, công viên chủ đề di sản Phật giáo ở Ấn Độ
Photos: thenewsminute.com*

TÍCH LAN: Thủ tướng Mahinda Rajapaksa công bố hệ thống thông tin Phật giáo

Việc công bố hệ thống thông tin chứa thông tin của tất cả các ngôi chùa Phật giáo trên toàn quốc đã được tổ chức tại Temple Trees (nơi cư trú chính của Thủ tướng Tích Lan) dưới sự bảo trợ của Thủ tướng Mahinda Rajapaksa vào tối thứ Tư, 29-12-2021.

Đây là dự án được thực hiện theo đề án Số hóa các Cơ quan Chính phủ, theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ kiêm Bộ trưởng Bộ Văn hóa và Tôn giáo Phật giáo.

Từ ngày 03-01-2022, Cục Sự vụ Phật giáo dự kiến sẽ thực hiện nhiệm vụ của mình liên quan đến việc công bố Hệ thống Thông tin Phật giáo thông qua cùng một cơ sở dữ liệu.

Theo đó, việc đăng ký các ngôi chùa, việc chấp nhận các chức vụ của các Sư trưởng đương nhiệm cũng như việc tạo cơ hội cho các tổ chức và cá nhân để phát triển các ngôi chùa sẽ được chính thức hóa.

Cơ sở dữ liệu này hiện chứa thông tin về 13,972 ngôi chùa và tạo điều kiện truy cập thông tin liên quan ở cấp quận huyện.

Số lượng chư cao tăng thuộc về 13,972 ngôi chùa này là 44,846 vị.

(NewsNow - January 4, 2022)



*Thủ tướng Tích Lan Mahinda Rajapaksa trong buổi công bố hệ thống thông tin Phật giáo
Photo: NewsNow*



**Chúc
Mừng
Năm
Mới
Nhâm
Dần**

XUÂN NHÂM DẦN 2022



Xuân đất trời thay đổi mãi không thôi,
Tuy rằng xuân đến, dạ vẫn bồi hồi,
Dịch cũ chưa vơi, dịch mới lại đến...
Dịch này chưa hết, dịch kia hiển hiện...
Lòng người xao xuyến, hết đứng lại ngồi...
Suy nghĩ mãi cũng chỉ thế mà thôi,
Tâm tư ai nấy như mang gánh nặng,
Cuộc sống phập phồng cay đắng chẳng vui.
Công ăn việc làm tụt hậu lần hồi,
Xử tự do sao người dân lặn độn,
Nhìn vật giá ngày một mãi leo thang,
Có gì đâu mà mơ tưởng huy hoàng?
Hoa xuân nở hoa lòng như tắt lịm!
Dân tình là thế mà xuân vẫn đến,
Đến để rồi xoa dịu vết thương lòng,
Kiếp con người phải gánh chịu long đong,
Ôm chặt vào thân biết bao khổ lụy,
Bỏn tẻnh con người không sao xứng ý,
Lúc thế này, ngày khác lại thế kia!...
Cứ mãi mê mà không chịu quay về,
Để tình thức cho tâm hồn an lạc,
Mang hận thù để bài bác cho nhau,
Rồi cuối đời nó sẽ đi về đâu?
Tất cả đó chỉ đi vào ngõ cụt...
Mùa xuân về là điểm tốt vô cùng,
Hãy cùng nhau sống với mỗi tình chung,
Như mát dịu với hương xuân không khác,
Tất cả chén chú, chén anh, chén bác,
Là hòa đồng tình nhân ái bao la,
Chúng ta đều là con cháu một nhà,
Giống Hồng Lạc, Việt Nam luôn bất tận.
Thân chúc xuân Nhâm Dần được an vui...
Toàn thế giới người người đều phúc lợi.



thơ **ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA**

Quý đông Tân sửu – Jan. 10th 2022



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION

HỘI ĐỒNG GIÁO PHẨM

CHÁNH VĂN PHÒNG

704. East "E" Street, Ontario, CA 91764 – U.S.A. | Tel. & Fax: (909) 986-2433



THÔNG BẠCH TẾT NHÂM DẦN - 2022

Nam Mô Đường Lai Hạ Sanh Di Lạc Tôn Phật

Kính đảnh lễ chư Tôn Thiên đức Tăng Ni
 Kính thưa quý Thiện nam Tín nữ, Phật tử và
 Đồng hương

Chỉ còn vài tuần nữa thôi thì Tết sẽ đến với cộng đồng Việt ở hải ngoại. Ngày Tết luôn là một ngày mang nhiều ý nghĩa, kỷ niệm và gợi nhớ cho mỗi chúng ta nơi quê hương thứ hai này. Đạo Phật và ngày Tết ở chung cùng đã mấy ngàn năm qua. Cho nên dù ở bất cứ nơi nào, cộng đồng Phật giáo và ngôi chùa đều thể hiện những nét đẹp truyền thống của ngày Tết. Đã hai năm qua, vì đại dịch mà mọi sinh hoạt của Phật giáo Hoa Kỳ bị hạn chế. Cầu xin năm nay được sáng sủa hơn. Giáo Hội xin tất cả chúng ta dành một phút hướng nguyện về đại dịch trong giờ lễ cử hành Giao Thừa.

Năm mới xin cầu An. Cầu an là biểu trưng về niềm khởi của một thiện tâm và thiện tâm này được tiếp nối đến trọn cả năm. Giờ phút nào thiện tâm thấp sáng thì chúng ta có phước báo, an lành và điều may. Đạo Phật chú trọng ở Tâm. Nhờ thiện tâm này chúng ta sẽ tránh bớt những tổn hại cho chính ta và bao người chung quanh qua từng ngôn từ, thái độ hay suy nghĩ. Cuộc sống Mỹ thường đốt cháy bởi áp lực, không như ý, nghịch cảnh... làm ta quên mất tâm mình ở đâu. Đại dịch, việc làm, chia rẽ, lam phát... hiện nay dễ làm con người phiền tức. Xin quý Phật tử hãy cầu an tức cầu xịp cho lòng mình đủ bình tĩnh, sáng suốt, kiên nhẫn để vượt qua một năm nhiều khó nạn.

Năm mới xin cúng Sao. Cầu xin những vì Sao bất hạnh đừng chiếu vào đời sống hàng ngày của chúng ta. Nếu chúng ta không nỗ lực di dời những Sao này thì đoạn chắc đau thương sẽ đến. Những vì Sao lớn đó là tham, sân và si. Những vì Sao nhỏ gồm sát hại sự sống, tàn phá thiên nhiên, không hết lòng khi làm việc, đối gạt trong tình cảm vợ chồng. Những vì Sao nhỏ hơn nữa thì có, nói lời

không thật, nói lời thiếu từ tâm. Chúng ta cùng cúng Sao để những Sao này không đến với chúng ta. Thế giới ngày nay lừa lọc nhiều quá, điều đó làm cho ta suy gẫm tại sao và phải làm sao.

Mỗi chùa viện tổ chức lễ cúng chư liệt vị tổ sư trong ngày tất niên để cùng nhau nhắc nhớ về một cội nguồn, để các thế hệ sinh ra ở Mỹ biết được nguồn gốc của mình. Xin hãy biết ơn và tưởng nhớ Giác linh chư vị Tăng Ni đã mở đường cho Phật giáo Việt nơi quê hương mới này. Chúng ta thừa hưởng Tết Mỹ và Tết Việt, cả hai ngày lễ đều thật tuyệt vời vì chứa đựng nhiều thiêng liêng, sinh động. Làm sao mỗi tự viện thể hiện vài nét tiêu biểu của tập tục ngày Tết vì ngôi chùa là hồn của văn hóa Việt. Sáng tạo và độc lập của mỗi tự viện là sự đặc thù của Phật giáo Việt nhưng cùng chung là gợi lại văn hóa ngày Tết.

Mỗi gia đình của quý thiện nam tín nữ cần làm lễ đón giao thừa mà không nhất thiết phải đứng vào nửa đêm vì Tết năm nay nhằm vào ngày thường và đa phần ai cũng phải đi làm ngày Mồng Một, Tất cả mọi thành viên trong gia đình cùng làm lễ, trong đó, lễ Phật đầu năm, lễ tổ tiên nước Việt và ông bà. Chúng ta dành vài phút nói về quốc tổ cha ông và một điều hay nào đó về dân tộc này cho con cháu. Chúng ta nhận thức rằng, trong mỗi người chúng ta có một phần đặc tính dân tộc mà nó được nuôi dưỡng hàng ngàn năm. Do vậy, chúng ta khuyên con cháu mình nói tiếng Việt trong gia đình ngày đầu năm như khẳng định về một giống nòi.

Nhân dịp Tết Nhâm Dần, Giáo Hội kính gửi đến chư Tôn đức Tăng Ni, quý Thiện nam, Tín nữ, Phật tử và Đồng hương lời cầu chúc Cát tường và cầu xin chúng ta vượt qua đại nạn của thế kỷ hiện nay.

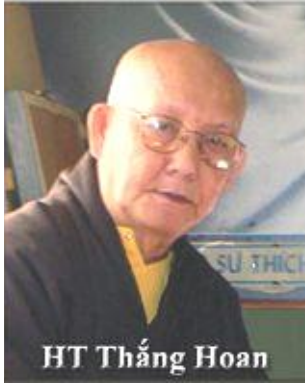
California ngày 06 tháng 01 năm 2022 - Xuân Nhâm Dần



TM. Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHK
 Chánh Văn Phòng

Signature

Sa môn Thích Thắng Hoan



Ý NGHĨA PHẬT-PHÁP-TĂNG TAM BẢO

Tác giả: **Pháp sư CHÁNH QUẢ**

Dịch Giả: **THÍCH THẮNG HOAN**

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

(tiếp theo kỳ trước)

4. CHUNG LOẠI CỦA TAM BẢO:

Tam Bảo có sáu chủng loại: Đồng Thể, Biệt Thể, Nhất Thừa, Tam Thừa, Chân Thật và Trụ Trì.

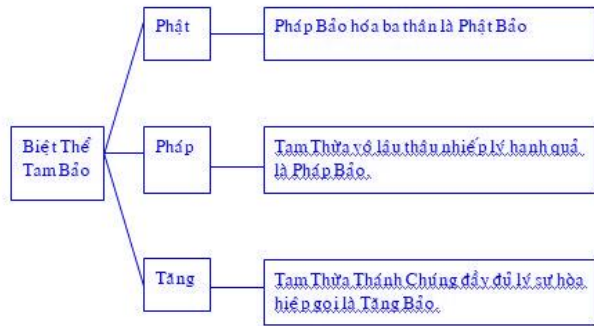
1) Đồng Thể Tam Bảo, cũng gọi là Nhất Thể Tam Bảo, cũng gọi là Đồng Tướng Tam Bảo. Thể tức là Pháp Thân chân như thanh tịnh pháp giới; Phật Tánh tức là Pháp Tánh, Pháp Tánh tức là Tăng Tánh, xưa gọi là Đồng Thể. Nay trên mỗi một thể đều có đủ ba nghĩa Phật Pháp Tăng hiển bày theo như đồ biểu thứ nhất sau đây:



Đồ biểu 1

2) Biệt Thể Tam Bảo, cũng gọi là Hóa Tướng Tam Bảo. Trong Kinh Niết Bàn, Phật Đà tự nói Phật Pháp Tăng ba thứ danh nghĩa đều khác, nói một là ba, hoặc nói ba là một, là cảnh giới của chư Phật, không phải các bậc Thánh Văn và Duyên Giác biết được. Du Già Sư Địa Luận cũng nói, hiển hiện Chánh Đẳng Giác là Tướng Phật Bảo, các pháp chỗ Phật chứng quả là Tướng Pháp Bảo, theo Phật thọ giáo tu hành chân chánh là Tướng Tăng Bảo, do đó gọi Tam Bảo là Biệt Thể đều khác.

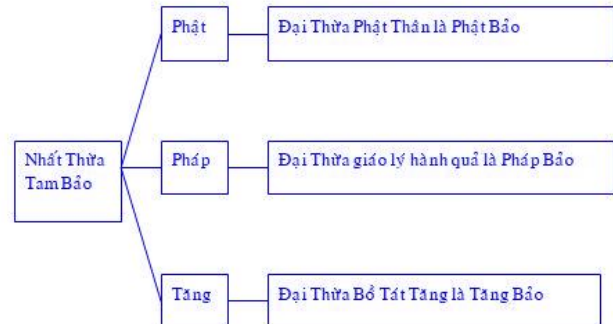
3) Nhất Thừa Tam Bảo, Đức Như Lai nói pháp dùng Nhất Thừa làm cứu cánh, như Thắng Man Kinh nói rằng: "Nói đạo pháp Nhất Thừa, đặc Pháp Thân cứu cánh, nơi Vô Thượng lại không nói pháp sự Nhất Thừa". Kinh Pháp Hoa nói rằng: "Trong mười phương cõi Phật, chỉ có pháp Nhất Thừa." Cho nên y nơi cõi Cứu Cánh mà nói, chỉ có Nhất



Đồ biểu 2

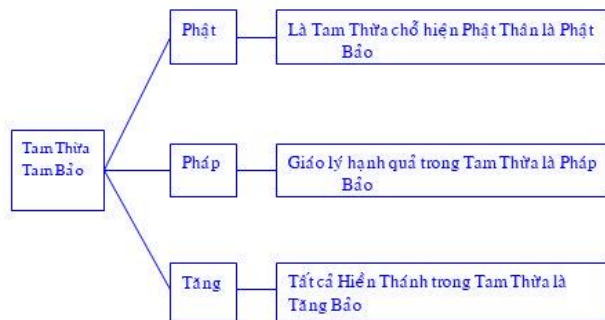
Thừa Tam Bảo, còn nói Nhị Thừa, nói Tam Thừa đều là huyền hóa mà thiết lập.

Trong căn bản đây, chỉ chọn lấy Nhất Thừa Tam Bảo làm Thể sở hữu, làm quy ước thọ trì mà nói, phương tiện để tu tập thì Pháp và Tăng cũng thâm nhiếp vào Thể Nhất Thừa Tam Bảo.



Đồ biểu 3

4) Tam Thừa Tam Bảo, tức là hiện thân để giáo hóa người ba Thừa, Pháp để giảng và Tăng chúng để độ, gọi là Tam Thừa Tam Bảo.



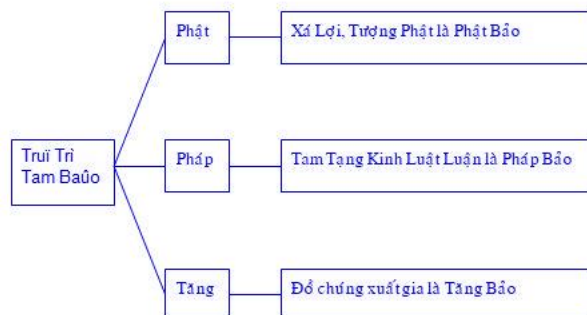
Đồ biểu 4

5) Chân Thật Tam Bảo, tức là thật nghĩa của Đồng Thể, Biệt Thể, Nhất Thừa, Tam Thừa đã trình bày ở phía trước đều có Tam Bảo, cho nên Pháp và Tăng không tiếp thu hữu lậu.



Đồ biểu 5

6) Trụ Trì Tam Bảo, đức Phật sau khi nhập diệt, chỉ để lại thế gian những gia bảo như là Xá Lợi, Phật Tượng, ba Tạng Kinh văn giáo lý, tất cả Tăng chúng xuất gia; vì lợi lạc thế gian, những gia bảo nói trên được tiếp nối truyền thừa bảo trì Phật Pháp không cho mất; những gia bảo này được gọi là Trụ Trì Tam Bảo.



Đồ biểu 6

Thứ lớp và xác định của danh số Tam Bảo nơi trong Kinh Luận giải thích có nhiều nghĩa, nay xin tổng kết Kinh Luận để dễ nhận thức: Phật giống



như lương y, Pháp giống như điều dưỡng, Tăng giống như người khám bệnh, ba thứ báu đây không tăng và cũng không giảm.

5. SAI BIỆT CỦA TAM BẢO:

Sai biệt của ba thứ Phật Pháp Tăng, Du Già Sư Địa Luận dùng sáu thứ tướng để hiển bày nó:

a) Do tự tướng sai biệt. Không phải do người khác giáo dục, tự tướng giác ngộ tự nhiên thể hiện đây là Phật Bảo; tự tướng quả pháp của Phật giác ngộ đây là Pháp Bảo; tự tướng chân chánh nhờ người khác trao truyền mà tu hành đây là Tăng Bảo.

b) Do tạo nghiệp sai biệt. Khéo chuyển nghiệp bằng giáo pháp chân chánh đây là Phật Bảo; các pháp chỗ duyên làm nghiệp để đoạn trừ phiền não đây là Pháp Bảo; người tu trì đồng mãnh tinh tấn để tăng trưởng nghiệp thiện pháp đây là Tăng Bảo.

c) Do tin hiểu sai biệt. Đối với Phật Bảo cần phải thiết lập tin hiểu để thân cận thừa hành phụng sự, đối với Pháp Bảo cần phải thiết lập tin hiểu để mong cầu chứng đắc, đối với Tăng Bảo cần phải thiết lập tin hiểu để hòa hợp đồng nhất pháp tánh cùng chung ở.

d) Do tu hành sai biệt. Nơi Phật Bảo phải tu chánh hạnh để thừa hành phụng sự cúng dường, nơi Pháp Bảo phải chánh hạnh tu Du Già Phương Tiện, nơi Tăng Bảo phải chánh hạnh tu cùng chung thọ dụng tài pháp.

e) Do Tùy Niệm Sai Biệt. Niệm Phật Bảo là bậc Vô Thượng Chánh Biến Giác, là Thế Tôn, đầy đủ mười lực, bốn vô sở úy, mười tám Phật Pháp bất cộng, v.v...; niệm Pháp Bảo là thiện pháp xuất thế thanh tịnh vô lậu, là pháp hành đoạn trừ tất cả tai họa tội lỗi, sanh tất cả công đức làm chỗ nương tựa; niệm Tăng Bảo là những người tu hành chánh giác phạm hạnh thanh tịnh, là kẻ trụ trì Phật Pháp, hoằng dương Phật pháp, là kẻ tự tánh thanh tịnh, xa lìa các điều ác.

g) Do sanh phước sai biệt. Nơi Phật Bảo, quy y cúng dường v.v... là nương nơi một hữu tình thì phát sanh được phước đức thù thắng trên hết; nơi Pháp Bảo quy y cúng dường thọ trì, v.v... tức là nương nơi pháp này phát sanh được phước đức thù thắng trên hết, nơi Tăng Bảo quy y cúng dường thừa hành phụng sự, v.v... là nương nơi nhiều hữu tình thì phát sanh được phước đức thù thắng trên hết.

(Trích trong Phật Giáo Cơ Bản Tri Thức của Pháp sư Chánh Quả)

ĐẶC TÍNH CỦA CHÁNH PHÁP

HT. Thích Thái Hòa

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Chánh pháp do đức Phật giảng dạy có những đặc tính như sau:

+ Hiện kiến:

Pháp do đức Phật thuyết giảng, pháp ấy có thể thực hành và có thể chứng nghiệm ngay trong giây phút hiện tại. Chẳng hạn, sau khi quán chiếu, đức Phật đã thấy rõ pháp Mười hai duyên khởi theo lưu chuyển là Ngài thấy ngay gốc rễ của sinh tử. Và Ngài quán chiếu pháp Mười hai duyên khởi theo hoàn diệt là Ngài thấy rõ ngay sự có mặt của giải thoát và giác ngộ.

Lại nữa, trong khi quán chiếu pháp Mười hai duyên khởi theo lưu chuyển, thì trong đó Ngài đã thấy rõ ngay Khổ đế và Tập đế. Và trong khi quán chiếu pháp Mười hai duyên khởi theo hoàn diệt thì ngay ở giây phút ấy, Ngài thấy rõ Diệt đế và Đạo đế.

Do tu tập và thấy rõ pháp một cách thường xuyên như vậy, nên thực hành pháp của Phật, hành giả có thể chứng nghiệm đời sống giải thoát và an lạc trong từng giây phút của sự sống, nghĩa là chứng ngộ và có sự giải thoát ngay trong cuộc sống này.

+ Vô nhiệt:

Pháp của Phật có hiệu năng làm tươi mát tâm hồn của những ai thực hành nó. Vì pháp ấy là pháp đối trị phiền não, mà phiền não là trạng thái làm cho thân tâm nóng bức, khó chịu và khổ đau.

Một khi thân đã có những cảm giác khó chịu, thì nó sẽ tác động lên tâm và ngược lại tâm có những cảm giác khó chịu thì nó cũng tác động lên thân, cả thân lẫn tâm đều phát sinh ra những cảm giác khó chịu, và bệnh hoạn cũng có thể phát sinh ra từ những sự bức bối này.

Do đó, một hành giả thực hành pháp của Phật là để trừ bỏ bệnh hoạn của thân và tâm.

Lại nữa, bệnh của thân phát sinh là do bốn đại chủng sinh hoạt mâu thuẫn nhau, tạo nên những cảm giác nóng lạnh bất thường, tạo nên những chuyển động của các cơ năng không đều đặn và từ đó chúng có thể phát sinh vô số bệnh lý. Nhưng tất cả những bệnh lý ấy đều bị tác động và ảnh hưởng bởi một tâm hồn bệnh hoạn như lo âu, sợ hãi, khiếm đảm, sầu muộn, sân hận, bất mãn, tham ái, ngu tối mà ra.

Bởi vậy, muốn loại trừ tất cả những bệnh



hoạn của thân và tâm, thì hành giả phải thực hành pháp của Phật. Vì chính pháp của Phật là pháp đối trị bệnh hoạn của thân và tâm.

Một khi thân và tâm của bất cứ ai không còn bệnh hoạn, thì người ấy có hạnh phúc, có an lạc, người ấy có đời sống của Niết-bàn ngay đây và bây giờ.

Thật vậy, con người chỉ có hạnh phúc và an lạc khi nào con người thật sự có được một thân

tâm không tật bệnh, không phiền não.

Nhưng, muốn có được một thân tâm như vậy, thì con người cần phải thực hành pháp của Phật. Vì pháp ấy có hiệu năng làm lắng đọng và tiêu tan tất cả những sự sầu muộn, lo âu, sợ hãi, bất mãn, tham ái, sân hận và u tối của tâm hồn.

Nói tóm lại, pháp của Phật có tính chất làm tiêu tan tất cả những bệnh hoạn, phiền não và đem lại sự tươi mát, an lạc cho những ai thực hành nó.

+ Ứng thời:

Pháp do đức Phật thuyết giảng, pháp ấy không bị hạn chế bởi không gian và thời gian. Bởi do sự không bị hạn chế này, nên pháp của Phật thích ứng với tất cả mọi không gian và thời gian.

Chẳng hạn, trong quá khứ các pháp do duyên mà khởi, trong hiện tại các pháp do duyên mà khởi. Và trong vị lai các pháp cũng do duyên mà khởi. Vậy, pháp duyên khởi là pháp do đức Phật đã giảng dạy, pháp ấy luôn luôn có mặt và thích hợp trong mọi thời gian của thế gian này.

Lại nữa, pháp duyên khởi do đức Phật đã giảng dạy, không những ở nơi này các pháp cần có duyên mới sinh khởi, mà ở nơi kia, các pháp cũng cần phải có duyên mới sinh khởi. Vậy, pháp duyên khởi là pháp đức Phật đã giảng dạy, pháp ấy luôn luôn có mặt và thích ứng với mọi không gian của thế gian này.

Lại nữa, mọi chúng sanh sinh ra trong quá khứ đều bị những hình thái khổ đau như khổ khổ, hoại khổ, hành khổ, như sanh, già, bệnh, chết, cầu mong mà không được là khổ đau phát sinh... Nhưng chúng sanh sinh ra trong hiện tại, hay trong vị lai cũng như bất cứ ở đâu trong cõi đời này cũng đều bị chi phối như vậy cả.

Do đó, đức Phật bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào trên thế gian này, Ngài đều nêu rõ Khổ đế. Và Khổ đế là một sự thật hiển nhiên của các chúng

sanh ở thế gian này.

Lại nữa, bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào trong thế gian này, sau khi đức Phật đã nêu rõ ra Khổ đế, Ngài lại tiếp tục chỉ rõ những nguyên nhân phát sinh khổ đau, đó là Tập đế.

Như vậy, đức Phật nói về Khổ đế và Tập đế là nói về nhân duyên, nhân quả làm sinh khởi sự khổ đau của thế gian.

Bởi pháp mà đức Phật đã nêu rõ như vậy, pháp ấy không bị hạn chế bởi bất cứ thời gian nào và không gian nào của thế gian này vậy.

Lại nữa, sau khi đức Phật đã nêu rõ những nhân duyên, nhân quả tạo nên sự khổ đau của thế gian; đức Phật lại tiếp tục nêu rõ nhân duyên, nhân quả xuất thế gian, đó là Diệt đế và Đạo đế. Diệt đế là kết quả tất yếu do sự tu tập Đạo đế mà thành tựu.

Khổ đế và Tập đế đã được đức Phật thuyết giảng, nhằm nêu rõ lý do mà thế gian bị trôi buộc trong sự khổ đau. Đạo đế và Diệt đế, đức Phật thuyết giảng nhằm nêu rõ con đường và hướng dẫn cách thoát ly sự khổ đau cho chúng sanh để đến nơi hạnh phúc an lạc.

Bởi, pháp mà đức Phật đã chỉ rõ con đường thoát ly sự khổ đau như vậy, pháp ấy không bị giới hạn bởi bất cứ thời gian và không gian nào.

Vì sao như vậy? Vì trong quá khứ, tất cả chúng sanh đã bị khổ đau và tất cả đều có khát vọng giải thoát. Trong hiện tại, tất cả chúng sanh đang bị khổ đau và tất cả đều đang có khát vọng giải thoát. Trong vị lai, tất cả chúng sanh sẽ bị khổ đau và tất cả đều sẽ có khát vọng giải thoát. Và không những chúng sanh ở nơi đây mà bất cứ ở đâu trên thế gian này cũng đều như vậy cả.

Do tất cả chúng sanh hiện hành trong không gian và thời gian trên thế gian này đều bị khổ đau và đều có khát vọng giải thoát khổ đau, nên pháp của Phật nói ra, pháp ấy có tính thích hợp với mọi không gian và mọi thời đại của tất cả chúng sanh vậy.

Do pháp của Phật có tính như vậy, nên gọi là ứng thời.

+ Dẫn đạo:

Pháp do đức Phật thuyết giảng, pháp ấy có tính cách hướng đạo, dẫn đạo, đưa đường, cụ thể và thực tiễn không mơ hồ.

Thật vậy, trước khi đức Phật sắp nhập Niết-bàn, có những đệ tử của Ngài lậu hoặc chưa hết, liền thương tiếc khóc lóc, nhưng đức Phật đã bình thản dạy bảo rằng: "Các con hãy tự mình thấp đuốc lên mà đi, Như Lai chỉ là người dẫn đường".

Như Lai tự khẳng định sự hiện hữu của Ngài là người dẫn đường cho chúng sanh về nơi giác ngộ, và giáo pháp Ngài dạy hẳn nhiên cũng phải mang đầy những tính chất như vậy. Nghĩa là giáo pháp của Ngài do Ngài chứng nghiệm mà nói ra, pháp ấy có tính dẫn đạo, có tính khơi mở, chỉ bày, thực dụng để giác ngộ và hội nhập.

Bởi vậy, trong kinh đức Phật đã dặn đi, dặn



lại nhiều lần với các đệ tử của Ngài rằng: "Các con hãy nương tựa pháp, hãy lấy pháp làm bậc Đạo sư của chính mình".

Như vậy, trong lời dạy của đức Phật, chúng ta thấy rằng, pháp với Ngài là một, pháp hiện hữu là Ngài hiện hữu, và Ngài hiện hữu là pháp hiện hữu. Nên, Ngài hiện hữu như một bậc Đạo sư, thì pháp của Ngài hiện hữu cũng hàm ngụ những tính chất ấy.

Vậy, pháp của Phật hiện hữu là để hướng dẫn cho những ai muốn đi đến đời sống giải thoát và giác ngộ; muốn đi đến cuộc sống có trí tuệ và tình thương.

Nói gọn lại, pháp của Phật có tính chất hướng dẫn thực nghiệm, để đi đến đời sống an lạc, giải thoát cho đời này và đời sau, cho bất cứ ai muốn thực hành nó.

+ Cận quán:

Pháp do đức Phật thuyết giảng, pháp ấy không phải để tranh cãi, không phải để lý luận, không phải để suy luận. Vì trong kinh Thánh Cầu, Trung Bộ I, đức Phật dạy: "Pháp do Ta chứng được, thật là sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, cao thượng, siêu lý luận, vi diệu, chỉ có Người trí mới thấu hiểu..."

Như vậy, kẻ nào đem tâm tranh cãi, đem tâm lý luận, đem tâm suy luận mà đến với đạo Phật, kẻ ấy không bao giờ gặp được đạo Phật. Bởi vì tất cả những gì đức Phật nói ra, đã trình bày cho mọi người, đó là những gì Ngài đã thực nghiệm, đã chứng ngộ.

Bởi vậy, bất cứ ai chỉ tìm hiểu đạo Phật, mà không thực hành pháp của Phật, người ấy sẽ không bao giờ hiểu được đạo Phật là gì.

Trong Trung Bộ kinh, đức Phật đã dạy: "Pháp của Ta giảng dạy là để thực hành, chứ không phải để nói".

Vậy, những ai đến với đạo Phật là để thực hành pháp của Phật, chứ không phải đến với đạo Phật để mà nói về đạo Phật. Nếu một người chuyên nói về đạo Phật, mà không thực hành đạo Phật, người ấy có thể là con vẹt, là cuốn băng, là tủ đựng sách... người ấy hiển nhiên không phải là nguồn sinh lực của đạo Phật, nên sự an lạc, giải thoát và giác ngộ không bao giờ có mặt nơi kẻ ấy và kẻ ấy vẫn bị triền miên với những khổ đau mà thôi.

Do đó, pháp của Phật có tính cách cận quán, nghĩa là pháp ấy có tính thực hành, chiêm nghiệm và để an trú vào đời sống giải thoát.

+ Trí giả nội chứng:

Như trong kinh Thánh Cầu, đức Phật nói: "Pháp do Ngài chứng đạt, pháp ấy chỉ có kẻ trí mới thấu hiểu".

Thật vậy, kẻ ngu si thì tham ái dục, tham danh lợi, chấp ngã sâu nặng, khó mà nhận thức rõ được chân lý, và rất khó mà từ bỏ được tính chấp thủ của họ.

Bởi vậy, trên thực tế, kẻ có trí tuệ thì hết tâm thương yêu và xây dựng cuộc đời, thường đem lại hạnh phúc an ổn cho đời. Trái lại, kẻ ngu si thường đem tâm nhiễu hại cuộc đời, họ không những đem lại sự đau khổ và bất an cho chính họ, mà còn đem lại sự đau khổ và bất an cho kẻ khác.

Lại nữa, người có trí tuệ thì luôn luôn khai mở để cho mọi người thấy rõ chân lý. Trái lại, kẻ ngu si thì thường làm cho chân lý khuất lấp và hay phi báng những điều hay lẽ phải.

Do đó, đối với giáo pháp cao thượng, kẻ ngu si không dễ gì tiếp cận, huống nữa là thực hành để có được sự nội chứng.

Trái lại, kẻ có trí tuệ thì đối với pháp của Phật, họ sẽ tiếp cận một cách dễ dàng, khi nghe đức Phật nêu rõ chân lý một cách minh thị. Họ không còn nghi ngờ gì nữa, khi nghe đức Phật dạy rằng: Đây là Khổ; đây là Tập; đây là Diệt; đây là Đạo. Hoặc nói rằng, khát ái, vô minh, chấp thủ năm uẩn là tự ngã... đó là những tác nhân, tác duyên của mọi sự khổ đau. Và họ cũng không nghi ngờ gì nữa, khi nghe đức Phật dạy rằng, các pháp do duyên sinh thì không có tự tính, chúng sinh động, vô thường và không thực hữu. Chúng chỉ tồn tại trong sự tác động qua lại hỗ tương, và chúng hiện hữu trong vòng nhân duyên, nhân quả vô tận. Và họ không còn nghi ngờ gì nữa về pháp Bát chánh đạo, là con đường dẫn đến hạnh phúc, an lạc Niết-bàn.

Bởi, đời sống của trí tuệ là như vậy, nên pháp của Phật đã được kẻ trí tiếp cận và thực hành bằng đời sống nội quán của chính họ.

Pháp hay Dharma còn có nghĩa là trí tuệ, nên kẻ nào chứng nghiệm được pháp, kẻ ấy được mệnh danh là kẻ có trí tuệ.

Bởi vậy, đức Phật là người đầu tiên trong cõi đời này chứng ngộ được pháp, nên Ngài được mệnh danh là bậc Trí Tuệ ở trong đời. Và người đầu tiên dẫn dắt mọi người đi trên con đường trí tuệ.

Bởi, pháp của Phật có tính chất như vậy, nên pháp ấy được chứng ngộ bởi kẻ trí. Và kẻ được gọi là có trí tuệ, khi nào kẻ ấy chứng ngộ được pháp.

Pháp của Phật do có những tính chất đã được đề cập ở trên, nên bất cứ ai thực hành nó, đều có thể phát sinh đời sống trí tuệ và có sự giải thoát ngay trong cuộc đời này.



VẪN LÀ MÙA XUÂN

*Cõi nguyên sơ
Mộng bây giờ,
Mới hay gió bụi tung hô dặm ngàn.
Nẻo về bóng đỏ thời gian,
Chợt nghe vọng lại cung đàn nghìn năm.*

*Trăng xưa
Nay vẫn nguyên Rằm
Trời xưa vẫn một ánh hồng ban sơ.
Bao giờ
Cho đến bây giờ,
Gặp ta trong cõi thực hư sắc màu!*

*Ngàn hoa cỏ
Dưới trăng sao
Đất trời vẫn vẹn một màu xuân xưa.
Đoá mai vàng nở đương mùa,
Xuân này lại với mai xưa khác nào*

thơ **MẶC PHƯƠNG TỬ**

Những ngày cuối năm 2021

Thấy Chân Thường, Thấy Mùa Xuân Vĩnh Cửu

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



*Rõ ràng tỏ rõ mười hai thì
Tự tánh vô công khắp hiện bày
Sáu căn vận dụng chân thường thấy
Vạn pháp tung hoành: chánh biến tri.
Hiện hách phân minh thập nhị thì
Thử chi tự tánh nhậm thì vi
Lục căn vận dụng chân thường kiến
Vạn pháp tung hoành chánh biến tri.*

Đây là bài kệ thị tịch của Thiền sư Chân Nguyên (1647-1726). Bài kệ nói về tự tánh, tức là bản tánh của tâm của mỗi người, dù đã chứng ngộ hay chưa chứng ngộ, và sự biểu hiện của nó trong thế giới hình tướng của thế gian.

"Rõ ràng tỏ rõ mười hai thì"

Tự tánh, từ ngữ được Lục Tổ Huệ Năng dùng suốt trong Pháp Bảo Đàn Kinh, để chỉ bản tánh của tâm, hay "Phật tánh mà tất cả chúng sanh đều có" được nói trong kinh Đại Bát Niết Bàn. Tự tánh này còn được gọi là tánh giác trong truyền thống Thiền, và trong Đại Toàn Thiện (Dzogchen) Ấn - Tạng gọi là tánh giác Rigpa. Tự tánh này luôn luôn tự tỏa sáng "rõ ràng tỏ rõ mười hai thì", cả ngày lẫn đêm, khi thức cũng như khi ngủ. Đây là ánh sáng căn bản của bản tánh của tâm mà kinh thường nói đến bằng từ "quang minh".

Khi nói "rõ ràng tỏ rõ" là nói đến phương diện Chiếu (hay Quán) của tự tánh, còn khi nói "tịch lặng bất động" là nói đến phương diện Tịch (hay Chi) của tự tánh. Tự tánh thì vừa Tịch vừa Chiếu, Chi Quán đồng thời.

Lục Tổ Huệ Năng nói tự tánh chiếu soi như sau:

"Trên đất tâm mình là tánh giác Như Lai, phóng ánh sáng lớn, ngoài chiếu soi sáu cửa thanh tịnh, hay phá các cõi trời lục dục. Tự tánh chiếu bên trong, ba độc liền dứt, các tội địa ngục nhất thời tiêu diệt. Trong ngoài sáng suốt chẳng khác Tịnh độ Tây phương" (Phẩm Nghi Vấn).

"Tự tánh vô công khắp hiện bày"

Chữ vô công để dịch chữ nhậm vận, vô công dụng đạo.

Tự tánh tự nhiên, không ra sức, mà hiện bày khắp trong tất cả các hình tướng. Bởi vì tự tánh là ánh sáng căn bản vốn có, nên trên nền tảng ấy các hình tướng xuất hiện, như một tấm gương sáng thì trong đó có các hình bóng xuất hiện. Như một thiền ngữ xưa nói: "Trúc biếc xanh xanh đều là Pháp thân; Hoa vàng rờ rờ không gì chẳng phải

là Bát nhã".

Thiền sư Thiền Lão (đời thứ sáu dòng Vô Ngôn Thông) nói:

*Trúc biếc hoa vàng đầu (phải) ngoại cảnh
Trắng trong mây bạc lộ toàn chân.*

Ánh sáng tự tâm thì chiếu khắp, nhưng khó thấy. Nhờ có sự vật được chiếu sáng mà dễ dàng thấy ánh sáng. Sự vật vừa được ánh sáng làm cho hiển lộ, nếu không có ánh sáng sẽ không có sự vật, vừa là chỗ để ánh sáng dựa vào mà biểu lộ sự soi chiếu của nó. Sự vật chính là nơi ánh sáng biểu lộ. Sự vật là ánh sáng và cũng chẳng phải là ánh sáng. Sự vật thì chuyển động, vô thường, ánh sáng tự tâm thì không chuyển động, thường còn.

"Tự tánh vô công khắp hiện bày" là ánh sáng tự tánh, nền tảng ánh sáng tự tánh khắp hiện bày này nhờ nó mà tất cả các hình tướng xuất hiện và rõ ràng tỏ rõ. Cho nên với người thấy tánh, sự vật chính là sự hiển bày của ánh sáng tự tánh vô công khắp hiện bày.

Đạo sư Padmasambhava nói về tự tánh hay tánh giác tỏa sáng này như sau:

*Tánh giác của con vốn biết, vốn sáng tỏ và rạng rỡ quang minh
Khi nó hiển hiện thì được gọi là Bồ đề tâm, tâm giác ngộ*

Không có bất kỳ hoạt động thiền định nào, nó siêu việt mọi đối tượng của hiểu biết

Không có bất kỳ xao lãng nào, nó là sự trong sáng quang minh của bản tánh.

Những hình tướng trông không trong chính chúng, trở nên tự giải thoát

Sáng tỏ và tánh Không bất khả phân là Pháp thân.

Bởi vì rõ ràng là không có cái gì để thành tựu trên con đường đến Phật quả

Vào lúc này con sẽ thực sự thấy Phật Kim Cương Tất Đóa.

(Self-Liberation through seeing with naked Awareness, Vajranatha dịch; Tự giải thoát qua thấy với tánh giác trần trụi, ban dịch thuật Thiện Tri Thức).

"Sáu căn vận dụng chân thường thấy"

Tánh giác chiếu soi qua sáu căn, mắt tai mũi lưỡi thân ý. Tánh giác là bản tánh của sáu căn, như kinh Lăng Nghiêm nói, "Một tinh minh (tánh giác) phân làm sáu phần hòa hợp (sáu căn)". Cho nên khi sáu căn hoạt động (vận dụng) chúng ta có thể nhận biết nền tảng giác hay bản tánh giác của chúng. Bản tánh giác ấy là chân thường nên bài

kệ nói "chân thường (được) thấy". Cái thấy chân thường là một với chân thường, nên thấy chân thường chính là chân thường thấy, trong đó không có chủ thể và đối tượng. Chủ thể và đối tượng hòa tan vào cái thấy chân thường.

Người làm thanh tịnh tâm mình bằng thực hành Phật pháp thì khi được kinh điển hay một vị thầy khai thị thì có thể thấy bản tánh giác chân thường này nơi sáu căn, bởi vì sáu căn là sự biểu lộ của bản tánh giác chân thường ấy. Như các hình bóng trong tấm gương là sự biểu lộ của tấm gương sáng tỏ và bất động. Các hình bóng không nằm ngoài gương, nên tảng hay bản tánh của các hình bóng ấy chính là tấm gương.

"Vạn pháp tung hoành: chánh biến tri"

Khi thấy, nhận biết đầy đủ và thuần thực trong tánh giác thì người ta thấy, nghe, xúc chạm... tánh giác ở khắp cả, vì không đâu không là sự biểu lộ của tánh giác.

"Tung hoành" là dọc ngang. Muốn pháp, tất cả các pháp, dọc ngang khắp mười phương, đều là tánh giác. Đây là cái thấy biết của Phật, được gọi là Chánh Biến Tri (cái thấy biết chân chánh cùng khắp).

Trong các kinh, khi Đức Phật thuyết pháp xong, thường nói có bao nhiêu vị đắc pháp nhãn tịnh, bao nhiêu vị đắc Vô sanh pháp nhãn. Pháp nhãn tịnh là con mắt pháp thanh tịnh, thấy tất cả các pháp "bổn lai thanh tịnh". Khi con mắt pháp thanh tịnh này khai mở hoàn toàn thì được gọi là Chánh Biến Tri. Khi ấy, tất cả các pháp được thấy biết bằng Chánh Biến Tri thì trở thành Chánh Biến Tri: tất cả mắt tai mũi lưỡi thân ý và tất cả những đối tượng của chúng sắc thanh hương vị xúc pháp đều trở thành Chánh Biến Tri.

Khi mắt tai mũi lưỡi thân ý đều là tánh giác thì sắc thanh hương vị xúc pháp đều là tánh giác. Khi ấy người ta bước vào Tịnh độ của Phật hay nói theo Mật giáo là bước vào và ở nơi trung tâm Mạn đà la, trở thành một thành tựu giả: tất cả âm thanh là thần chú, tức là lời của Phật, tất cả sắc tướng thể giới và chúng sanh là Hóa thân của Phật.

DẶM THẨM HUYỀN

*Như chiêm bao níu lại bóng mình
Hàm tiếu một nụ hoa ánh sáng
Sương già thơm mùi nắng sơ sinh*

*Tưởng phía quen là đêm khuya khoắt
Hình hài qua không nổi dấu chân
Tưởng vết đau là đường biên vô tận*

*Dặm thẩm huyền trong bàn tay Phật
Đi đi hoài còn vấp một nỗi xa
Kìa trời xanh mây đến đi khoan nhạt*

*Mây lại mây bay. Xanh rồi xanh
Trái tim nhỏ một ngày khêu ánh mắt
Nhận ra nhau. Sớm tối lại ân cần*

*Nhìn ra nhau. Hỏi niềm đau giấu mặt
Nụ cười khơi hạt lệ quen quen
Miên man chảy. Đau lòng suối đắng*

*Miệt mài đi. Đường dài thắm mặn
Bước chân đây. Nọ hạt bụi hữu tình
Bàn tay nhỏ chở mệnh mỏng trời đất*

*Mở trời xanh hạt lành rơi xuống
Theo đất hiền cây trái mọc lên
Mơ thế giới... Qua mùa khổ nạn*

NGUYỄN THỊ KHÁNH MINH



CẦU AN THEO TÌNH THẦN KINH PHƯỚC ĐỨC

Quảng Tánh

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Mahamangala Sutta thuộc Sutta Nipata II, *Tiểu Bộ kinh I*, Thiền sư Thích Nhất Hạnh dịch là *Kinh Phước Đức*, Hòa thượng Thích Minh Châu dịch là *Kinh Điềm Lành Lớn (Kinh Đại Hạnh Phúc)*, một bản kinh cầu phước đức rất nhiệm mầu, hiệu ứng an lành đích thực cho những ai tụng đọc, thực hành và ứng dụng trong đời sống hàng ngày. Vào các ngày đầu xuân, những người con Phật lên chùa dâng hương cầu nguyện, mong ước một năm mới bình an, thịnh vượng. Bên cạnh việc lễ bái, cầu nguyện, cúng dường v.v..., nếu người nào hữu duyên được đọc tụng và hành trì theo kinh *Phước Đức* thì chắc chắn sẽ gạt hái được phước báo vạn sự cát tường như ý.

Bản kinh *Phước Đức* ngắn gọn, súc tích, nghĩa lý rõ ràng có thể đưa vào kinh Nhật tụng để mọi người đọc tụng mỗi ngày. Duyên khởi để Thế Tôn ban pháp thoại này phát xuất từ lời thỉnh cầu của một vị Trời mong muốn biết và thực hành gieo trồng phước đức nhằm xây dựng đời sống an lành. Chư thiên là loài được xem là có phước đức hơn hết so với các loài trong lục đạo mà còn thỉnh ý Thế Tôn nói về phước đức để kiện toàn phước báo cho tự thân, hưởng gi loài người, và nhất là Phật tử chúng ta.

*Lánh xa kẻ xấu ác
Được thân cận người hiền
Tôn kính bậc đáng kính
Là phước đức lớn nhất.*

Theo Thế Tôn, phước đức lớn nhất, trước tiên là phát huy tuệ giác, thành tựu chánh kiến. Một trong những biểu hiện của chánh tri kiến là thấy rõ thiện và ác cùng với gốc rễ của nó (*Kinh Chánh Tri Kiến*, Trung Bộ I). Thấy rõ điều ác và người ác để tránh xa, đồng thời thấy rõ điều thiện và người hiền để thân gần, tôn kính các cá nhân đức hạnh, bậc mô phạm về đạo đức trong xã hội... chính là những nhân tố cực kỳ quan trọng để thành tựu phước đức. Đặc biệt, sự "tôn kính bậc đáng kính" vô cùng cần thiết cho việc thành tựu phước đức của cá nhân và cả quốc gia, xã hội. Bậc đáng kính là người có tài đức, bậc hiền tài, là nguyên khí của quốc gia. Thiếu trân quý, không trọng dụng hiền tài hoặc đặt để không đúng người, đúng việc, làm lãng phí tài và đức là một trong những nguyên nhân quan trọng khiến cho phước đức của quốc gia suy giảm.

*Sống trong môi trường tốt
Được tạo tác nhân lành
Được đi trên đường chánh
Là phước đức lớn nhất.*

Mỗi người đều có quyền lựa chọn môi trường sống và làm việc cho chính mình. Tất nhiên, thực tế thì ít khi toàn diện, được cái này thì mất cái kia, song điều cần tỉnh giác ở đây là những thuận lợi về phương diện vật chất không phải lúc nào cũng cần thiết để cho chúng ta nhắm mắt và sẵn sàng đánh đổi. Cần bình tâm để nhận diện rằng được sống, làm việc, học tập và phụng sự trong môi trường lành mạnh sẽ tác động rất lớn đến việc hình thành nhân cách cao thượng. Nhờ sống trong môi trường đạo đức và trí tuệ, xung quanh hầu hết là người tốt nên ta dần trở nên chín chắn, hiền thiện và an lành hơn.

*Có học, có nghề hay
Biết hành trì giới luật
Biết nói lời ái ngữ
Là phước đức lớn nhất.*

Kinh nghiệm của tiền nhân cho thấy "nhất nghệ tinh, nhất thân vinh". Có chuyên môn cao ở bất cứ lĩnh vực nào cũng đều hữu dụng, mang lại lợi ích thiết thực cho tự thân, gia đình và xã hội. Có tài năng nhưng phải được đạo đức định hướng và dẫn dắt thì mới xứng hiền tài. Tài mà không hiền thì vẫn vô phước vô phần, đôi khi trở nên cực kỳ nguy hiểm nếu họ cậy tài để làm ác. Mặt khác, người có tài thì không nên tự cao, quát nạt, giấu nghề mà ngược lại, luôn sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, dìu dắt và đào tạo thế hệ kế thừa với tất cả lòng thành, khiêm tốn và yêu thương. Được như vậy, xã hội ngày càng trở nên hoàn thiện, đất nước ngày càng phát triển ổn định hơn. Do đó mỗi chúng ta, nhất là các bạn trẻ phải lập chí học hành để có một nghề nghiệp chân chính, có trình độ chuyên môn và thu nhập cao, phục vụ nhiều hơn cho cộng đồng. Đó chính là một trong những phương diện của phước đức.

*Được cung phụng mẹ cha
Yêu thương gia đình mình
Được hành nghề thích hợp
Là phước đức lớn nhất.*

Những ai từng vì cuộc mưu sinh mà phải xa cha mẹ và người thân, sống nhờ nương nơi đất khách quê người, nhất là phải làm công việc nghịch tay trái nghề, mới thấm thía về sự thiếu phước. Ấy vậy mà có khá nhiều người đang nắm giữ phước đức trong tay nhưng lại không tự biết, thậm chí còn rúng rẩy xem thường khi đang có một công việc yêu thích ở gần nhà cùng với cha mẹ và những người thân. Cho nên, khi còn duyên lành sống với cha mẹ, anh em trong gia đình thì

phải hiểu thuận hết lòng, có việc làm thích hợp (dù thu nhập không cao) cũng nên tận tâm vì đó là những chất liệu hình thành nên nguồn vui sống. Chính niềm hòa hiếu an vui của chúng ta, điều mà không thể đem các giá trị khác như danh tiếng, giàu sang để có thể hoán đổi, nên mới gọi là phước đức lớn nhất.

*Sống ngay thẳng, bố thí,
Giúp quyền thuộc, thân bằng
Hành xử không tì vết
Là phước đức lớn nhất.*

Một người làm ăn lương thiện, tạo dựng cơ nghiệp từ bàn tay và khối óc của chính mình chính là phước đức lớn nhất. Càng phước đức hơn khi cuộc sống của bản thân đã tạm ổn, người ấy biết phụng dưỡng cha mẹ, giúp đỡ người thân và sẻ chia với mọi người xung quanh, nhất là những người đang thực sự thiếu thốn. Sống trung thực, ngay thẳng, nhìn về quá khứ không có bất cứ điều gì phải dằn vặt, bận lòng. Tâm hồn trong sáng, hành xử đúng với ta mà cũng phải với người cùng với niềm kính trọng, yêu thương là nền tảng của bình an. Thiết lập được bình an là thành tựu phước đức.

*Tránh không làm điều ác
Không say sưa nghiện ngập
Tinh cần làm việc lành
Là phước đức lớn nhất.*

Phước đức hình thành và tăng trưởng nhanh nhất khi chúng ta biết siêng năng làm các điều lành. Một người khi phát nguyện làm các điều lành thì đồng nghĩa với không làm các điều ác. Điều lành luôn mang các thuộc tính có lợi ích cho mình và người, tạo ra hiệu ứng an lành trong hiện tại và tương lai. Một điều rất thú vị ở đây là để tạo phước đức cho bản thân bằng cách làm các hạnh lành thì tuyệt nhiên không dính vào say và nghiện. Vì không nhiều người chú ý đến khía cạnh này nên chủ quan không cảnh giác rời đánh mất mình khi lỡ sa vào say và nghiện. Nói cách khác, say sưa và nghiện ngập là hai yếu tố quan trọng khiến tổn giảm phước đức nhanh chóng. Do vậy, muốn tạo dựng và giữ gìn phước đức của bản thân thì hãy luôn tinh táo, làm chủ được mình.

*Biết khiêm cung lễ độ
Tri túc và biết ơn
Không bỏ dịp học đạo
Là phước đức lớn nhất.*

Thành tựu phước đức rất khó, nhưng khi có chút phước rồi mà người hưởng phước biết khiêm cung, lễ độ với mọi người đồng thời luôn biết vừa đủ và tri ân lại càng khó hơn. Cái sự đời "giàu đổi bạn, sang đổi vợ" xưa nay không phải là chuyện hiếm. Có phước mà không biết gìn giữ và vun bồi nên chắc chắn sau một thời gian phước đức sẽ suy giảm. Với những người khi đã có cái ăn, cái mặc và chỗ ở rồi thì điều quan trọng không phải là cố gắng làm cho vinh thân phì gia thêm để thụ

hưởng mà chính là vấn đề tu dưỡng phát huy đạo đức, an tịnh và thăng hoa tâm hồn. Những ai làm được như vậy thì phước đức ngày càng tăng thêm.

*Biết kiên trì, phục thiện
Thân cận giới xuất gia
Dự pháp đàm học hỏi
Là phước đức lớn nhất.*



Đi chùa, làm việc thiện, đi nghe pháp thoại, học đạo, tham thiền v.v... chính là những việc làm cao thượng, mang lại phước đức to lớn. Có nhiều vấn đề mà tiền bạc không mua được, danh vọng không đánh đổi được và uy quyền không lung lạc được... và chỉ có học đạo, tham thiền mới có thể giải quyết rốt ráo, mang lại niềm an ổn cho con người. Xưa kia thái tử Siddhartha và sau là vua Trần Nhân Tông từ bỏ ngai vàng lên rừng tu đạo chính là đi tìm sự an tâm. Khi tâm đã an thì muôn sự đều bình an. Và chỉ có chuyên tâm học đạo mới có thể thành tựu phước đức to lớn này.

*Sống tinh cần, tinh thức
Học chân lý nhiệm mầu
Thực chứng được Niết-bàn
Là phước đức lớn nhất.*

Trong quá trình hướng nội, thanh lọc thân tâm thì chứng đạt Niết-bàn là phước đức lớn nhất. Sự siêng năng chuyên cần tu tập, duy trì sự tinh thức thường trực là những nhân tố quan trọng để thành tựu đạo quả. Niết-bàn là sự giải thoát khỏi tất cả những ràng buộc phiền não, là ánh sáng phá tan u ám của bóng tối si mê, là sự chấm dứt khổ đau luân hồi sanh tử. "Việc nên làm đã làm, gánh nặng đã đặt xuống" rồi, hành giả thông dong tự tại làm đẹp cho đời.

*Chung dụng trong nhân gian
Tâm không hề lay chuyển
Phiền não hết, an nhiên,
Là phước đức lớn nhất.*

Với tâm giải thoát tự tại, hành giả an nhiên bất động trước vô vàn biến động, tự tại vào ra trong sanh tử để cứu độ chúng sanh, làm đẹp cuộc đời như sở hành của vị Bồ-tát, đây không chỉ là phước đức cho một người mà tất cả cộng đồng, nhân loại.

Thật rõ ràng, xuyên suốt nội dung bản kinh Thế Tôn dạy về "làm" phước mà không hề có chuyện "xin" phước. Nên trong đạo Phật có chủ trương cầu nguyện mà tuyệt không có cầu xin. Vì Phật không trực tiếp ban phước cho ta an lành mà chỉ dạy phương cách rồi chúng ta phải tự thực tập, hành trì để tạo ra phước đức và được bình an.

Mong ước được an lành chính là một sự phát nguyện vun bồi phước đức tự thân, được thể hiện qua sự chuyển hóa ba nghiệp thân miệng ý theo hướng thiện lành. Do đó, bình an và phước đức có thể tạo dựng ngay bây giờ và ở đây.

NGUYỆN CẦU HỒI HƯỚNG CỦA TỰ VIỆN

Nguyên bản: *Temple Dedication Prayer*

Tác giả: PATRUL RINPOCHE

Anh dịch: **Adam Pearcey**, 2005

Chuyển ngữ: **Tuệ Uyên**

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Qua năng lực của việc này, nguyện cho chúng con đạt được quả Phật, Và qua hành động giác ngộ của chúng con không cần nỗ lực hoặc cố gắng (1), Làm cạn kiệt dương luân hồi của ba cõi, Vì thế tất cả đạt được thể trạng toàn giác của Kim Cang Trì.

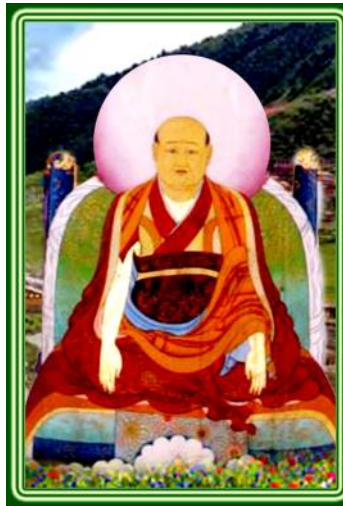
Cũng thế, bây giờ và ở đây, qua năng lực của quyết tâm tối thượng này, Nguyện cho cả thế giới được thoát khỏi tật bệnh, đói kém, xung đột và xáo trộn, Nguyện cho mưa rơi đúng thời, thu hoạch dồi dào và tài nguyên phát triển, Và nguyện cho chúng con giàu có với những phẩm chất vô thượng của những cảnh giới cao siêu!

Nguyện cho bất cứ người nào thấy được những trình bày cứu kính này của những bậc giác ngộ, Nghe, nghĩ, lễ kính, cúng dường các ngài hay tỏ lòng tôn kính các ngài, Và thậm chí những ai chỉ chạm cùng hơi thở qua làn gió, Tự nhiên hoàn thành tất cả những nguyện ước của họ, cả tương đối và cứu kính!

Nguyện cho hạt giống giải thoát được gieo trồng trong tâm, Của tất cả những ai liên hệ trong việc xây dựng tự viện này, Với thân, miệng, ý - kể cả những con ngựa và những con vật gánh nặng khác, Và ngay cả những con côn trùng mà sự sống bị lấy đi vì tai nạn.

Nguyện cho ngôi tự viện này cung ứng những điều kiện để theo đuổi không mệt mỏi Mọi chi nhánh của học tập, một cách hoàn hảo và phù hợp với giáo pháp, Và nguyện cho mọi chương trình thực hiện ở đây được hoàn thành không bị trở ngại, Vì thế tất cả có thể hưởng được sự vinh quang của những thành tựu tối thượng và bình thường!

Nguyện cho mọi nguồn cội của giáo pháp và những nhu cầu vật chất luôn được đầy đủ,



Cho phép tất cả những hành giả duy trì sự hỗ trợ tối thượng của sự thuận lợi, Tìm thấy thức ăn, áo quần và điều tiết, trong khi tránh hai cực đoan (2), Và bằng việc đi theo con đường giải thoát, thành tựu giác ngộ!

Nguyện cho hạnh kiểm tôn quý của tất cả những ai quy tụ ở chốn này - trong những sự thực hành học hỏi, quán chiếu và hành thiền - Mỗi mỗi phát triển và gia tăng như ánh trăng dần đến tròn, Và nguyện cho những con đường tối thượng này làm hoan hỉ tất cả chư Phật luôn luôn hiện hữu cho đến tận cùng, Không bao giờ tàn lụi, luôn luôn được duy trì qua học hỏi và qua

thực hành.

Nguyện cho tất cả những năng lực tích cực và những bốn tôn hoan hỉ trong các giáo huấn, Và tất cả những linh thức mạnh bạo và kiêu hãnh bị ràng buộc bởi những thế nguyện thánh thiện, Bảo vệ và trông nom tự viện này không bao giờ thiếu chú ý, Và nguyện các ngài tập hợp và thu hút tất cả biểu lộ của vinh quang trong phong phú.

Nguyện cho những hành vi sắc bén và phẫn nộ của các ngài được mang đến sanh ra một cách trực tiếp trên Tất cả những ai thù địch với giáo pháp hay tìm cách mang đến sự suy tàn trên những người giữ gìn chúng, Và tất cả những ai trộm cắp hay cướp bóc những tài sản, Được cúng dường cho cộng đồng tăng già.

Rất ráo, nguyện cho bất cứ ai có sự nổi kết với tự viện này, cho dù qua những hành vi tích cực hay tiêu cực, Trở thành dễ lãnh hội với sự tiếp cận thuần khiết đưa đến giải thoát, Và, qua việc đi theo những con đường của ba thừa, tìm thấy được sự tự do chân thật,

Vì thế biển luân hồi vô tận được mãi mãi trống rỗng!

Cho đến khi nào sự học hỏi và thực hành vẫn tiếp tục và giáo huấn nhà Phật vẫn còn hiện hữu,
 Những vị hộ pháp không bao giờ quên lẵng hay xao lãng bốn phận bảo vệ của các ngài,
 Vì phạm mệnh lệnh của những đấng Chiến Thắng và những thế nguyện kim cang của chính các ngài,

Nguyện cho sự trừng phạt nghiêm khắc bảo đảm sẽ giáng xuống những kẻ biểu lộ sự kiêu mạn như vậy.
 Từ ngày hôm nay trở đi, nguyện cho chư vị Ekajaṭī (1), Za Rāhula (2), Damchen Dorje Lekpa (3) và tất cả những vị còn lại
 Ở mãi mãi với ngôi tự viện này,
 Gia tăng tất cả những gì tích cực, bảo vệ chống lại những điều xấu, và loại trừ tất cả những chướng ngại.
 Và nhanh chóng trực tiếp mang đến sự phát sinh toàn bộ năng lực trong hành động của các ngài!

Vài lời về nguyện vọng này, được ghi lại ở cuối sổ ghi chi tiết các khoản quyên góp được thực hiện để xây dựng một ngôi chùa vĩ đại, được viết bởi Patrul ở Shri Singha, ẩn thất thuộc trung tâm tu viện của ba thừa. Cầu mong nó được tích đức và tốt lành!

Ấn Tâm Lộ, Monday, August 9, 2021

- 1) Trong kinh Tứ thập nhị chương có chép: "Tu vô tu tu, chúng vô chúng chúng v.v..."
- 2) Nguồn cung cấp và cơ sở vật chất không được quá đậm bạc và khắc khổ cũng không được quá phong phú và xa hoa.
- 3) Ekajaṭī hay Ekajaṭā, còn được gọi là Māhacinatārā, là một trong 21 vị Tara. Ekajati là một trong những người bảo vệ mạnh mẽ và hung dữ nhất của thần thoại Phật giáo Kim Cang thừa.
- 4) Za Rahula (Skt. Rāhula; Tib. ར་རུ་ལ་, Wyl. Gza 'ra hu la) - một trong những người bảo vệ quan trọng nhất của giáo lý Nyingma và Dzogchen. Ngài có chín cái đầu, phần trên cơ thể của ngài được che bằng mắt, và phần dưới giống như một con rắn.
- 5) Dorje Lekpa (Skt. Vajrasādhū; Tib. འཇམ་ལཱ་ཤཱ་, Wyl. Rdo rje chān pa) là một người bảo vệ giáo lý Dzogchen. Trước khi bị ràng buộc bởi lời thề của Guru Padmasambhava, ngài là vị thần của cờ bạc và chiến tranh. Ngài được miêu tả đang cưỡi trên một con sư tử tuyết và đội một chiếc mũ rộng vành.



TRƯỚC CỬA MÙA XUÂN

*Trước cửa mùa xuân
 Những quá khứ theo nhau
 Tự mua vé lên tàu
 Đi về một chân trời khác
 Ở đó không có mộ địa và những cành hoa biết nói*

*Trước cửa mùa xuân
 Hãy cứ hồn nhiên như ngày còn thơ ấu
 Đưa hai tay đón nhận món quà đầu năm mới
 Niềm ước mơ soãi cánh bay như những cánh diều
 Kìa gió- không quen biết ai
 Cũng về thăm từng góc phố
 Ra giêng đầy lộc ở phía chân trời*

*Có thể- nghĩ về những điều ta có thể
 Biết đâu- không nhớ sẽ không về
 Cứ đặt tên cho những nguồn hy vọng
 Giác mơ hiền như mẹ thuở làm dâu*

*Trước cửa mùa xuân
 Anh mơ về một chốn xa
 Thấy em ngồi- làm dáng- bên giỏ hoa
 Với nụ cười Di Lạc
 Vẫy tay chào giọt mưa hồng Nguyên Đán...*

thơ XUYÊN TRÀ

Ngồi giữa gió xuân

HẠNH CHI

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Nhà thiền có danh từ Tọa Xuân Phong để diễn tả hạnh phúc khi thầy trò, đồng môn, được ngồi yên với nhau, không cần làm gì, nói gì mà như đang cho nhau rất đầy, rất đẹp. Danh từ đó, tạm dịch là "Ngồi Giữa Gió Xuân."

Mùa Xuân chẳng phải là mùa tiêu biểu cho những gì hạnh phúc nhất trong bốn mùa ư?

Hạ vàng nắng chói, vui chơi hối hả như đàn ve sầu ca hát suốt mùa để cuối mùa kiệt lực!

Thu êm ả hơn, nhưng nhìn mây xám giăng ngang, lá vàng lá tả, tâm- động nào mà không bụi ngùi tưởng tới kiếp nhân sinh?

Đông lạnh lẽo gió mưa, kẻ trong chăn ấm, người ngoài phong sương, tắc lòng tương ái bản khoả nào dứt?

Chỉ mùa Xuân, người người tìm nhau đoàn tụ, muôn hoa tặng người thời kỳ mãn khai rực rỡ nhất để nhắc nhở người biết đến với người bằng Từ Bi Hỷ Xả.

Có món quà cao quý này, chúng ta chỉ cần ngồi xuống bên nhau thì lập tức nắng hạ, mưa thu, đông rét mướt cũng trở thành gió xuân dịu dàng; Vì sân hận, oán trách, ác độc, bất công không thể tồn tại trong Từ Bi Hỷ Xả.

Thời kỳ sắp đạt thành Đạo Cả, sa-môn Gotama đã dừng lại trong khu rừng bồ-đề râm mát bên giòng sông Ni-Liên-Thuyền, nơi đó sa-môn đã nhận bát sữa cúng dường của một cô bé trong làng, đã gặp chú bé chăn trâu tặng cỏ non êm mát làm tọa cụ.

Dưới tàng bồ-đề đại thụ, sa-môn đã dựng mãnh lập nguyện: "Nếu không đạt thành Đạo Cả, ta sẽ không rời khỏi nơi này."

Lúc đó, đất trời đang giao mùa, dăm cành sầu đông khằng khiu cự mình thức giấc chờ đón ngọn gió xuân thoảng tới. Giữa bao la vạn hữu, Sa-môn ngồi kiết già, thỉnh lặng, thành thời quán chiếu luân hồi để phát hiện



tự ngã, đạt tới Bình Đẳng Tánh Trí.

Ngọn gió nào thổi qua khu rừng bồ-đề ven thôn nghèo Ưu Lâu Tần Loa, hướng đông nam Ấn Độ vào canh ba của một đêm mầu nhiệm cách nay hơn hai ngàn năm trăm năm, có phải là ngọn xuân phong đã hờn hờ bay khắp mười phương tám hướng báo tin Đạo Cả vừa tự thành?

Gió đã mang tin vui đi khắp vạn hữu, nhưng Người Đặc Đạo vẫn lặng yên ngồi giữa gió xuân sau khi đã đạt Túc Mệnh Minh, thấy hết đoạn đường sinh diệt của mình trong các kiếp quá khứ, hiện tại, vị lai; đạt Lưu Tận Minh, cái thấy vượt thoát sinh tử; đạt Tha Tâm Minh, Thiên Nhãn Minh, Thiên Nhĩ Minh, Thần Túc Minh, do nắm vững bí quyết của chánh niệm mà thấy hết, nghe hết, tới hết với trăm luân của mọi loài.

Khi ánh dương rạng rỡ ở phương Đông, vị sa-môn mới chậm rãi đứng lên. Ngài đi về phía bờ sông Ni Liên Thuyền. Cũng con sông ấy nhưng nước sông như trong hơn, mát hơn khi bước chân Bạc Giác Ngộ chạm vào giòng chảy. Có lẽ con sông biết, từ đây, nó đã đi vào lịch sử vì người vừa xuống tắm sẽ là bậc đạo sư vĩ đại của nhân loại.

Còn ngọn xuân phong? Nó đã thông minh, chuyển hóa thành sương mai buổi sáng, nắng ấm buổi trưa hay mây nhẹ lảng đàng buổi chiều để theo dấu chân vị đạo sư suốt bốn mươi chín năm du hóa. Bất

cứ thuyết giảng nơi đâu, vị đạo sư cũng tĩnh tọa an nhiên, tự tại như đêm đặc đạo tại rừng bồ-đề. Làm sao ngọn xuân phong có thể thiếu vắng để mang những lời thuyết giảng đi xa, thật xa, tới tận ngọn thông trên bao đầu non, hay cuối bờ cát cháy những mịt mù sa mạc.

Chẳng thế mà, hàng nghìn năm sau, bất cứ nơi đâu có bóng dáng của hành giả biết "ngồi yên" với tâm trong veo tĩnh lặng, nơi đó đều phảng phất hương gió xuân, bất kể khi đó đang là mùa nào trong trời đất.

Hình ảnh Tọa Xuân Phong, đúng nghĩa cả thân, tâm, ý, sẽ chính là Thân Giáo, biểu tượng sự thanh khiết, tinh sạch, làm cảm động những lữ khách đang bốn ba xuôi ngược giữa lốc xoáy của kiếp nhân sinh. Phút giao cảm đó, có kẻ đã biết dừng lại, ngồi xuống, tạm thả buông hệ lụy, thử thật sâu và bàng hoàng nhận ra, hạnh phúc đang ở ngay phút giây này.

Dường như lần đầu, kẻ ấy nhận thức được là mình đang thử, mình đang sống. Vậy trước kia có thử, có sống không? Phải thử mới sống được chứ?

Vậy là, trước kia vẫn thử mà "không có thì giờ" biết là mình đang thử; vẫn sống mà "không có thì giờ" biết là mình đang sống. Vậy thì, ta đã từng thử như không thử, sống như không sống! Hèn chi mà ta luôn khổ đau, quần quanh trong hơn thua, còn mất, giàu nghèo, sang hèn ...

Giữa bận rộn của kiếp nhân sinh, chỉ cần đôi lúc biết ngồi yên, lắng tâm, nhìn vào bên trong, nghĩa là nhìn vào bản ngã đích thực của kiếp người, sẽ thấy ra những vô thường, biến dịch. Thấy được Vô Thường sẽ chấm dứt khổ đau vì khổ đau là gốc rễ từ những cái ta ngỡ là Thường! Như những đợt sóng khi còn, khi mất, đã lo sợ, lao xao tìm nước; nhưng khi sóng biết mình là nước thì sóng sẽ yên vui.

Hành giả đã từng được ngồi như thế, cảm nhận rõ ràng được ngồi như thế trên những bãi cỏ ở Phường Khê, Xóm Thượng, Xóm Hạ, Xóm Mới, trong một mùa an cư tại Làng Mai, Pháp Quốc.

Mỗi lần dẫn chúng thiền hành, Thầy thường dừng lại nơi nào đẹp nhất, khoáng đãng nhất, và thị giả sẽ trải chiếc chiếu nhỏ dưới gốc cây. Đại chúng dừng lại theo Thầy, tự tìm chỗ ưa thích và ngồi xuống. Thị giả mở túi vải mang theo bình trà đã pha sẵn, lấy ra một chiếc tách đất nung, rồi chậm rãi, rót trà dâng Thầy. Thầy đỡ lấy bằng hai tay, tỏ lòng cảm ơn. Thị giả chấp tay búp sen đáp lễ rồi lùi sang bên, vén áo, ngồi xuống sau Thầy.

Khi ấy, đoàn thiền hành cũng đã khoan chân ngồi yên.

Chẳng cần một lời mà thầy trò đang cho nhau ngàn lời.

Không gian mênh mông. Bầu trời cao, trong xanh, lừng lơ mây bạc. Rừng cây bát ngát hương tùng, hương bách. Chim hát trên cây. Hoa nở dưới đất. Tất cả lặng thinh thể hiện sự kỳ diệu của:

"*Đã về. Đã tới. Bây giờ. Ở đây*"

Thế thôi.

Không cần chi nhiều, chỉ cần từ bi với chính ta bằng cách biết cho ta đôi lúc ngồi yên, ta sẽ hạnh phúc như vị vua đời Trần, coi ngai vàng như đôi dép rách để trở thành Đại Thánh Trần Triều Trúc Lâm, Tuệ Giác Hoàng Điều Ngự :

"*Thị phi niệm trực triều hoa lạc*

Danh lợi tâm tùy dạ vũ hàn

Hoa tận vũ tình sơn tịch tịch

Nhất thanh đề điếu hựu xuân tàn" (*)

"*Phải, trái, như hoa rụng sớm mai
Lợi danh buốt lạnh đêm mưa dài
Hoa rơi, mưa tạnh, non u tịch
Một tiếng chim ca, xuân dẫu phai!*" (**)

Sau đêm mưa lạnh, hoa rụng tới bờ, ta thấy gì khi hứng đông vừa hé rạng? Là những ngọn núi xanh rì, lặng thinh, tươi mát mà mưa kia chẳng thể cuốn trôi, hoa kia chẳng thể nhuộm héo. Trong tịch mịch tinh khôi ấy, mùa xuân dù còn đây hay đã qua, mà con chim về muện vẫn cất tiếng hót hân hoan, bài ca của xuân bất tận trong tâm Bát-Nhã ...

Hạnh Chi

(Nhớ về hương xuân Làng Mai, một mùa An Cư)

(*) Trích bài "Sơn Phòng Mạn Hứng" của ngài Điều Ngự Giác Hoàng.

(**) HC phỏng dịch

Thơ THIÊN SƯ BẠCH ẨN

"TỌA THIÊN HÒA TÁN"

(座禅和讃 Zazen wansan) - Đoạn (02)

*Ôi buồn làm sao khi con người
Kiếm tìm chân lý ở khắp nơi
Trong khi chân lý luôn có mặt
Ở chính ngay đây chẳng xa vời.
Giống như kẻ khát rơi xuống nước
Lại ngửa mặt lên khóc nhìn trời
Và như cùng tử, con trưởng giả
Lại sống lang thang suốt một đời.*

"TỌA THIÊN HÒA TÁN"

(座禅和讃 Zazen wansan) - Đoạn (9)

*Bầu trời Chính Định thật bao la,
Vàng trắng Bát Nhã hiện chói lòe!
Mười phương, chỗ nào không rơi đến,
Ba cõi, xứ nào chẳng chiếu qua?
Kiếm tìm chi nữa thêm cực khổ
Niết Bàn bày sẵn trước mắt ta,
Chón này quả thực là Tịnh Thổ
Thân này đồng nhất với Phật Đà.*

BÓNG TRĂNG

*Chú vượn đang vượn cánh tay ra
Khát khao vớt được bóng trăng tà
Nhưng vượn không hề chịu buông bỏ
Đến khi cái chết mang đi xa.
Nếu vượn lia cành và rơi xuống
Biển mắt trong sóng nước bao la
Toàn cõi thế gian sẽ toả sáng
Một màu tinh khiết đến chói lòe.*

PHÁP HOAN dịch

* Pháp Hoan dịch từ bản dịch tiếng Anh của Lucien Stryk và Takashi Ikemoto trong Zen Poetry: Let the Spring Breeze Enter. Nguyên tác thơ của thiền sư Bạch Ẩn Huệ Hạc (白隠慧鶴, Hakuin Ekaku).

Tứ cú lục bát "ĐÓN XUÂN SANG"

thơ TÂM KHÔNG VĨNH HỮU

CHỜ XUÂN

Chiều quê tiễn nhẹ đông tàn
Hồi sinh đất úng mơ màng ngóng xuân
Qua rồi giông tố rưng rưng
Nụ mầm biên biếc reo mừng thiện duyên.

NHẬT XUÂN

Quay về lững thững phố vui
Ngu ngơ hít thở hương mùi xưa xa
Dừng chân trước quán rượu trà
Nhật xuân ai sót còn hoa tươi màu.

GỌI XUÂN

Nhà sau cổng trước trở mình
Lá hoa chớm nở đón bình minh vui
Xuân còn đứng đỉnh rong chơi
Ngâm bài pháp cú một hơi gọi về.

THƠ XUÂN

Chùa thầy nghi ngút trầm hương
Sân hoa vườn lá nghe chuông an lòng
Kệ kinh sườn ấm phượng rông
Đường thi tuyết bút mây dòng khai xuân.

TRANH XUÂN

Đỏ hồng trang giấy tinh khôi
Bút mềm phẩy mực màu bồi thanh cao
Dáng cha bóng mẹ dạt dào
Trăm hoa đua nở ngọt ngào tranh treo.

ĐÀN XUÂN

Véo von phiên khúc nguyện cầu
Thêm sân đã trái sắc màu hỷ hoan
Huyền cầm búng gọi khang trang
Nghinh xuân hành khúc rộn ràng ước mơ.

HOA XUÂN

Vàng hoe Đại Đóa mộng dài
Trắng trinh tâm nguyện dáng Lài ngọt thơm
Đỏ rào Râm Bụt kết đơm
Thướt tha tà áo thấy còn cảnh Sen.

GIỮ XUÂN

Đến rồi ở đó khoan đi
Mặt hoa rạng rỡ xuân thì tỏa hương
Lạc quan vui giấu ưu buồn
Giữ xuân nán lại yêu thương cho tròn.



BÁT CHÁNH ĐẠO

“CON ĐƯỜNG ĐƯA ĐẾN CHẤM DỨT ĐAU KHỔ”

THE NOBLE EIGHTFOLD PATH “Way to the End of suffering”

Nguyên tác **BHIKKHU BODHI**

Dịch Việt: **Tỳ khưu Tâm Hạnh & Phật tử Tâm Cảnh**

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

(tiếp theo kỳ trước)

Chương V Chánh Tinh Tấn (Sammā Vàyàma)

Sự thanh tịnh của tư cách đạo đức dựa trên ba nhân tố chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng ở trước (nhóm giới) làm nền tảng cho phần tiếp theo của con đường tu tập, phần định (samādhikkhandha: nhóm định). Giai đoạn thực tập đang được nêu ra tiến hành từ sự giữ gìn về mặt đạo đức đến cách trực tiếp rèn luyện tinh thần gồm có ba nhân tố chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Chánh định lấy tên từ mục tiêu mà nó muốn đạt đến; năng lực của sự tập trung chú ý liên tục, sự cần thiết của nó như cột trụ cho trí tuệ minh sát. Trí tuệ là phương tiện chính để giải thoát nhưng sự quan sát thâm sâu mà nó đạt được chỉ có thể mở ra khi tâm trí đã được định tĩnh và tập trung. Chánh định làm cho tâm được định, bằng cách tâm tập trung và không bị phân tán, hợp nhất trên một đề mục thiền định thích hợp. Tuy nhiên, để làm được như vậy, chánh định cần sự trợ giúp của hai nhân tố chánh tinh tấn và chánh niệm. Chánh tinh tấn cung cấp nghị lực cần có cho sự thực hành và chánh niệm cung cấp sự tập trung liên tục cho quan sát.

Các nhà chú giải minh họa sự tùy thuộc lẫn nhau của ba nhân tố trong nhóm định bằng một so sánh đơn giản. Ba cậu con trai vào chơi ở một công viên. Trong khi đi dạo, chúng thấy trên ngọn cây có đầy hoa và định leo lên hái. Nhưng hoa cao quá tầm tay, ngay cả với cậu cao nhất. Cậu thứ hai cúi xuống cho cậu thứ nhất nhờ cái lưng của mình. Cậu thứ nhất leo lên lưng của cậu thứ hai nhưng còn e ngại không dám hái hoa vì sợ ngã. Cậu thứ ba đến gần đưa vai mình giúp vào. Cậu thứ nhất đứng trên lưng của cậu thứ hai và dựa vào vai của cậu thứ ba, vói lên và hái được hoa. (1)

Trong ví dụ trên, cậu con trai cao nhất hái hoa đại diện cho chánh định với chức năng tập trung tâm. Nhưng để tâm tập trung tâm, chánh định cần có sự hỗ trợ nghị lực do chánh tinh tấn cung cấp,

giống như cậu thứ hai giúp cái lưng. Chánh định cũng cần phải có sự nhận biết tập trung của chánh niệm, giống như cậu thứ ba cho nhờ cái vai. Khi chánh định tiếp nhận sự hỗ trợ này, được tăng cường sức mạnh nhờ chánh tinh tấn và thẳng băng nhờ chánh niệm, nó có thể gom những ý nghĩ phân tán lại và gắn chặt tâm vững chắc trên đề mục thiền định của nó.

Tinh tấn (viraya) là một tâm sở (cetasika. ND) làm nền cho chánh tinh tấn có thể xuất hiện trong hình thức thiện hay bất thiện. Tâm sở này một mặt cung cấp năng lượng cho khát vọng, gây sợ, bạo lực và tham vọng nhưng mặt khác cung cấp rộng lượng, khắc kỷ, tử tế, định tĩnh và thông cảm với tha nhân. Sự cố gắng của chánh tinh tấn là một hình thức của nghị lực thiện nhưng đặc trưng hơn. Nó là nghị lực thuộc các thiện pháp của tâm thức hướng thẳng đến giải thoát khỏi đau khổ. Câu nói thật rõ vừa rồi cực kỳ quan trọng. Để cho nghị lực thiện trở thành sự hỗ trợ trên con đường tu tập, nó phải được hướng dẫn bởi chánh kiến và chánh tư duy cùng hoạt động chung với các nhân tố thánh đạo khác. Nếu không, cũng như nghị lực của tâm thiện bình thường, nó chỉ đem lại sự tích lũy phước báu dị thực trong vòng sinh tử, không đem lại sự giải thoát ra khỏi luân hồi.

Rất nhiều lần, Đức Phật nhấn mạnh sự cần thiết của tinh tấn, siêng năng, nỗ lực và kiên trì không bao giờ chán nản. Tại sao tinh tấn rất quan trọng như vậy bởi vì mỗi người phải tự giải thoát cho chính mình. Đức Phật làm những gì Ngài có thể làm bằng cách chỉ ra cho chúng ta con đường giải thoát; phần còn lại liên quan đến việc thực hành con đường tu tập, một việc đòi hỏi nhiều tinh tấn. Tinh tấn này được dùng vào việc tu tập tâm, tức là chủ đích của tất cả con đường tu tập. Khởi điểm sự tu tập với tâm phiền não, đau khổ và đối trá nhưng mục tiêu là đạt đến tâm giải thoát, thanh tịnh và được chiếu sáng bởi trí tuệ. Tinh tấn không ngừng là nhân tố ở giữa chuyển hoá tâm phiền não trở thành tâm giải thoát. Sự việc tự mình tu tập không phải dễ, không ai tu tập thể cho chúng ta ngoại trừ chính mình nhưng



BHIKKHU BODHI

không phải không thể làm được. Đức Phật và những đệ tử đạt được kết quả tu tập của các Ngài cho chúng ta thấy bằng chứng sống động là sự tu tập không nằm ngoài tầm tay của chúng ta. Các Ngài cũng bảo đảm với chúng ta rằng bất cứ người nào đi theo con đường bát chánh đều đạt được mục tiêu như nhau. Nhưng điều cần phải có là tinh tấn, quyết tâm tu tập: "Tôi sẽ không từ bỏ sự tinh tấn cho đến khi đạt đến những gì có thể đạt được bằng sự trì chí kiên cường, nghị lực và cố gắng của con người." (2)

Theo tinh chất tác động theo tiến trình của tâm, chánh tinh tấn được chia thành bốn "chánh cần":

(1) Không cho phát sinh những pháp bất thiện chưa sinh.

(2) Từ bỏ những pháp bất thiện đang có.

(3) Làm phát sinh những pháp thiện chưa sinh.

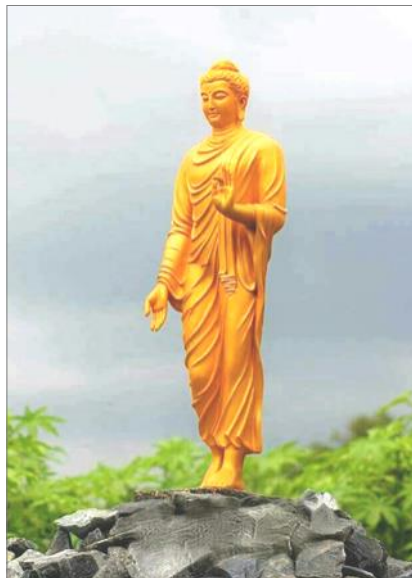
(4) Duy trì và thành tựu những pháp thiện đang có.

Những pháp bất thiện (akusala dhammā) là những phiền não và những tư tưởng, cảm xúc và ý định xuất phát từ chúng, dù cho hiện ra bằng hành động hay nằm yên bên trong. Những pháp thiện (kusala dhammā) là những trạng thái của tâm không bị nhiễm ô bởi phiền não, nhất là những pháp thiện dẫn đến giải thoát. Với mỗi loại tâm này, chúng ta phải làm hai việc. Đối với tâm bất thiện, chúng ta phải ngăn ngừa những phiền não còn ngủ yên không cho chúng xuất hiện và trục xuất những phiền não đang xuất hiện. Đối với tâm thiện, trước hết chúng ta phải phát triển những nhân tố giải thoát chưa được phát triển; sau đó liên tục phát triển chúng đến độ thuần thực. Từ đây, chúng ta sẽ tìm hiểu mỗi phần trong bốn phần của chánh tinh tấn, đặc biệt lưu ý đến lãnh vực ứng dụng đem lại lợi ích nhiều nhất, đó là sự tu tập tâm bằng hành thiền.

(1) Không cho phát sinh những pháp bất thiện chưa sinh:

Ở đây, người phật tử vận dụng ý chí của mình không cho phát sinh điều ác, những pháp bất thiện chưa sinh. Vì ấy thực hiện sự nỗ lực, thúc đẩy sự tinh tấn, khởi động sinh lực của mình, tận dụng tâm trí và cố gắng hết sức. (3)

Phần thứ nhất của chánh tinh tấn nhằm mục đích chế ngự những pháp bất thiện, những trạng thái của tâm bị nhiễm ô bởi phiền não. Về mặt làm cản trở cho thiền định, các phiền não thường có mặt trong một nhóm gồm năm thành phần được gọi là "năm triền cái" (paññānivarāṇā): ái dục, sân hận, hôn trầm thùy miên, trạo cử hồi quá và nghi.(4) Chúng có tên "triền cái" bởi vì ngăn chặn con đường giải thoát; phát triển và che mờ cả tâm trí, ngăn cản sự định tĩnh và minh sát là hai phương tiện quan trọng nhất cho sự tiến bộ trong tu tập. Hai triền cái đầu tiên, ái dục và sân hận, mạnh nhất trong nhóm này, là hai rào cản ghê gớm nhất ngăn chặn sự tiến bộ về thiền



tập, đại diện riêng biệt cho hai ác pháp căn bản là tham và sân. Ba triền cái kia, ít tai hại hơn nhưng vẫn gây trở ngại, là chi phần của si mê vọng tưởng, thường đi chung với những phiền não khác.

Ái dục được giải nghĩa theo hai cách. Đôi khi, hiểu trong nghĩa hẹp, nó là sự thèm khát "lạc thú của năm giác quan". Đó là những lạc thú của sắc trần, thanh trần, hương trần, vị trần và xúc trần. Đôi khi, cách giải nghĩa rộng hơn, bao gồm sự thèm khát đủ mọi hình thức như là lạc thú của giác quan, giàu có, quyền lực, địa vị, danh vọng hay bất cứ những gì mà nó có thể làm chúng ta thích thú. Triền cái thứ hai, ác ý, danh từ đồng nghĩa với sân hận. Nó bao gồm căm thù, tức giận, oán hận, ghét bỏ dưới nhiều hình thức hoặc đối

với người khác với chính mình với đối tượng hay với hoàn cảnh. Triền cái thứ ba, hôn trầm và thùy miên, là sự kết nối hai nhân tố này với nhau với một đặc tính chung là trạng thái tinh thần không sáng suốt. Một là hôn trầm (thina), hiển lộ như sự trì trệ của tinh thần; trạng thái kia là thùy miên (middha), dạng như tinh thần suy sụp, tâm trí chán nản hay nghiêng nhiều về buồn ngủ. Hoàn toàn ngược lại ở trên là triền cái thứ tư, trạo cử và hồi quá. Triền cái này cũng là một hỗn hợp với hai thành phần có đặc tính chung là không yên tâm. Trạo cử (uddhacca) là bị bối rối hay kích động, làm cho tâm trí thay đổi từ ý tưởng này qua ý tưởng khác một cách nhanh chóng và hỗn loạn; hồi quá (kukkucca) là hồi hận về những lỗi lầm trong quá khứ và lo lắng về những hậu quả trái ý có thể xảy ra từ lỗi lầm. Triền cái thứ năm, nghi, có nghĩa là luôn luôn do dự và thiếu kiên quyết. Nó không phải là sự tìm hiểu của sự nhận xét bằng hiểu biết, một thái độ được đức Phật khuyến khích nhưng là sự bất lực thường xuyên không dám dẫn thân vào hành trình tu tập tâm linh đúng lúc tại vì liên tục phân vân về Đức Phật, giáo pháp và thánh đạo của Ngài.

Chánh cần thứ nhất là phải chú trọng nỗ lực ngăn ngừa không cho phát sinh những triền cái chưa sinh. Đây còn được gọi là "nỗ lực kiềm chế" (samvarappadhāna). Sự cố gắng kiềm chế sự cản trở của triền cái hết sức trọng yếu ngay từ lúc bắt đầu thiền tập và cả quá trình phát huy chánh định. Bởi vì khi triền cái phát sinh, chúng làm phân tán sự tập trung và làm che mờ năng lực của tinh thức, làm mất đi sự tỉnh lặng và sáng suốt. Những triền cái này không đến từ bên ngoài mà ở trong nội tâm. Chúng xuất hiện từ sự tác động của những phiền não tùy miên (anusaya. ND) tương ứng đang nằm sâu trong dòng chảy của tâm thức, chờ cơ hội xuất hiện lại.

Thông thường, những gì làm cho triền cái phát sinh là từ những nhận thức do giác quan thu nhận. Cơ thể của chúng ta được trang bị với năm giác quan mà mỗi giác quan thu nhận được những loại dữ kiện đặc thù cho riêng nó—hình dạng cho mắt, âm thanh cho tai, mùi cho mũi, vị cho lưỡi,

những vật hữu hình cho cơ thể. Đối tượng của nhận thức không ngừng tác động trên các giác quan. Các giác quan chuyển những thông tin chúng nhận được về tâm. Ở đó, thông tin được xử lý, đánh giá và được chấp thuận thành đáp án thích hợp nhưng tâm có thể xử lý những thông tin mà nó nhận được bằng nhiều cách khác nhau. Trước tiên, nó bị chi phối theo cách mà nó chú ý đến chúng. Khi tâm chẳng tập trung, không như lý tác ý (ayoniso manasikāra) về các dữ liệu đi vào thì đối tượng nhận thức có khuynh hướng khởi động những pháp bất thiện. Chúng làm như vậy hoặc trực tiếp bằng sự tác động ngay khi nhận thức hay gián tiếp bằng cách cất giữ những gì đã ghi nhận để sau này có thể phát triển thành đối tượng của những suy nghĩ, tưởng tượng và mơ tưởng bị nhiễm ô hóa. Theo quy luật chung, phiền não bị kích động tương ứng với đối tượng: đối tượng gây hấp dẫn kích thích tham muốn, đối tượng gây khó chịu kích thích tức giận và đối tượng không được biết rõ kích thích những phiền não liên quan tới si mê.

Khi các giác quan tiếp thu đối tượng, sự nhận thức không được kiểm soát sẽ làm khởi dậy những phiền não ngủ ngầm. Những gì cần phải có để ngăn ngừa chúng trỗi dậy là sự kiểm soát các giác quan. Vì thế, Đức Phật dạy về những giới luật để ngăn chặn, kiểm soát những triền cái. Sự tu tập này gọi là canh giữ mỗi giác quan (indriya-samvara: phòng hộ căn môn.)

Khi nhận thức hình dạng với mắt, âm thanh với tai, mùi với mũi, vị với lưỡi, xúc trần với thân hay pháp trần với ý căn, vị ấy không nắm giữ tướng chung hay tướng riêng. Vị ấy cố gắng ngăn chặn những gì mà từ đó điều ác, pháp bất thiện, tham dục, đau khổ sẽ phát sinh nếu không chế ngự các giác quan. Vì vậy, vị ấy canh giữ, kiểm chế các giác quan. (5)

Kiểm chế giác quan không có nghĩa là từ bỏ tri giác, ẩn vào nơi hoàn toàn cách biệt với thế giới của giác quan. Điều này không thể làm được. Nếu như có thể thực hiện được thì cũng không giải quyết được vấn đề chính. Bởi vì phiền não nằm trong tâm, không ở trong cơ năng của các giác quan hay từ đối tượng. Giải pháp kiểm soát các giác quan được nói gọn bằng câu: "Không được nắm giữ tướng chung hay tướng riêng." "Tướng chung" (Nimitta) là hình dạng tổng quát của đối tượng; khi hình dạng này bị nắm giữ sẽ trở thành cơ sở cho những ý nghĩ bị nhiễm ô. Những "tướng riêng" (anubyañjana) là những nét chi tiết đặc biệt đáng chú ý. Nếu giác quan không được kiểm soát thì tâm sẽ mặc sức lang thang qua khắp các đối tượng của giác quan. Đầu tiên, tâm bám lấy tướng chung, điều này hợp tác với phiền não đi vào hoạt động, rồi thì nó tìm kiếm những tướng riêng để tạo cơ hội cho các phiền não sinh sôi nảy nở và phát triển.

Kiểm chế các giác quan cần phải có chánh niệm và hiểu biết rõ ràng khi chúng ta đang tiếp xúc với các đối tượng của giác quan. Nhận thức của các giác quan xuất hiện hàng loạt như một chuỗi gồm những nhận thức rất ngắn nối tiếp nhau mà mỗi phần nhận thức đều có nhiệm vụ riêng của nó. Những giai đoạn đầu của chuỗi nhận thức hoạt động như những chức năng tự động: Trước tiên, tâm hướng về đối tượng, rồi nắm lấy, tiếp thu, suy xét và rồi nhận biết đối tượng. Ngay sau sự nhận

biết ấy là giai đoạn phát sinh sự nhận định tùy theo sở thích về đối tượng, dẫn đến sự chọn lựa phản ứng. Khi không có chánh niệm, những phiền não tiềm ẩn sẽ tranh nhau tìm cơ hội để xuất hiện, làm động cơ thúc đẩy cho sự nhận định sai lầm. Khi ấy, chúng ta sẽ nắm lấy tướng chung của đối tượng, tìm kiếm những tướng riêng của nó và từ đó tạo cơ hội cho phiền não: Vì tham dục, một người sẽ trở nên mê muội với đối tượng họ yêu mến. Vì thù ghét, một người sẽ khước từ đối tượng họ không thích. Nhưng một người có năng lực, với sự tiếp xúc của giác quan, họ chặn ngay sự manh nha của phiền não ngay trên tiền trình nhận thức trước khi nó có thể tiến đến những giai đoạn khởi dậy phiền não tiềm ẩn. Chánh niệm ngăn giữ các triền cái trong sự kiểm soát bằng cách giữ tâm nhận thức đối tượng một cách trung thực. Tâm gắn bó với tình giác khi nhận thức, không cho tâm bị thêm thắt những dữ kiện từ những ý tưởng dọ tham, sân, si sinh ra. Rồi thì, dưới sự hướng dẫn của tình giác sáng suốt này, tâm trí có thể tiếp tục nhận thức đối tượng như nó đang là, không còn bị dẫn đi lạc hướng.

(2) Từ bỏ những pháp bất thiện đang có

Ở đây, người phật tử vận dụng ý chí của mình để chiến thắng những điều xấu ác, những pháp bất thiện đang có bằng cách cố gắng, phát động nghị lực, tận dụng hết tâm trí và chống lại chúng. (6)

Mặc dầu đã có sự cố gắng kiểm chế các giác quan nhưng phiền não vẫn có thể xuất hiện. Chúng nổi lên từ đáy dòng chảy của tâm thức, từ những tầng trầm tích phiền não bị chôn vùi chất chứa trong quá khứ, cô đọng lại thành những tư tưởng và tình cảm bất thiện. Khi tình trạng này xảy ra, chúng ta cần phải có sự cố gắng mới; tinh tấn từ bỏ những pháp bất thiện đang phát sinh, được gọi là tinh tấn từ bỏ (pahānappadhāna: tinh tấn đoạn trừ).

Vị ấy không giữ lại bất cứ ý tưởng nào về dục vọng của giác quan, sân hận hay tàn hại hay bất cứ tâm ác hay pháp bất thiện nào khác đang xuất hiện. Vị ấy từ bỏ, xua đuổi, tiêu diệt, làm cho chúng biến mất (7)

Như một thầy thuốc giỏi có nhiều loại thuốc khác nhau cho các bệnh khác nhau, Đức Phật có những loại thuốc giải độc khác nhau cho những triền cái khác nhau, một số thuốc dùng giống nhau cho tất cả, một số thuốc khác nhằm vào loại triền cái đặc thù nào đó. Trong một bài pháp quan trọng, Đức Phật giảng giải năm kỹ thuật trục xuất những ý nghĩ làm loạn tâm (8).

Kỹ thuật thứ nhất là trục xuất ý nghĩ bất thiện bằng một ý nghĩ thiện hoàn toàn ngược lại, giống như người thợ mộc dùng một trụ mới để loại bỏ trụ cũ ra. Trong năm triền cái, mỗi loại đều có một phương pháp loại trừ đặc biệt. Một loạt các phương pháp thiền tập được đặt ra để làm suy yếu và loại trừ chúng. Các phương pháp này có thể thay đổi sự áp dụng khi một triền cái nào đó xuất hiện làm gián đoạn sự thiền tập trên đề mục chính. Phương pháp có thể trở thành chủ đề chính dùng để chống lại loại phiền não xuất hiện nhiều lần xem như một sự trở ngại liên tục cho sự hành thiền. Nhưng để cho phương pháp giải độc này được hiệu quả trong vai trò đầu tiên của nó, như một đòi hỏi thích hợp tạm thời cần có để đối phó

với sự bộc phát của một triển cái, tốt nhất, chúng ta nên có một số hiểu biết đúng về nó và dùng nó như một đối tượng chính cho thiền quán; ít ra trong vài giai đoạn ngắn.

(a) Đối với tham dục, phương pháp đối trị thông dụng là hành thiền về vô thường. Phương pháp này xô ngã cột trụ chống đỡ vững chắc cho "thủ", sự tin tưởng tuyệt đối rằng các đối tượng của "thủ" là chắc chắn và vững bền. Đối với loại dục thủ mang hình thức rõ ràng về nhục dục, liều thuốc giải độc mạnh nhất là sự suy niệm về những chất bất tịnh của thân thể. Chủ đề này sẽ được phân tích rộng hơn trong chương sau. (b) Sân hận sẽ gặp phương pháp đối trị thích hợp là thiền niệm tâm tử (mettā). Tâm tử sẽ trực xuất tất cả sự có mặt của hận thù và tức giận bằng cách tỏa rộng ước muốn vị tha, nguyên cho tất cả chúng sinh được bình an và hạnh phúc. (c) Để xua tan hôn trầm và thù miên cần phải có tinh tấn đặc biệt để phát động nghị lực bằng nhiều cách như: hình dung một quả cầu sáng chói, đứng dậy và khởi động thiền hành trong một lúc, suy niệm về sự chết hay chỉ đơn giản là quyết tâm tiếp tục cố gắng. (d) Đối với trạo cử và hối quá, cách chống lại hiệu quả nhất là đưa tâm hướng đến một đối tượng đơn giản để cho tâm được yên tĩnh. Phương pháp này thường được giới thiệu là niệm hơi thở, chú ý đến hơi hít vào và hơi thở ra. (e) Trong trường hợp nghi, phương pháp đối trị đặc biệt là sự nghiên cứu: tìm hiểu, đặt câu hỏi và tư duy lời Phật dạy cho đến khi hiểu chính xác những vấn đề chưa rõ (9). Trong năm kỹ thuật đối trị loạn tâm ở trên, kỹ thuật thứ nhất, để trực xuất những triển cái cần phải kết hợp mỗi một triển cái với từng phương thức đối trị nó; bốn kỹ thuật còn lại dùng cách thức tổng quát.

Kỹ thuật thứ hai tận dụng sức mạnh của xấu hổ (hiri: tâm) và kinh sợ về mặt đạo đức (ottapa: quý) để từ bỏ ý nghĩ xấu. Chúng ta nghĩ rằng ý tưởng này đáng ghê tởm và dễ tiện hay cần nhắc về những hậu quả không tốt của nó cho đến khi nội tâm phát sinh sự kinh sợ xua đuổi ý nghĩ xấu ấy đi. Kỹ thuật thứ ba là cố ý làm lơ. Khi một ý tưởng bất thiện xuất hiện và kích động sự chú ý, thay vì tiếp nhận nó, chúng ta tuyệt đối không ghi nhận nó bằng cách chú ý đến chỗ khác, giống như nhắm mắt lại hay nhìn nơi khác để không thấy cảnh không thích. Kỹ thuật thứ tư dùng cách ngược lại. Thay vì quay đi không nghĩ đến ý tưởng xấu, chúng ta đổi mặt nhìn thẳng vào nó như một đối tượng, xem xét kỹ lưỡng những nét đặc biệt của nó và tìm hiểu nguồn gốc của nó. Khi làm xong những nhận xét này, ý tưởng xấu sẽ im lại và cuối cùng biến mất. Ý nghĩ bất thiện giống như kẻ ăn trộm; nó chỉ gây phiền phức khi hoạt động của nó được che giấu nhưng khi bị giám sát thì nó chịu phục tùng. Kỹ thuật thứ năm chỉ được dùng như biện pháp cuối cùng là khống chế. Cố hết sức kiềm chế ý tưởng bất thiện bằng năng lực của ý chí như một người mạnh vật ngã người yếu xuống đất và đè giữ lại bằng sức nặng của mình.

Đức Phật dạy người nào áp dụng năm kỹ thuật này một cách khéo léo và thận trọng, sẽ làm chủ tất cả những hoạt động của ý nghĩ. Họ không còn là nô lệ của tâm mà trở thành chủ của nó. Họ có thể nghĩ đến những ý tưởng nào mà họ muốn và cũng sẽ không nghĩ đến những ý tưởng nào mà họ không muốn. Ngay cả đôi khi một vài ý nghĩ bất

thiện xuất hiện, họ có thể trực xuất chúng ngay tức thì như các giọt nước biến thành hơi ngay khi bị rơi vào cái chảo nóng đỏ.

(3) Làm phát sinh những thiện pháp chưa sinh

Ở đây, người phật tử vận dụng ý chí của mình làm phát sinh những thiện pháp chưa sinh bằng cách nỗ lực, kích động nghị lực, tận dụng hết tâm trí và cố gắng. (10)

Cùng lúc diệt trừ những phiền não, chánh tinh tấn cũng có nhiệm vụ tu dưỡng những pháp thiện của tâm. Việc này bao gồm hai phần việc: phát sinh những pháp thiện chưa sinh và làm cho thành tựu những pháp thiện đã sinh. Phần việc thứ nhất còn được biết là tinh tấn phát triển (bhāvanāpphāna). Tuy rằng những pháp thiện đã được phát triển nhưng có thể xếp thành từng nhóm theo nhiều cách khác nhau, chỉ và quán, bốn cách thành lập chánh niệm, tám nhân tố của con đường tu tập, vân vân. Đức Phật đặc biệt nhấn mạnh một nhóm, gọi là bảy nhân tố giác ngộ (satta bojjhangā: thất giác chi) niệm, trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định và xả.

Như vậy, vị ấy phát triển những nhân tố giác ngộ, sống viễn ly, không còn lệ thuộc gì cả, diệt tận phiền não và cuối cùng là giải thoát. Những nhân tố giác ngộ là niệm, trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định và xả. (11)

Bảy pháp trên kết hợp thành một nhóm như "những nhân tố giác ngộ" vì chúng vừa dẫn đến giác ngộ và vừa hợp thành giác ngộ. Trong những giai đoạn bắt đầu của con đường tu tập, chúng dọn đường cho sự nhận thức cao thượng. Vào giai đoạn cuối, chúng vẫn là thành phần giác ngộ. Thế nghiệm của sự giác ngộ, hiểu biết chính xác và trọn vẹn chỉ là sự hợp thành của bảy thành tố này làm việc cùng nhau để bẻ gãy tất cả xiềng xích phiền não và cuối cùng đem lại sự giải thoát cuối cùng khỏi đau khổ.

Con đường đưa đến giác ngộ bắt đầu với niệm giác chi. Chánh niệm làm sạch đối tượng để hiểu thấu được thực tại của sự vật, làm hiển lộ trọn vẹn hiện tượng (pháp hữu vi. ND) ngay trong lúc nó đang có mặt, loại bỏ tất cả những bình luận, giải thích và phỏng đoán chủ quan. Khi niệm giác chi quan sát mặt thật tại của hiện tượng thì trạch pháp giác chi tham gia tìm hiểu đặc tính, tình trạng hoạt động và hậu quả của hiện tượng ấy. Trên căn bản, trong khi niệm giác chi chỉ là sự ghi nhận đơn thuần thì trạch pháp giác chi là nhân tố chủ động, tích cực nghiên cứu, phân tích và khảo sát cẩn thận các hiện tượng để khám phá những cấu trúc căn bản của chúng.

Công việc nghiên cứu của trạch pháp giác chi cần phải có tinh tấn giác chi, nhân tố thứ ba của sự giác ngộ, gồm có ba giai đoạn. Thứ nhất, tinh tấn khởi đầu dùng để xua tan hôn trầm và đẩy mạnh sự nhiệt tâm làm tiên phong. Khi sự chú tâm (anussati. ND) tiến triển, tinh tấn tập hợp năng lượng đưa vào giai đoạn thứ hai, giữ sự chú tâm không cho gián đoạn. Từ đó, tinh tấn đẩy mạnh việc tu tập không còn lùi lại. Sau cùng, ở điểm cuối, tinh tấn đạt đến giai đoạn thứ ba, toàn thẳng, nó thúc đẩy sự chú tâm vượt qua khỏi sự ngăn chặn do năng lực của các triển cái.

Khi tinh tấn tăng lên, nhân tố giác ngộ thứ tư trở nên nhanh hơn. Đó là hỷ, sự hoan hỷ phát sinh từ đề mục thiền định. Hỷ giác chi tuân tự phát



MÃI XUÂN TƯƠI

Hội ngộ bên nhau buổi tiệc trà
 Khung trời thu lại có đâu xa
 Vườn thơ bát ngát vui tình bạn
 Ngọn bút dịu dàng phẩy nét hoa
 Chuông điểm ba hồi còn đàm luận
 Phật Pháp cao sâu nghĩa huyền màu
 Bát Nhã Tâm Kinh lời sâu lắng
 Tượng hình chỉ là cái huyễn không
 Ngũ uẩn diệt sinh như hư ảo
 Không người cũng chẳng có ngã-nhân
 Chỉ có cái Tâm là bất tận
 Không sanh không diệt chẳng luân hồi
 Tâm ấy thường hằng không đời đời
 Không già, không trẻ mãi xuân tươi.

thơ **DIỆU VIÊN**

triển, đưa đến hoan hỷ cực độ, từng đợt sóng hạnh phúc đi khắp cơ thể, tâm trí rực sáng với hân hoan làm tăng cường sự nhiệt tâm và tự tin. Mặc dầu những kinh nghiệm này làm cho tinh thần phấn khởi nhưng vẫn còn một khuyết điểm: chúng tạo nên kích thích gần như trao cử. Tuy nhiên, bằng sự tiếp tục thiền tập thì hỷ sẽ lắng xuống và sự yên tĩnh tỏa khắp báo hiệu cho sự xuất hiện của nhân tố thứ năm, khinh an. Hỷ vẫn còn hiện diện nhưng lúc này nó đã bình lặng xuống và sự chú tâm vẫn tự tiếp tục trong định tĩnh.

Khinh an mang lại sự thành tựu là định, nhân tố thứ sáu, trạng thái nhất tâm. Sau đó, theo sự thâm sâu của định, nhân tố cuối cùng của giác ngộ xuất hiện nổi bật nhất. Đây là xả giác chi, trạng thái tâm điềm tĩnh và ổn định không còn hai nhược điểm xao động và trì trệ. Khi trì trệ chiếm ưu thế thì tinh tấn phải được khởi động. Khi xao động chiếm ưu thế thì cần phải kiềm chế. Khi cả hai nhược điểm này đã bị chế ngự thì việc hành thiền có thể diễn tiến thông suốt không còn bị trở ngại. Tâm xả ví như người cầm cương chiếc xe ngựa trong lúc những con ngựa đang chạy với tốc độ đều đặn vững vàng, không cần thúc dục chúng chạy nhanh hơn hay giữ chậm lại mà chỉ ngồi thoải mái ngắm phong cảnh đi qua. Xả giác chi có đặc tính như "chỉ nhìn". Khi những giác chi kia đã được thăng bằng thì tâm được ổn định điềm tĩnh nhìn sự diễn tiến của pháp.

(4) Duy trì và thành tựu những thiện pháp đang có.

Ở đây, người phật tử vận dụng ý chí của mình duy trì những thiện pháp đang xuất hiện, không cho chúng mất đi mà làm chúng lớn mạnh, trưởng thành và phát huy đến thành tựu. Vị ấy nỗ lực, thúc đẩy nghị lực của mình, tận dụng tâm trí và cố gắng hết sức. (12)

Phần cuối này của bốn chánh tinh tấn có mục

dịch duy trì những thiện pháp đã xuất hiện và đưa chúng đến thành tựu. Nó được gọi là "nỗ lực duy trì" (anurakkhanappadhana: tinh tấn hộ trì), có nghĩa là cố gắng "giữ vững trong tâm một minh tướng đã xuất hiện trong định." (13) Việc bảo trì minh tướng này làm cho bảy giác chi trở nên ổn định và dần dần phát huy năng lực cho đến khi chúng đạt đến kết quả là giác ngộ giải thoát. Đây là mục tiêu cao nhất của chánh tinh tấn, bằng nỗ lực của vô số sự tu tập từng phần để cuối cùng thành tựu mục tiêu này.

Chú thích Chương V

1. Papancasudani (Chú giải Trung Bộ kinh).
 2. Trung bộ kinh 70; Word of the Buddha, trang 59-60.
 3. Tăng chi bộ 4:13; Word of the Buddha, trang 57.
 4. Kàmaccanda: dục vọng, byàpàda: sân, thīna-middha: hôn trầm, uddhacca, kukkucca: trao hồi, vicikicchā: nghi.
 5. Tăng chi bộ 4:14; Word of the Buddha, trang 57.
 6. Tăng chi bộ 4:13; Word of the Buddha, trang 58.
 7. Tăng chi bộ 4:14; Word of the Buddha, trang 58.
 8. Trung bộ kinh 20; Word of the Buddha, trang 58.
 9. Về những phương pháp giải quyết đầy đủ về sự đối trị với từng loại triền cái nên tham khảo bản chú giải về Kinh Niệm xứ (Trường bộ kinh 22, Trung bộ kinh 10). Một bản dịch những đoạn liên hệ, với những trích dẫn thêm từ bài tiểu luận, có thể đọc trong tác phẩm *The Way of Mindfulness của Soma Thera*, trang 116-126.
 10. Tăng chi bộ 4:13; Word of the Buddha, trang 58-59.
 11. Tăng chi bộ 4:13; Word of the Buddha, trang 59.
- Từ Pali của bảy giác chi là: satisambojjhanga: niệm giác chi, dhammavicayasambojjhanga: Trạch pháp giác chi, viiyasambojjhanga: tinh tấn giác chi, pītisambojjhanga: hỷ giác chi, passaddhisambojjhanga: khinh an giác chi, samādhisambojjhanga: định giác chi, upekkhāsambojjhanga: xả giác chi.
12. Tăng chi bộ 4:13; Word of the Buddha, trang 59.
 13. Tăng chi bộ 4:14; Word of the Buddha, trang 59.



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH

VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC

4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 548-4148

Phật lịch: 2565

Số: 48/HĐĐH/TT

THÔNG TƯ

Trưởng lão Hòa Thượng Thích Giác Sỹ viên tịch

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,

Kính bạch chư tôn Thiên Đức Tăng, Ni,
Kính thưa chư Thiện Nam, Tín Nữ Phật Tử,

Hội Đồng Giáo Phẩm và Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ thành kính thông tư đến chư liệt vị:

Trưởng lão **Hòa Thượng Thích Giác Sỹ**, sinh ngày 03 tháng 01 năm 1932, tại thôn An Đông, xã Bông Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định; đã thuận thế vô thường, thu thần thị tịch vào lúc 4:30 sáng ngày 05 tháng 01 năm 2022 (nhằm ngày mùng 2 tháng Chạp năm Tân Sửu) tại thành phố Garden Grove, tiểu bang California, Hoa Kỳ, trụ thế 91 năm, hạ lạp 60 năm.

Trưởng lão Hòa Thượng tân viên tịch là một vị Tăng khiêm cung, đức hạnh, đã sống cuộc đời đạm bạc của hạnh du già khát sĩ suốt 6 thập niên qua. Ngoài cương vị là thành viên Hội Đồng Trưởng Lão Giáo Hội Tăng Già Khất Sĩ Thế Giới, Trưởng lão Hòa thượng cũng tận tâm tham gia các Phật sự hoằng pháp của GHPGVNTNKH trong cương vị Tổng vụ Phó Tổng vụ Hoằng Pháp.

Hội Đồng Giáo Phẩm và Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNKH kính mong mười phương chư tôn Thiên Đức Tăng, Ni gia tâm hộ niệm và cầu nguyện Giác Linh Trưởng Lão Hòa Thượng Tân Viên Tịch Cao Đăng Phật Quốc; đồng thời thành tâm khuyến thỉnh chư tôn Giáo Phẩm và quý Cư Sĩ thành viên GHPGVNTNKH tùy hoàn cảnh sở tại thiết lễ cầu siêu cho Giác Linh Cố Hòa Thượng Tân Viên Tịch.

Nguyện cầu Giác Linh Cố Hòa Thượng Tân Viên Tịch siêu thăng Lạc Cảnh và bất vong nguyện lực sớm hồi nhập Ta Bà để tiếp tục sứ mệnh giáo hóa quần sinh.

Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật,

Nay thông tư,

Phật Lịch 2565, Santa Ana ngày 06 tháng 01 năm 2022

Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNKH

Chủ Tịch,

(ấn ký)

Sa Môn Thích Tín Nghĩa





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH

VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC

4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 548-4148

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Kính gửi: - Chư Tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại Đức Tăng Ni Giáo Hội Phật Giáo Tăng Già Nguyên Thủy trong và ngoài nước,
- Ban Tang Lễ và môn đồ Pháp quyền Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Tịnh Đức

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Hội Đồng Giáo Phẩm và Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNKH vừa nhận được ai tín: **Trưởng lão Hòa Thượng Thích Tịnh Đức**, Phó Tăng Thống Giáo Hội Phật Giáo Tăng Già Nguyên Thủy Việt Nam Hải Ngoại, khai sơn Chùa Pháp Vân Pomona, Viện Chủ Chùa Đạo Quang, Garland, Texas, đã thuận thế vô thường, thân thần thị tịch vào lúc 8 giờ 27 phút tối ngày 07 tháng 01 năm 2022 (nhằm mùng 5 tháng Chạp năm Tân Sửu); thế thọ 78 năm, hạ lạp 52.

Hội Đồng Giáo Phẩm và Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNKH nhất tâm cầu nguyện Giác linh Trưởng Lão Hòa Thượng CAO ĐẲNG PHẬT QUỐC; đồng thời thành kính phân ưu cùng Giáo Hội Phật Giáo Tăng Già Nguyên Thủy và Môn đồ Pháp quyền của Trưởng lão Hòa thượng tân viên tịch.



Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật

Nay thông tư,
Phật Lịch 2565, Santa Ana ngày 06 tháng 01 năm 2022
Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNKH
Chủ Tịch,

(ấn ký)

Sa Môn Thích Tín Nghĩa

thơ QUẢNG TÁNH TRẦN CẨM

một ngày cuối năm

(cuối năm — mà cuối năm nào?)

ba chén còn tám phân
siêu thuốc trên lửa non riu riu
sôi âm ỉ
bà già nói trị bá bệnh
kể cả cảm cúm thời cuộc
kể cả ung bướu tâm linh
kể cả dị chứng chưa có tên của môi
trường ô nhiễm
bà nói trong uống ngoài thoa

buổi sáng nhân nha trôi chậm
chậm. chậm. chậm
mùi thuốc hăng hăng
vị đắng và ngọt lan man tỏa rộng
âm thầm vượt thoát căn phòng qua khe
cửa
lần theo vạt nắng ban mai
ngay ngáy một ngày cuối mùa cuối năm
lơ dễnh bay trên những cánh hoa
potpourri chơ vơ khô khốc

hắn cựa mình vào ra giắc chiêm bao chấp
chờn
thả xuống mùi thuốc bắc nồng nàn
bà già không còn quạt than bên bếp lửa
không còn quanh quẩn nói một mình
không còn va vấp con mèo đen quán quýt
dưới chân
không chút vết tích hiện hữu
trong thế giới này trong đời này
qua trí nhớ sương khói vẫn đục

mờ dần giữa những tác động sắc màu
âm thanh hỗn độn trên màn hình ti-vi
ngập tràn áp đảo một ngày cuối năm —
một ngày một nơi đâu đó bà già chắt chiu
siêu thuốc bên bếp lửa nhân nhục
sáng tối ngày lại ngày qua trong
câm lặng chịu đựng đã hơn mười năm
— ời này này ông cứu thoát bỏ tất.

thơ rơi, khi nằm ngửa

nằm ngửa nhìn lên
tôi thấy đỉnh cao chót vót
như cây đỉnh nhọn
đâm thủng vòm trời xanh
nhuộm gió màu máu tan loãng
và giữa tầng không
từng đóa sen hồng tinh khôi
miễn man rơi chậm rơi
nuông chiều lòng sám hối

đôi khi thân xác mệt mỏi
xa lìa tôi
không lời già biệt
đôi khi tôi mệt mỏi
xa lìa thân xác
không chút luyến tiếc
đôi khi tôi không là tôi
chỉ là một phiên bản
hay dị bản
trong cuộc phân thân bát nháo

nàng nảy mộng nảy mầm
nảy lửa
và nàng cười như mưa xối mái hiên
không giáo điều
không giáo án
chưa đăng đàn
chưa đăng ký

mỗi ngày mỗi
cơ hội dí vào mồm
ràng giữ lòng trọn vẹn
chân thật
chân như
chân không
dù mang ủng
dù mang dép hay giày.

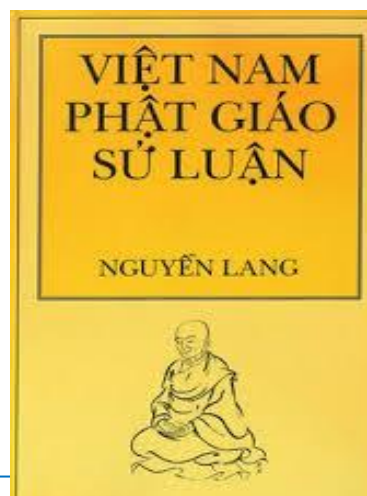


CHÍNH QUYỀN NGÔ ĐÌNH DIỆM SỤP ĐỔ

(Chương XL,
VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP III)

Nguyễn Lang

LỊCH SỬ / TÀI LIỆU



(tiếp theo)

SINH VIÊN VÀ HỌC SINH ĐỨNG DẬY

Sáng ngày 21.8.1963, sau khi đánh úp các chùa trong toàn quốc, tổng thống Ngô Đình Diệm triệu tập nội các và báo tin là quân luật đã được thiết lập trên toàn lãnh thổ vì Cộng quân đã xâm nhập các châu thành và vùng phụ cận thủ đô Sài Gòn. Ông cũng cho các vị bộ trưởng hay về việc đánh chiếm các chùa và bắt giữ “bọn tăng ni làm loạn”.

Bộ trưởng bộ Ngoại giao Vũ Văn Mẫu đập bàn lên tiếng phản đối hành động dã man của chính quyền. Ông bỏ buổi họp ra về, cạo đầu để bày tỏ lập trường mình và gửi thư từ chức Bộ trưởng bộ Ngoại giao. Rồi ông bôn ba đi tìm các vị khoa trưởng và các giáo sư đại học đồng nghiệp cũ của ông, vận động thành lập Phong trào Trí thức chống độc tài. Hành động quả cảm của ông Vũ Văn Mẫu đã châm ngòi cho phong trào sinh viên và học sinh bùng cháy trong toàn quốc. Sinh viên Trung tâm Kỹ thuật Phú Thọ bãi khóa ngay trong buổi chiều 21.8.1963. Giáo sư Lê Sĩ Ngạc của Trung tâm đứng lên tán đồng lập trường của sinh viên và lên án chính sách tàn bạo của chính quyền.



Thiền sư Thích Quảng Hương (1926—1963)

Chiều ngày 22.8.1963 khoa trưởng Y khoa Sài Gòn là bác sĩ Phạm Biểu Tâm gửi đơn từ chức. Ông bị bắt giam và ngày hôm sau 23.8.1963, nghe tin ông bị bắt, tất cả sinh viên Y khoa kéo nhau đến trường. Họ bàn tính kế hoạch chia thành từng nhóm đi thuyết phục các vị khoa trưởng và giáo sư các khoa từ chức. Đồng thời họ bàn luận kế hoạch vận động thành lập một Ủy ban Chỉ đạo Sinh viên Liên khoa. Chiều hôm ấy Ủy ban này được thành lập, do sinh viên Tô Lai Chánh đứng làm chủ tịch. Ủy ban gồm có mười tám sinh viên. Đại diện cho Dược khoa có cô Lê Thị Hạnh; Y khoa: Đường Thiệu Đồng; Văn khoa: Lâm Tường Vũ; Kiến trúc: Nguyễn Hữu Đồng; Công chánh: Nguyễn Thanh; Sư phạm: Nguyễn Văn Vĩnh; Luật khoa: Tô Lai Chánh. Ủy ban Chỉ đạo Sinh viên Liên khoa phát động phong trào bãi khóa: Sinh viên các trường Y khoa, Luật khoa, Dược khoa, Mỹ thuật, v.v... theo gót sinh viên Trung tâm Kỹ thuật Phú Thọ lần lượt bãi khóa. Trong thời gian vài tuần lễ, phong trào bãi khóa lan tới tất cả các cấp trung học ở toàn quốc.

Sáng ngày 24.8.1963 trên ba ngàn sinh viên và học sinh tụ tập tại trường Luật khoa Sài Gòn để tiếp giáo sư Vũ Văn Mẫu. Họ vây quanh ông Mẫu, hoan hô ông vang dội. Đồng thời Ủy ban Chỉ đạo tung ra một bản tuyên ngôn mà họ đã biểu quyết ngày hôm qua, 23.8.1963, yêu cầu chính quyền:

- 1- Thực sự tôn trọng và bảo vệ tự do tín ngưỡng.
- 2- Trả tự do cho tăng ni và tín đồ Phật giáo, sinh viên, học sinh và giáo sư hiện bị giam giữ.
- 3- Chăm dứt tình trạng khủng bố, bắt bớ, hành hạ tín đồ Phật giáo.
- 4- Giải tòa chùa chiền, ban bố tự do ngôn luận.

Bản tuyên ngôn kết thúc bằng những câu sau đây: “Sinh viên và học sinh Việt Nam nguyện đem mồ hôi và xương máu để tranh đấu cho một nền tự do và dân chủ thực sự. Đồng bào hãy sát cánh cùng chúng tôi sẵn sàng hy sinh cho tự do và đòi được quyền phụng sự Tổ quốc”.

Dưới bản tuyên ngôn, danh từ Ủy ban Chỉ đạo Sinh viên Liên khoa được đổi thành Ủy ban Chỉ

đạo Sinh viên và Học sinh.

Chỉ trong vòng ba hôm sau ngày đánh úp các chùa, phong trào sinh viên và học sinh đã làm rung động thủ đô Sài Gòn.

Ngày 25.8.1963, ba trăm sinh viên và học sinh tổ chức biểu tình tại Công trường Diên Hồng phía trước chợ Bến Thành. Cuộc biểu tình này đã được tổ chức một cách tài tình bởi vì trong tình trạng giới nghiêm, khắp nơi tại thủ đô đều có các đơn vị võ trang canh gác, nhất là tại trung tâm Sài Gòn. Từng nhóm nhỏ sinh viên và học sinh đã do nhiều ngã đường đi tới. Vào khoảng mười giờ sáng đột nhiên biểu ngữ được tung ra trước chợ Bến Thành và cuộc biểu tình thành hình. Các trung đội Cảnh sát Chiến đấu gần đó được tin liền kéo tới đàn áp. Cảnh sát bắn cả vào đám biểu tình. Một em nữ sinh tên Quách Thị Trang bị trúng đạn tử thương (1). Một số sinh viên học sinh trốn thoát được. Một số bị thương. Khoảng 200 người bị bắt giữ. Tử thi Quách Thị Trang bị mang đi mất. Ngay chiều hôm đó, chính quyền đổ thành ra thông cáo rằng các lực lượng an ninh đã được lệnh nổ súng vào bất cứ đám đông nào tụ họp ngoài công lộ mà không xin phép trước.

Sau cuộc biểu tình ngày 25.8.1963, sinh viên và học sinh trở thành đối tượng khủng bố và đàn áp của chính quyền. Các phân khoa đại học và các trường trung học lớn tại Sài Gòn đều được dây thép gai và những hàng rào cảnh sát canh gác. Để đáp lại biện pháp này, sinh viên và học sinh tổ chức bãi khóa. Họ còn vận động với các giới giáo sư của họ gửi thư tố chức.

Ngày 7.9.1963, học sinh các trường trung học công lập Gia Long, Trưng Vương và Võ Trường Toản tổ chức mít tinh bãi khóa ngay tại sân trường của họ. Họ không vào lớp mà kê bàn ngoài sân để đứng lên diễn thuyết, tố cáo tội ác của chế độ. Biểu ngữ được họ viết lên trên các bức tường hoặc trên những tấm bìa lớn mà họ giăng lên khắp nơi.

Học sinh các trường Trưng Vương và Võ Trường Toản định tổ chức biểu tình diễn hành, nhưng vừa ra khỏi cổng trường họ liền bị cảnh sát đàn áp. Cuộc xung đột tại cổng trường tới một giờ trưa mới được chấm dứt và khoảng ba trăm học sinh của hai trường bị bắt giữ. Trường Kỹ thuật Cao Thắng, trường Mỹ thuật Gia Định và các trường trung học Chu Văn An, Hồ Ngọc Cẩn liền tiếp đứng dậy. Trường Chu Văn An là một trường nam sinh, nổi tiếng là tranh đấu ác liệt nhất với cảnh sát (2). Ta cũng nên nhớ là trong ba trường đi tiên phong cho phong trào bãi khóa và tranh đấu của học sinh có tới hai trường nữ trung học: đó là Trưng Vương và Gia Long.

Số học sinh các trường trung học tại Sài Gòn bị bắt giữ lên tới hai ngàn. Tại các tỉnh, học sinh các trường công lập và tư thục cũng đứng lên tranh đấu tương tự.

Trong lúc đó, trên đài phát thanh Sài Gòn, chính quyền kêu gọi phụ huynh học sinh kiểm soát con cái mình, đừng cho chúng "mắc mưu Cộng sản". Ông Phan Văn Tạo, tổng giám đốc Thông Tin mở cuộc họp báo đưa hai thiếu nhi khoảng 15 và 16 tuổi ra để hai em này tự nhận là Cộng sản xúi giục đồng bạn đi biểu tình. Cuộc họp báo này không chính phục được ai bởi vì trong thâm tâm, các bậc phụ huynh đều biết vì lý do gì mà con cái mình tham dự vào cuộc tranh đấu. Dưới sự đàn áp của bạo quyền, đất nước mang một bộ mặt rách nát, tả tơi. Vấn đề không còn là vấn đề thành bại

của cuộc tranh đấu Phật giáo. Vấn đề là vấn đề sinh mệnh và thể diện của cả một dân tộc. Một bầu không khí u uất nặng trĩu đè nặng lên cả trên đất nước. Không những dân chúng mà cả đến quân đội và nhiều thành phần trong lực lượng chính quyền và cảnh sát cũng cảm thấy áp lực nặng nề và u uất đó.

PHẬT GIÁO THUẦN TÚY

Liên ngay sau khi tấn công các chùa trong toàn quốc, chính quyền đưa ra một tổ chức lấy tên Ủy ban Liên hiệp Phật giáo Thuần túy. Người chủ chốt của tổ chức này là thiền sư Nhật Minh ngày trước đã từng là học viên của một khóa tu nghiệp cho các vị trú trì được Giáo hội Tăng già Nam Việt tổ chức tại chùa Tuyên Lâm ở Chợ Lớn. Mục đích của Ủy ban Liên hiệp Phật giáo Thuần túy là tạo ra hình ảnh của một thứ Phật giáo không chống đối chính quyền và được sống an lành trong sự che chở của chính quyền. Vì thiền sư Nhật Minh không có một khuôn mặt có kích thước lớn nên chính quyền, qua sự trung gian của một vài người Phật tử thân chính quyền như bà Võ Văn Vinh và ông Đoàn Trung Còn, đã tìm cách thuyết phục được thiền sư Thiện Hòa đứng tên vào Ủy ban, hứa hẹn rằng Ủy ban sẽ có uy lực can thiệp để chính quyền thả tự do cho toàn thể tăng ni và cư sĩ đang bị bắt giữ. Nóng lòng về việc "giải cứu chư tăng", thiền sư Thiện Hòa nhận lời và sau đó chính quyền đã cho phóng thích một số tăng ni và Phật tử mà họ cho là vô hại và không có tính cách chủ chốt trong cuộc tranh đấu. Việc chấp thuận để tên mình trong Ủy ban Liên hiệp Phật giáo Thuần túy có lẽ là vết tì duy nhất trong cuộc đời hành đạo của thiền sư Thiện Hòa. Ta cũng nên biết là trong thời gian này tất cả những đạo lý và cổ vấn của thiền sư Thiện Hòa đều đang bị chính quyền giam giữ. Tuy chính quyền đã để cho đại lão thiền sư Tịnh Khiết về chùa Ấn Quang, nhưng tất cả các thiền sư phụ tá cho người đều còn bị giam cầm.

NGỌN LỬA QUẢNG HƯƠNG

Trong khi ấy, cuộc tranh đấu của các giới vẫn được tiếp tục. Các cuộc biểu tình của thanh niên và phụ nữ tổ chức vào ngày cuối của tháng Chín tại Sài Gòn chứng tỏ rằng cuộc tranh đấu vẫn còn được tiếp tục.

Vào giữa trưa ngày 5.10.1963, thiền sư Quảng Hương châm lửa tự thiêu tại trước chợ Bến Thành, để lại một huyết thư cảnh giác tổng thống Ngô Đình Diệm.

Ngọn lửa Quảng Hương chứng tỏ cho thế giới thấy rằng vấn đề Việt Nam vẫn còn đó nguyên vẹn và đồng thời vô hiệu hóa tất cả những hình thái giả trang của chính quyền. Những giả trang nhằm đánh lừa dư luận quốc tế, gây cảm tưởng là cuộc tranh đấu của Phật giáo đổ tại Việt Nam đã kết liễu.

Thiền sư Quảng Hương năm ấy ba mươi bảy tuổi, tên đời là Nguyễn Ngọc Kỳ; ông sinh năm 1926 tại Phú Yên. Ông xuất gia năm 1943, thọ đại giới năm 1949 rồi trú trì chùa Liễu Sơn. Năm 1950 ông vào thụ huấn Phật học viện Nha Trang và đến năm 1959 được cử làm giảng sư tại Đà Lạt. Năm 1961 ông được mời dự chức vụ trú trì và giảng sư tại tinh hội Phật giáo Ban Mê Thuật. Ông hành đạo tại đây cho tới ngày ông vào châm lửa tự thiêu tại chợ Bến Thành ở Sài Gòn.

PHÁI ĐOÀN ĐIỀU TRA LIÊN HIỆP QUỐC TỚI SÀI GÒN

Sáng ngày 7.10.1963 tại Nữ Ước, Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc mở một cuộc họp về tình hình Việt Nam. Cũng vào sáng hôm đó, tại Trung tâm Tôn giáo (Church Center for the United Nations) trong Carnegie Hall, gần bên phòng đại hội, thiền sư Nhất Hạnh họp báo nhân danh Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo để nói rõ về nhu yếu gửi một phái đoàn sang điều tra về tình trạng nhân quyền bị vi phạm tại Việt Nam. Sau cuộc họp báo, ông bắt đầu một cuộc nhin ăn. Cuộc nhin ăn này được kéo dài tới ngày 12.10.1963.

Một phái đoàn bảy người được Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc cử ra do ông Abdul Rahman Pazhwak đại diện A Phú Hãn cầm đầu, có nhiệm vụ qua Việt Nam điều tra về tình trạng chính quyền và Phật giáo. Trước khi lên đường, phái đoàn đã được thiền sư Nhất Hạnh chỉ dẫn sơ lược về những phương pháp để có thể thu thập được những sự kiện chính xác về tình trạng Việt Nam và qua mắt được những giả trang của chính quyền Sài Gòn (3). Phái đoàn rời Nữ Ước vào ngày 21.10.1963 và tới phi cảng Tân Sơn Nhất vào nửa đêm rạng ngày 24.10.1963.

Tại Sài Gòn, tổ chức bí mật của Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo tìm mọi cách để liên lạc với phái đoàn. Ủy ban đã tìm cách đưa được vào cho ông trưởng phái đoàn một lá thư của đại lão thiền sư Tịnh Khiết ngay hôm đầu tiên phái đoàn tới cư trú tại khách sạn Hoàn Mỹ, dù khách sạn đã được công an và mật vụ canh gác một cách nghiêm mật. Ngày 27.10.1963, phái đoàn tuyên bố đi điều tra tại Thủ Đức nhưng đã bất ngờ tới chùa Ấn Quang để tiếp xúc với thiền sư Tịnh Khiết. Trong cuộc tiếp xúc này, phái đoàn đã yêu cầu tất cả mọi người ra khỏi phòng họp và chỉ để thiền sư một mình tiếp xúc với phái đoàn.

NGỌN LỬA THIÊN MỸ

Đúng vào mười giờ sáng hôm ấy, thiền sư Thiện Mỹ châm lửa tự thiêu trước nhà thờ Đức Bà tại Sài Gòn. Thiền sư Thiện Mỹ tên đời là Hoàng Miêu sinh năm 1940 tại Bình Định. Ông xuất gia từ hồi bé thơ, thọ giới sa di năm mười sáu tuổi và thọ đại giới năm hai mươi tuổi. Ông từ Đà Lạt vào Sài Gòn vào giữa tháng Mười năm 1963 và cư trú tại chùa Vạn Thọ. Ông đã định tự thiêu tại chùa Ấn Quang trước đó nhưng sau vì cảnh sát và mật vụ biết trước được nên ông lại thôi.

Ông châm lửa tự đốt mình vào lúc 10 giờ 30 sáng ngày chủ nhật 27.10.1963 ngay tại trước nhà thờ Đức Bà nên lúc phát giác ngọn lửa, nhiều đồng bào Công giáo đã tử trong nhà thờ chạy ra chứng kiến. Những Phật tử đi ngang qua cũng bao quanh lại; nhiều người dập đầu đánh lễ trước cảnh tượng bị hùng đó. Cảnh sát gần đấy nghe tiếng vội chạy lại. Hoàng hốt họ không biết làm gì nên dùng nón để quạt tắt ngọn lửa, nhưng càng quạt thì ngọn lửa càng lớn. Một số ký giả ngoại quốc có lẽ vì đã được thông báo trước đã tìm tới kịp để chứng kiến cảnh tượng. Phim và máy hình của họ bị cảnh sát giật đi. Cảnh sát chạy tìm được một cái mền đem phủ lên người thiền sư Thiện Mỹ. Cái mền bốc cháy. Thấy thế cảnh sát liền giật mền và kéo ngã vị thiền sư đang tự thiêu. Thiền sư Thiện Mỹ gượng ngồi trở lại trong tư thế kiết già. Thoáng thấy những người chung quanh đang dập đầu đánh lễ,



Tám hình lịch sử Đại Đức THÍCH THIÊN MỸ tự thiêu trước Nhà Thờ Đức Bà Saigon ngày 27.10.1963

ông chấp hai tay vái họ và cố ngồi vững chãi giữa ngọn lửa hồng. Mười phút sau, ông ngã ra. Lúc ấy xe cứu hỏa mới ào tới xịt nước. Lúc bốn người trong Phái đoàn Điều tra của Liên Hiệp Quốc tới được thì xe cứu hỏa vẫn còn xịt nước để xóa bỏ những dấu tích của vụ tự thiêu; trong khi đó đồng bào đang tụ họp lại thành một cuộc biểu tình.

Thiền sư Thiện Mỹ có để lại bốn lá thư: một cho tổng thống Ngô Đình Diệm, một cho thiền sư Tịnh Khiết, một cho ông U-Thant và một cho Phật giáo đồ.

Ngọn lửa tự thiêu của Thích Thiện Mỹ là ngọn lửa cuối cùng đã làm sụp đổ bạo quyền.

(còn tiếp)

(1) Sau ngày đảo chính thành công, người ta tìm ra được ngôi mộ của Quách Thị Trang tại nghĩa địa Gò Vấp.

(2) Cảnh sát Chiến đấu đã phá cổng và leo tường, thâm nhập vào trường Chu Văn An để đàn áp học sinh. Học sinh bắc loa kêu gọi cảnh sát và quân đội ủng hộ cuộc tranh đấu của họ. Sau khi cảnh sát thâm nhập được vào trường, học sinh bắt đầu kháng cự lại. Họ liệng bàn ghế từ trên lầu xuống làm hàng chục cảnh sát viên bị thương. Họ cầm cự được trong nhiều giờ trước khi bị chế ngự. Chỉ có độ 100 học sinh leo tường sau trốn sang được khu cư xá đại học, còn tất cả đều bị bắt.

(3) Tại Liên Hiệp Quốc lúc này người đại diện của chính phủ Ngô Đình Diệm là nhà bác học Bửu Hội. Ông Bửu Hội từ Phi châu được lệnh bay sang Nữ Ước vào đầu tháng Chín để lãnh đạo Phái đoàn Việt Nam tại Liên Hiệp Quốc. Tại Sài Gòn, thân mẫu của ông là ni sư Diệu Huệ, nghe tin con mình đang vận động che giấu sự thực về cuộc đàn áp Phật giáo tại Việt Nam, đã tìm mọi cách liên lạc với ông để khuyên ông từ bỏ công việc đó. Tại Nữ Ước, thiền sư Nhất Hạnh cũng đã gặp ông Bửu Hội tới hai lần để khuyên ông từ chức, nhưng không được ông nghe lời. Ngày 20.10.1963, thân mẫu của ông họp báo tại Sài Gòn tuyên bố bà không còn nhận ông Bửu Hội là con nữa.

MỘT SỐ DANH NHÂN PHẬT GIÁO VIỆT NAM SINH VÀO NĂM DẦN



Tâm Không Vĩnh Hữu

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

• THIÊN SƯ TRƯỜNG NGUYÊN (Canh Dần 1110): Sư họ Phạm, người hương Trường Nguyên, huyện Tiên Du. Khi xuất gia được thiên sư Đạo Huệ ở chùa Quang Minh truyền tâm ấn. Sau, Sư vào núi Vệ Linh ẩn tịch, ăn rau rừng, hạt dẻ, làm bạn với thiên nhiên, tụng kinh niệm Phật suốt năm lặng lẽ nên không ai hay biết. Vậy rồi danh tiếng của Sư cũng lan truyền đến kinh đô. Vua Lý Anh Tông muốn triệu kiến mà Sư không chịu đến, vua phải sai bạn cũ của Sư là đại thần Lê Hồi đến khuyên mời. Sư nhận lời cùng đi, nhưng khi đến chùa Quán Hương lại sức tịnh hồi tiếc, bèn trốn về. Để giải thích việc “đổi ý giờ chót” ấy, Sư nói với chúng đệ tử: “Ta đã thân khô lòng nguội, đổi với thế tục, phù phiếm hư ngụy có đáng là gì? Có lẽ là do chí hạnh của ta chưa thuần nên còn bị cái lòng lợi danh làm khốn!” Mồng 7 tháng 6 năm Chính Long Bảo Ứng (1165), Sư cảm thấy thân thể khác lạ, bèn gọi đệ tử đến, đọc lời kệ:

*"Ở nơi bóng trần
Thường lia bóng trần
Lòng dạ trắng trong
Cùng vật không thân
Tài bằng trời đất
Vượt cả nhân luân
Dưỡng muôi muôn vật
Cùng vật vui xuân
Gái sắt đứng mùa
Người gỗ đánh trống".*

Đọc xong, Sư xả bỏ thân ngũ uẩn ra đi, thọ 56 tuổi.

• THIÊN SƯ QUẢNG NGHIÊM (Nhâm Dần 1122): Sư họ Nguyễn, người Đan Phượng, từ nhỏ mồ côi cha, theo hầu cậu là thiên sư Bảo Nhạc, được cậu khai tâm điểm đạo. Sau khi cậu mất, Sư đi hành cước khắp nơi để tham vấn thiên học. Nghe tiếng thiên sư Thiên Trí thuyết pháp ở chùa Phúc Thánh, hương Điện Lãn, Sư tìm đến xin làm đệ tử. Một hôm nghe Sư Thiên Trí giảng “Tuyệt Đâu Ngũ Lục”, đến đoạn đối đáp về vấn đề sinh tử, Sư đặc pháp. Từ đó danh tiếng của Sư lan truyền khắp chốn. Sau, Sư đến trụ trì ở chùa Thánh Ân, hương Siêu Loại, có Thượng thư Bộ Binh là Phùng Giáng Tường hâm mộ danh tiếng của Sư, mời về truyền giảng tại chùa Tịnh Quả, tăng lữ gần xa kéo đến xin thọ giáo rất đông. Đệ tử thân cận của Sư là Thường Chiếu sau này cũng là một thiên sư xuất chúng. Ngày 15 tháng 2 năm Canh Tuất (1190), Sư lâm bệnh, gọi chúng đệ tử đến, đọc bài kệ:

"Ly tịch phương ngôn tịch diệt khứ

*Sinh vô sinh hậu thuyết vô sinh
Nam nhị tự hữu xung thiên chí
Hữu hưởng Như Lai hành xứ hành"*

(dịch: Thoát tịch diệt xong, bàn tịch diệt/ Sau vô sinh, hãy nói vô sinh/Làm trai lập chí xông trời thăm/Theo gót Như Lai luống nhọc mình!).

Đọc xong Sư chấp tay, an nhiên thị tịch, thọ 69 tuổi, được Thượng thư Phùng Giáng Tường làm lễ hỏa thiêu, xây tháp phụng thờ.

• THIÊN SƯ TỊNH LỰC (Canh Dần 1170): Sư họ Ngô tên Trạng, quê ở Cát Lăng, Vũ Bình. Thuở nhỏ, Sư rất thông minh, lớn lên càng giỏi về văn chương, nghệ thuật và chữ viết. Hữu duyên cho Sư gặp Thiên sư Đạo Huệ, tâm dừng nơi cảnh Phật, mặc cỏ ăn cây, phước tuệ song tu. Trải qua nhiều năm giữ tâm càng vững chắc, Sư vắng lời thầy thẳng lên núi cất một thảo am gọi tên Vương Trì (ở làng Cương Việt, Vũ Ninh) rồi trụ trì nơi đó. Trong mười hai giờ, Sư lễ Phật sám hối, được niệm Phật tam-muội, giọng bổng tiếng trầm của Sư nghe trong vắt. Học trò theo học rất đông. Sư thường giảng kinh Viên Giác cho môn đồ nghe, nghĩa lý chỗ nào chẳng ổn, đích thân Sư cải chánh. Đến niên hiệu Thiên Cảm Chí Bảo thứ hai (1175), một hôm Sư cáo bệnh, gọi môn đồ tề tựu mà dạy: “Các người! Tất cả các người học đạo lấy tâm siêng năng cúng dường Phật, không gì khác hơn chỉ cầu dứt được các nghiệp ác. Tâm miêng niệm tụng, tin hiểu nghe nhận, ở chỗ vắng vẻ yên lặng, gần thiện tri thức. Nói ra lời hòa nhã, nói phải thời đúng lúc, trong tâm không khiếm nhục. Liễu đạt nghĩa lý, xa lìa ngu mê, an trụ chỗ bất động. Quán tất cả pháp vô thường vô ngã, vô tác vô vi. Nơi nơi lìa phân biệt, ấy là người học đạo. Nay phần hóa duyên của ta đã xong”. Sư lại nói kệ: “Trước tuy nói kiết, sau gọi hung/Từ đời Thái Tổ kiêng chảng tụng/Vì thấy rồng lên làm Phật tử/ Chợt trông chuột hiện lặng vô cùng!” Dứt tiếng, Sư ngồi ngay thẳng an nhiên thị tịch, vào năm 1233, thọ sáu mươi bốn tuổi.

• TRẦN THÁI TÔNG (Mậu Dần 1218): tên thật là Trần Bồ, sau đổi thành Trần Cảnh, nhà nghiên cứu Phật học - nhà thơ, và là vị vua đầu tiên của nhà Trần, quê quán ở hương Tức Mặc, phủ Thiên Trường (nay là Nam Định). Làm vua năm 7 tuổi, ở ngôi 32 năm, làm Thái thượng hoàng 19 năm. Trước khi truyền ngôi cho con trai là Thái tử Trần Hoảng (sau là vua Trần Thánh Tông), ông đã lãnh đạo nhân dân Đại Việt chống lại cuộc xâm lược lần thứ nhất của quân Nguyên

Mông, với thắng lợi vẻ vang. Ông trở thành một vị minh quân, và cũng được tôn xưng như một Thiền Sư. Ông qua đời vào năm 1277, thọ 59 tuổi, tác phẩm để lại gồm: Khóa hư Lục, Thiền Tông Chỉ Nam, Lục Thời Sám Hối Khoa Nghi...

- **TUỆ TRUNG THƯỢNG SĨ** (Canh Dần 1230): thiền sư, tên thật là Trần Tung, hay Trần Quốc Tung, là con trưởng của An Sinh Vương Trần Liễu, anh ruột của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn và hoàng hậu Nguyên Thánh Thiên Cảm, tước hiệu Hưng Ninh Vương. Ông là người hướng dẫn vua Trần Nhân Tông vào cửa Thiền, từng tham dự cả 3 lần kháng chiến chống Nguyên Mông. Sau khi kháng chiến thành công, ông được phong chức Tiết Độ Sứ cai quản phủ Thái Bình, nhưng không lâu sau ông lại lui về ấp Tĩnh Bạng lập Dưỡng Chân Trang để tu học pháp Thiền. Ông được vua Trần Thánh Tông tôn làm đạo huynh. Nhiều áng thơ - bài kệ do ông sáng tác được kiệt tập trong *Thượng Sĩ Ngữ Lục* được lưu truyền rất nổi tiếng. Ông viên tịch vào năm 1291, thọ 61 tuổi.

- **ĐỆ TAM TỔ HUYỀN QUANG** (Giáp Dần 1254): thiền sư - nhà thơ đời Trần, người làng Vạn Tải, châu Nam Sách (nay thuộc Bắc Ninh), tên thật Lý Đạo Tái. Nhà nghèo, nhưng từ thiếu thời ông đã lộ tư chất thông minh, học giỏi. Sau đó cả thi Hương, thi Hội, Đệ Nhất Giáp Tiến Sĩ (Trạng nguyên), ông được bổ làm việc trong Viện Nội Hàn của triều đình, đón tiếp sứ giả Trung Hoa, nổi tiếng thi văn kiệt xuất. Sau, ông buông bỏ hết chức tước địa vị, từ chối cả việc làm phò mã của vua Anh Tông, quyết chí xuất gia cầu Đạo tham thiền, theo hầu "Phật Hoàng" Trần Nhân Tông. Đến khi Đệ Nhị Tổ là Pháp Loa truyền y bát cho ông, ông trở thành vị tổ thứ ba của thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Năm 77 tuổi, ông truyền y bát cho Quốc Sư An Tâm, lui về thiền thất tịnh dưỡng. Ba năm sau, năm Giáp Tuất 1334, ông qua đời, thọ 80 tuổi. Tác phẩm lưu lại đến nay chỉ còn 24 bài thơ trong *Việt âm thi tập*, *Trích diễm thi tập*.

- **NGÔ THỊ NHÂM** (Bính Dần 1746): cư sĩ - nhà văn đời hậu Lê-Tây Sơn, tự là Hy Doãn, hiệu Đạt Hiên, còn gọi là Ngô Thời Nhiệm, người có công lớn trong việc giúp triều Tây Sơn đánh lui quân Thanh. Ông xuất thân gia đình vọng tộc chốn Bắc Hà, là con Ngô Thị Sĩ, quê ở huyện Thanh Oai- Hà Tây (nay thuộc Thanh Trì -Hà Nội). Ông thi đỗ Giải Nguyên năm 1768, rồi Tiến Sĩ Tam Giáp năm 1775. Sau khi đỗ đạt, ông được bổ làm quan ở bộ Hộ dưới triều Lê-Trịnh. Năm 1790, vua Quang Trung đã giao cho ông chức Binh bộ Thượng thư. Sau khi Quang Trung mất, ông lui về nghiên cứu Phật học. Đến khi Gia Long tiêu diệt nhà Tây Sơn, ông và một số viên quan triều Tây Sơn thì bị đánh bằng roi tại Văn Miếu, sau trận đánh đồn, ông về nhà thì qua đời. Tác phẩm còn để lại: *Hải Dương chí lược*, *Hy Doãn thi văn tập*, *Xuân Thu quản kiến...*

- **THIỀU CHỮU** (Nhâm Dần 1902): nhà văn hóa, dịch giả và tu sĩ, tên thật là Nguyễn Hữu Kha, quê quán ở Trung Tự- Đông Tác (nay thuộc Đống Đa-Hà Nội). Bút hiệu Thiều Chửu có nghĩa là cái chổi quét bụi, tâm nguyện của ông là "cây chổi quét bụi ấy sẽ làm trong sáng giáo hội qua ngày



bút cải cách của mình", và "hàng ngày phải lau quét bụi trần tham nhiễm, đừng để gương lòng vẫn đục bởi phiền não vô minh che lấp". Từ nhỏ nhờ đức tính kiên trì tự học, ông đã am hiểu chữ Hán, Nho giáo và Phật giáo, lại thông thạo các tiếng Anh, Pháp, Nhật. Ông cho ra đời bản dịch *Khóa Hư Lục* của vua Trần Thái Tông, làm quản lý và biên tập cho tờ báo Đuốc Tuệ, tham gia thành lập Hội truyền bá Quốc ngữ, đảm nhận việc dạy chữ Hán, giảng kinh và chủ trì các khóa lễ ở trường Phật học Phổ Quang. Ngoài bộ Hán Việt Tự Điển có giá trị vượt thời gian, ông còn dịch 14 bộ kinh căn bản của đạo Phật, viết các sách về Phật học. Bị vu cáo, cộng với sự thương cảm cho nhiều nông dân bị hàm oan trong cải cách ruộng đất ở miền Bắc Việt Nam mà cảm thấy mình bất lực, ông đã tự vẫn vào năm Giáp Ngọ (1954) tại tỉnh Thái Nguyên, lúc 52 tuổi.

- **NGÔ LỢI** (Canh Dần 1830): tu sĩ, khai sáng đạo Từ Ân Hiếu Nghĩa, quê ở Bình An-Định Tường (Tiền Giang), lúc 20 tuổi, ông viết Đà-La-Ni Kinh, dài 223 chữ Hán, mà sau này trở thành quyển kinh quan trọng của tông phái. Năm 1872, ông cất chùa ở xã Bình Long, rồi lấy đó làm cơ sở truyền đạo. Ông đã đi nhiều nơi vừa trị bệnh, vừa thu nhận và dạy tín đồ thuyết "học Phật tu nhân, báo đáp tứ ân". Năm 1876, ông đưa một số đệ tử vào vùng Núi Tượng theo để khai hoang, lập chùa miếu và mở thôn ấp mới. Năm Canh Dần 1890, ông mất vì bệnh tại thôn An Hòa, gần Núi Tượng, lúc 59 tuổi. Ngoài bản Đà-La-Ni Kinh, ông còn truyền dạy cho tín đồ nhiều bài cung văn số điệp, nhiều nghi tiết cúng lễ, ghi chép lại thành tập sách *Ngọc Lịch Đồ Thơ Tập Chú*.

- **ĐẠI ĐỨC THÍCH QUẢNG HƯƠNG** (Bính Dần 1926): nhà sư vị pháp thiền thân, pháp danh Nguyên Diệu, pháp hiệu Bảo Châu, nổi pháp dòng Lâm Tế Liễu Quán đời thứ 44, thế danh Nguyễn Ngọc Kỳ, quê tại Tuy An, Phú Yên. Năm 1943, Sư xuất gia tu học ở chùa Kim Cang, Phú Yên. Năm 1949, Sư cầu Pháp và thọ Cụ Túc giới với Hòa Thượng Liễu Tôn, nhận chức Thư Ký của chi hội Phật giáo An Hiệp. Sau năm 1950, Sư vào học tại Phật Học Viện Nha Trang, được cử làm Giảng sư tại tỉnh Hội Phật-giáo Đà Lạt. Năm 1961, Sư được kiêm nhiệm trụ trì và Giảng sư tại tỉnh Hội Phật-giáo Buôn Mê Thuột. Vì thấy Phật giáo bị đại nạn, nên Sư phát nguyện tự thiêu vào ngày 5.10.1963, khi 37 tuổi, tại bồn binh chợ Bến Thành Sài Gòn, để đấu tranh cho Chánh Pháp.

TÂM KHÔNG VĨNH HỮU
(sưu tầm & biên soạn)



MẠNG MẠCH GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

(*Câu Chuyện Cuối Tuần*— bài viết hàng tuần của GDPT
do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Vẫn biết mọi vật vô thường, đời người vô thường... "Hoa nở để rồi tàn," "Trăng tròn để rồi khuyết"... nhưng hoa thì sớm nở chiều tàn, năm uẩn thì hợp tan lâu hơn, và GDPT thì hợp tan lâu hơn nữa. Tại vì GDPT là một tổ chức giáo dục Thanh, Thiếu, Đồng nam/nữ sống noi theo gương Phật có mặt trên thế giới này từ cách đây hơn nửa thế kỷ... Ban đầu chỉ là những đơn vị nhỏ ở Huế, sau lan ra toàn nước và bây giờ đã lan ra gần khắp thế giới, kể cả ở châu Phi cũng đã có mặt GDPT!

Sở dĩ như vậy vì đời sống của một tập thể thì thọ mạng lâu hơn 100 năm tuổi thọ của con người.

Có người nói: GDPT Hoa kỳ bây giờ tan rã hết rồi, vì họ thấy xưa kia tất cả các GDPT tại HK chỉ có một Ban Hướng Dẫn (BHD), bây giờ có tới 5, 6 BHD, mỗi BHD có một số đơn vị, sinh hoạt riêng từng vùng, ví dụ vùng Bắc California, Nam California, Trung Mỹ v.v...

- Xin thưa, đó không phải là tan rã mà là phát triển tùy duyên, cứ khoảng 5, 6 đơn vị thì có một BHD và nước Mỹ rộng lớn nên có nhiều Đơn vị GDPT hơn các quốc gia khác, mà nhiều đơn vị thì có nhiều BHD hơn, ví dụ Âu châu, Úc châu mỗi quốc gia chỉ có một BHD.



Thưa các bạn,

Thời Phật còn tại thế, đệ tử của Ngài - những vị đã được trang bị đủ để đi hoằng Pháp - cũng được đức Phật phân công đi khắp 4 phương 8 hướng để gieo rắc hạt giống Bồ đề khắp nơi chứ đâu phải tập trung tại Bồ đề đạo tràng thôi đâu. Ngày nay cũng vậy, những hạt giống GDPT cũng được tung ra bốn phương trời vì:

*"Chúng ta là chim bốn phương bay về đây
Về đây chúng ta sống trong Đạo thiêng
Chúng ta là hương gió mang đi ngàn phương
Nguyện đem gieo rắc khắp nơi ánh vàng..."*

Do đó, dù cho có bao nhiêu đơn vị GDPT sinh hoạt dưới bao nhiêu BHD khác nhau trong cùng một vùng, một thành phố, một quốc gia... thì đó cũng là MỘT (cũng như "MỘT LÀ TẤT CẢ, TẤT CẢ LÀ MỘT" vậy) vì tất cả đoàn viên trong các đơn vị ấy có CHUNG MỘT LUẬT ĐOÀN cho Huynh trưởng và ngành Thiếu, một **LUẬT ĐOÀN CHO OANH VU** (Đồng nam/nữ):

1. Phật tử (PT) quy y Phật Pháp Tăng và giữ giới đã phát nguyện
2. PT mở rộng lòng thương, tôn trọng sự sống
3. PT trau dồi Trí Tuệ, tôn trọng Sự Thật
4. PT trong sạch từ thể chất đến tinh thần, từ lời nói đến việc làm
5. PT sống Hỷ Xả để dũng tiến trên đường ĐẠO.

BA ĐIỀU LUẬT CỦA OANH VŨ:

1. Em tưởng nhớ Phật
2. Em kính mến cha mẹ và thuận thảo với Anh Chị Em
3. Em THƯƠNG người và vật.

Và cùng chung một nội dung Tu học và Huấn luyện Huynh trưởng và Đoàn sinh từ bậc Sơ Sanh, Mổ mắt,... cho đến Trung thiện, Chánh thiện; từ trại A-nô-ma Ni-liên đến Trại Huyền Trang, Vạn Hạnh... Ai bảo GDPT tan rã...? Cho dù trên thế giới này chỉ còn 5 Đơn vị GDPT ở 5 châu lục thì mạng mạch GDPT vẫn còn.

Điểm chung của mọi Lam viên, niềm vui lớn của ACE HUYNH TRƯỞNG GDPT, chính là tình đoàn kết bất khả phân, là sức mạnh ko bị tàn hại bởi bất kỳ vũ khí nào.

Trân trọng,
NAL

ĐÊM TRỪ TỊCH

Trời lặng im...
Đất lặng im...
Nén hương trừ tịch mừng đêm giao thừa
Lặng lòng ngọn gió tiễn đưa
Hoàng mai e ấp nhạt thưa sắc vàng
Lâng lâng chuông điểm mùa sang
Giọt sương thánh thót mơ màng cỏ hoa...

NHỚ TẾT XƯA

Hong chút nắng nỡ niềm năm cũ
Đã xuân rồi... chưa Tết... Tết ơi!
Thì nao nức búp non chồi nụ
Tàn phai nào rồi cũng rụng rơi...

Tìm ánh mắt trong vườn xuân chín
Nhớ vu vơ khẽ tiếng ai cười
Hoa năm ngoái... năm nay đâu khác
Ngoảnh lại mình đâu thuở đôi mươi

Xao xác gió tìm dư hương cũ
Chạnh lòng ta nhớ Tết năm mười
Vương tóc mẹ sợi xuân còn trẻ
Chú chim xanh hót chẳng cạn lời

Đêm Ba Mươi chơi trò cú bắt
Vàng trắng thơ lên trốn đâu rồi
Bập bùng lửa giao thừa Tết ấm
Sớm mai về chào đón tinh khôi...

BẾN XUÂN

Vương sợi khói gió xuân về phiêu lãng
Hoa cải vàng ngóng đợi chuyến đò sang
Trông quê mẹ áng mây nhòa cổ xứ
Ngõ rêu xưa bờ giậu cánh bướm vàng

Khẽ gọi ban mai chút nắng tình cờ
Xuân chạm ngõ bước chân mùa xuống phố
Chút lưu luyến chiều cuối năm tháng Chạp
Nụ tâm xuân trao hẹn ước mơ hồ

Nghe trong gió thâm thì lời lá nỡ
Cánh đồng xuân ngan ngọt những non xanh
Bầy chim én xón xang thêm mây biếc
Lẫn màu trời dệt sắc áo thiên thanh

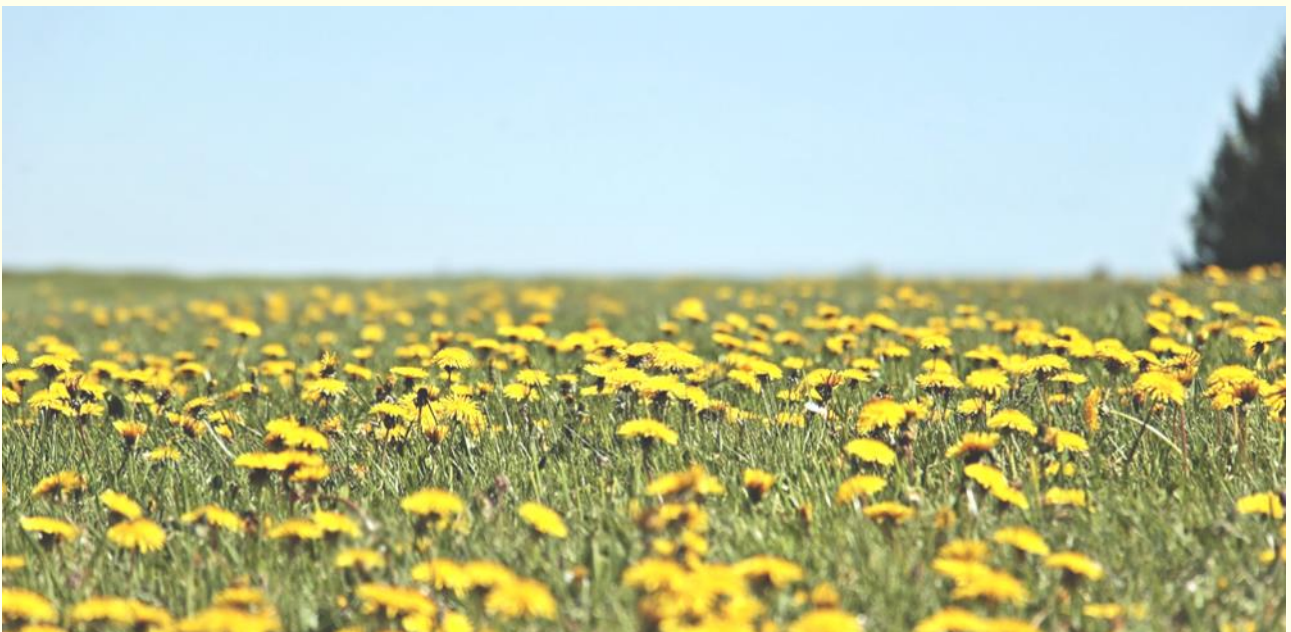
Phơi phới gió tơ đàn rung phiến nắng
Giọt chuông trầm lơ lửng giữa trời không
Xuân vô hạn chợt thương mình hữu hạn
Bến hoàng hoa bóng thuyền cũ xuôi dòng...

TRÀ XUÂN

Xuân nở rồi xuân lại rụng
Mùa đương mơn mớn xuân thì
Tiếng chim nấp vào lá nỡ
Lời xuân ngọt lịm nhu mì...

Khẽ vin cành xuân nắng biếc
Hít vào hoa trái thanh tân
Nhấp ngụm trà xuân ban sớm
Ung dung ngồi ngắm trong ngần...

thơ TỊNH BÌNH





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH

VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC

4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 548-4148

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Về sự ra đi của Cư Sĩ Không Hoan Thái Kế An
Thành viên Tổng Vụ Cư Sĩ Hội Đồng Điều Hành – GHPGVNTN Hoa Kỳ

Kính gửi: Bà quả phụ Thái Kế An, nữ danh Trần Thị Đất và tang gia hiếu quyến của Đạo hữu Không Hoan Thái Kế An

Kính thưa quý liệt vị,
Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNKH nhận được ai tín Cư Sĩ **KHÔNG HOAN THÁI KẾ AN**, thành viên Tổng Vụ Cư Sĩ, Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNKH, đã mãn phần vào ngày 19 tháng 12 năm 2021 (nhằm ngày 16 tháng 11 năm Tân Sửu) tại Portland, Oregon, Hoa Kỳ; hưởng thọ 81 tuổi.

Cư sĩ Không Hoan Thái Kế An là một Phật tử thuần thành, tinh tấn tu học và đã hết lòng phụng sự Phật Pháp thông qua Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ trong tư cách Thành viên Tổng Vụ Cư Sĩ Hội Đồng Điều Hành từ năm 2012 đến nay.

Giáo Hội sẽ gửi điện thư này đến toàn thể chư tôn đức Tăng Ni và quý Cư sĩ thành viên Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNKH để cùng hộ niệm cho Chơn Linh Cư sĩ **THÁI KẾ AN**, pháp danh **KHÔNG HOAN**, nương nhờ Phật lực vãng sinh Cực Lạc Quốc. Thành tâm phân ưu cùng toàn thể tang gia hiếu quyến.

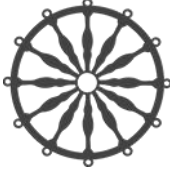


Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật

Santa Ana, ngày 21 tháng 12 năm 2021
Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNKH
Chủ Tịch,

(ấn ký)

Sa Môn Thích Tín Nghĩa



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH

VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC

4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 548-4148

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật

Kính gửi: Ban Tổ Chức Tang Lễ Cố Huynh Trưởng Cấp Dũng Tâm Kiểm - Bạch Hoa Mai

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính thưa quý Anh Chị Huynh trưởng các cấp và Đoàn sinh GDPTVN trong nước và hải ngoại,

Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK nhận được tin buồn Huynh Trưởng Cấp Dũng **TÂM KIỂM BẠCH HOA MAI**, Phó Trưởng Ban Ngoại vụ Ban Hướng Dẫn GDPTVN Trên Thế Giới, nguyên Phó Trưởng Ban Thường Trực Hội Đồng Huynh Trưởng Cấp Dũng GDPTVN, nguyên Trưởng Ban Ban Hướng Dẫn GDPTVN tại Hải ngoại, nguyên Trưởng Ban BHD GDPTVN tại Hoa Kỳ, đã thuận thể vô thường, xả bỏ báo thân vào ngày 06 tháng 01 năm 2022 (nhằm ngày 04 tháng Chạp năm Tân Sửu), hưởng thọ 83 tuổi.

Sự ra đi của Huynh trưởng Tâm Kiểm Bạch Hoa Mai là mất mát lớn cho tổ chức GDPTVN, và Giáo Hội cũng thiếu vắng đi một lãnh đạo thâm niên nhiệt huyết trong hàng Cư sĩ.

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ nhất tâm cầu nguyện Cố Huynh Trưởng Tâm Kiểm Bạch Hoa Mai siêu sinh lạc quốc; đồng thời chia buồn cùng tang quyến và toàn thể tổ chức Gia Đình Phật Tử Việt Nam trong nước lẫn hải ngoại.



Santa Ana, ngày 21 tháng 12 năm 2021
Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK
Chủ Tịch,

(ấn ký)

Sa Môn Thích Tín Nghĩa

Hạt gửi mùa sau

NGUYỄN NGỌC TƯ

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Ông già như lật tung cái nhà lên. Ông chui xuống gầm giường, ông thò đầu vào lục lọi trong tủ chén. Đầu vương đầy mạng nhện, ông cần nhả cử nhử, rõ ràng, mình cất ở đây, sao bây giờ nó mất biệt rồi, kỳ quá, kỳ quá. Tụi nhỏ cũng chạy lại, nghiêng chỗ này, ngó chỗ kia, cũng nói lạ quá trời, tự nhiên mất vậy cả. Nói, mà sợ tím ruột bầm gan, vì cái vật mà ông già muốn tìm tụi nhỏ đã cương quyết giấu biệt rồi.

Ai mà biết ông già coi trọng mớ bông vạn thọ, mồng gà khô đó dữ vậy, tụi nhỏ chống chế. Nhưng rõ ràng, tụi nhỏ biết. Sống chung một nhà, làm gì mà không rõ mỗi lần chim én bay hấp háy, đậu trên đám chà dưới mé sông, ông già lại đi lật lịch thăm chừng. Một tháng trước Tết, ông vác cuốc ra sân, tụi nhỏ dù muốn dù không cũng phải vác cuốc đi theo, xới như mảnh sân trước nhà, lụi hụi tưới nước cho mềm xốp lại. Ông già đi lục lọi mớ bông để giống từ Tết năm ngoái, rải hạt. Kể Tết, lúc ông già đứng tía lại hàng bông búp, bông lồng đèn thì bông vạn thọ, mồng gà, sao nhái đã nở rực cả vạt sân. Bông móng tay thấy thân phận nhột nhạt của mình, nép thành một hàng dài dọc đường đi. Nghi tay, ông đứng chống nạnh, khoan khoái đứng ngắm bông, hết đứng gần rồi lại lùi ra, cười khà khà khà, khoái trá. Với ông, Tết mà không trông



bông thì mất vui đi. Dù cực, dù ngày mấy lượt khệ nệ xách thùng đi tưới. Có cho đi, thì mới nhận lại, thử hỏi, ba ngày Tết, ngồi khề khà mấy ly trà, ngó ra cái sân vàng rực mênh mông, bông chật ních con mắt, có sướng không? Sướng! Vì vậy mà khi trời bắt đầu trở chướng, ông già thì trở... chúng, không chịu ở trong nhà. Suốt ngày tha thần ngoài sân, sửa sang, uốn lại mấy bụi chùm rùm, tia hai cây sộp, chăm sóc đám bông... Ông gọi là bông thì tụi nhỏ không được gọi hoa, ông nói hoa là hoa hồng hoa huệ gì đó, còn mồng gà, vạn thọ hay sao nhái thì phải kêu bằng bông, cũng như nùm mồi mà cứ học đòi năm mồi, cái thứ dân dã, mọc vườn hoang phải kêu sao cho dân dã, để nghe (ông mà đọc được bài này, hẳn ông giãy nảy lên, cái gì mà gửi, gì mà hạt, sao không nói "gửi hột...").

Đám trẻ tịt ngòi. Tụi nó thấy đám bông đúng là mang rắc rối tới cho tụi nó. Mấy bữa ông đi đám giỗ xa, về nhà, thấy bông héo, ông rầy tụi nó cả buổi. Mà, tụi nhỏ thấy bông cũng có ích lợi gì lắm đâu, ừ, có bông thì nhà sẽ đẹp mấy ngày Tết, nhưng mắc công. Sau tết, bông tàn, lại phải chọn những bông lớn nhất, đẹp nhất, già nhất đem phơi khô, lại phải nhổ bỏ đám cây rụi lá, dọn dẹp cho sạch, chuẩn bị sân phơi lúa. Tụi nhỏ nghĩ, đẹp, mà không ăn được, thì cũng phí.

Một phần, tụi nhỏ thương ông già, cứ lụi hụi cho cực thân. Ba năm rồi, đất nhiễm mặn, tan hoang, trồng bông cũng không nước tưới. Ngày xưa còn bờ dứa còn liếp chuối, bông trên sân phơi hợp với cảnh chung quanh, giờ cây cỏ điêu hiu, cái màu vàng rực lên của sao nhái, vạn thọ càng làm khó chịu, chói gắt con mắt. Một bữa dọn dẹp ở mỗi trong tủ, tụi nhỏ lén đem cái gói bông khô giấu trên giàn củi. Và ông già

tìm kiếm trong tuyệt vọng.

Không thể tưởng tượng được, tết này lại không có bông, ông già râu rĩ, nắm gác tay lên trán. Ngày dài, nằm chán, ông già ra đứng trước, nhìn cái sân chang chang nắng, thở dài ứ hự, mắt hoang vắng, thất thần. Tụi nhỏ đã dự tính trước, ông già sẽ buồn, nhưng nghĩ nỗi buồn qua mau, mai một ông quên tuốt. Nhưng ngó bộ dạng ông vẫn long đong tìm kiếm, tụi nó hoảng hồn, Tết sau, sau nữa, ông cũng sẽ nhớ hoài mùa bông cũ. Tụi nhỏ nhận ra, ông già trông bông không hẳn vì chúng đẹp (bởi thật ra chúng đâu có đẹp, thậm chí, bông vạn thọ hôi rình), trông để thấy tuổi xế bóng còn làm được việc thần kỳ, còn có thể vun đắp sự sống từ bàn tay cứng quèo, gân guốc, trông bông để nhớ cái thời sạ lúa trên đồng, và bông như một món quà Tết duy nhất ông có thể làm cho con cháu.

Bữa sau, ông tìm được gói bông khô trên cái giồng cá khô treo đầu bếp. Ông mừng quýnh, nói kỳ quá, kỳ quá, tao kiếm ở đây nát hết mà không thấy, vậy mà bây giờ tự nhiên nằm chình ình, y như ma giấu. Tụi nhỏ ngó nhau cười cười, mếu mếu.

Lại phải phụ ông già cuốc đất, lại gieo, lại đeo cây nước bơm từng thùng đem tưới. Bông lại nở rực trước sân nhà. Và Tết tàn, ông già lại nâng niu đi hái từng bông hoa héo khô, rũ cánh, giữ hạt cho mùa sau. Nghe như một người tàn và bông hoa tàn đang hát thăm bài ca cuộc sống.

Tụi nhỏ ngậm ngùi, ông già dường như làm điều gì lớn lao hơn là giữ hạt. Giữ cho tụi nhỏ không xuê xoa, lưỡi biếng (bệnh này đang lan nhanh dữ dội từ hồi chuyển sang làm ruộng nuôi tôm). Giữ một nếp nhà, giữ phong tục cũ...

Giữ cho cái sân bông rực rỡ, lung linh trong ký ức của những đứa trẻ xa nhà...

Truyện ngắn Shizuka Ijuin

HOÀNG LONG dịch

(từ nguyên tác Nhật ngữ)

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Tác gia Shizuka Ijuin (静伊集院) tên thật là Nishiyama Tadaki, sinh năm 1950 tại tỉnh Yamaguchi. Ông từng kinh qua nhiều nghề nghiệp như nhân viên quảng cáo trước khi trở thành nhà văn. Năm 1992, tác phẩm “Vàng trắng nhận chịu” (受け月) đạt giải thưởng văn học Naoki lần thứ 107. Ngoài ra ông còn là người sáng tác ca từ nổi tiếng với bút danh Date Ayumi (伊達歩). Các tác phẩm chính của ông gồm có “Thu trắng” (白秋), “Ngày xưa xa ngái” (遠い昨日), “Người đàn bà ở Asakusa” (浅草のおんな), “Bãi cỏ bên nhà” (となりの芝生) ... Ba truyện ngắn sau đây được chúng tôi dịch từ tuyển tập “Bình nước” (水の器) do Nxb Gentosha (幻冬舎) xuất bản năm 1997. Những truyện ngắn của Shizuka Ijuin tựa như những đoạn thiên tùy bút truyền thống Nhật Bản, điềm đạm, súc tích, nhiều hàm ý dư ba và vô cùng tinh tế.

VÀNG TRẮNG NGOÀI CỬA SỔ

Bên phải tôi trắng đã lên mà bên trái ánh tịch dương còn chưa lặn xuống.

Trăng bán nguyệt mọc giữa trời vùng núi đồi mờ mịt. Ánh dương một nửa còn ẩn hiện trong mây vườn dài ra như song song với đường chân trời, nhuộm đỏ cả khung cửa kính.

Đêm trắng.

Tôi lên tàu điện từ ga Bruxelles nước Bỉ vào lúc tám giờ tối. Hướng về phía Paris.

Những đồng lúa mạch chuẩn bị vào mùa gặt chạy nối tiếp nhau, những hồ nước nhỏ chốc chốc hiện ra và có lẽ do bên ngoài trời rất lạnh hay sao mà mặt hồ nào cũng bao phủ đầy hơi nước, có vẻ rất thích hợp làm sàn diễn múa ba lê.

Lâu rồi tôi mới lại đi thăm thú Châu Âu.

Cho đến vài năm trước đây, năm nào tôi cũng đi du ngoạn Châu Âu vài lần nhưng từ khi chuyên tâm vào việc viết văn thì tôi chỉ đi thăm nước Pháp

vào khoảng đầu hè mỗi năm một lần mà thôi. Mà ngay cả chuyến đi Pháp ấy cũng có chút mệt mỏi phiền hà.

Chuyến bay rung lắc hơn mười tiếng đồng hồ gần như không thể nào chịu đựng nổi. Thân thể như mềm nhũn cả ra.

Đến Pháp tôi luôn ra ngoài thăm thú để làm công việc chụp ảnh. Tuy tôi mang danh là giám đốc nhưng chẳng có gì đặc biệt cả đâu. Những nhân viên trẻ hơn tôi cả con giáp biết rõ về tính tùy tiện của tôi nên đã nhanh chóng giúp tôi xử lý công việc. Chỉ gần tôi gật đầu và rời khỏi hiện trường thế là mọi người đều nghĩ là tôi đi xem đua ngựa và để mặc cho tôi đi.

Mặc dù vui vẻ là thế nhưng những chuyến du lịch nước ngoài tôi đều cảm thấy mệt mỏi.

Tại sao lại thế nhỉ?

Có lẽ tự trong thâm tâm tôi thấy sự hiếu kỳ của mình với nước ngoài dường như đã phai nhạt. Chứ như ngày xưa, khi lần đầu được thăm thú, ngực tôi đã đập thành thịch vì hồi hộp hơn thế này nhiều.



Còn thêm một lý do nữa là khi đã quen đi du lịch, tôi chỉ đi đến những chỗ nào hợp với mình mà thôi.

Chính vì thấy điều này là không hay, nên sau khi các nhân viên trẻ của tôi đã về nước rồi, một mình tôi còn ở lại Paris, quyết định thử làm một chuyến du ngoạn dạo quanh đầu đó.

Nơi quầy đại lý du lịch gần nhà hát opera tôi thấy có dán đầy những tờ hướng dẫn du lịch giá cả phải chăng thế là tôi quyết định bước vào trong hỏi thử xem sao.

Nhưng không giao tiếp được. Lý do là tôi không thể nói được tiếng Pháp.

Không thể buông xuôi. Mình phải đi, nơi đâu cũng được. Vừa tự thuyết phục rằng mình chỉ mới bốn mươi, không thể thành lão già ngớ ngẩn như vậy, tôi vừa thử bắt chuyện hỏi thăm.

Một cô gái trẻ nọ quầy khuyên tôi đi đến Ai Cập.

À, được đấy. Nếu là Ai Cập thì chắc có thứ gì đáng xem đây.

Trong khi nói chuyện, tôi thấy cô ta nói tất cả chẳng đi

đều bằng thuyền thế nên tôi mới nói.

"Đi bằng máy bay cũng được mà..."

Nghe vậy, cô ta chỉ cho tôi xem cái tấm quảng cáo lớn phía sau lưng mình và mỉm cười. Thì ra đây là quầy đại lý chuyên tổ chức du lịch bằng thuyền.

Sau khi trở về khách sạn, tôi nằm suy ngẫm.

Đi bằng thuyền thì cũng đâu có sao. Chỉ mất có vài ngày thôi mà. Cứ mặc kệ công việc mà đi thì cũng chẳng gây hậu quả gì lớn lắm.

Khi đang nghĩ như thế, tôi cảm thấy tim mình đập mạnh quay cuồng. Trạng thái tim đập không đều của tôi giờ đã trở thành chuyện thường ngày mất rồi. Tôi vui vì kịp nhận ra quả thật khí lực mình không đủ cho chuyến đi này.

Reng reng reng

Điện thoại gọi đến. Tôi nhắc ống nghe lên. Giọng nói của người biên tập từ Nhật Bản vọng đến.

"Sao rồi? Anh đã hoàn thành bản thảo chưa?"

"..."

"Trả lời tôi đi chứ. Alô alô."

"Cho tôi hai tiếng nữa đi."

"Vậy sao? Tôi chờ trước máy fax đây nhé."

Tôi hướng mắt về cái bàn rồi thở dài.

Cho dù như vậy, mình cũng phải đi du lịch, dù chỉ một ngày thôi.

Thành phố Bruxelles nước Bỉ có một viện bảo tàng mà tôi muốn đến tham quan từ lâu. Đó là bảo tàng lịch sử quốc gia. Tôi nghe nói nơi đó có trưng bày rất nhiều hiện vật bằng đồng quý hiếm của Trung Quốc thời cổ đại.

Tôi thức thâu đêm làm việc một mạch cho đến khi hoàn thành bản thảo. Khi xong việc thì thấy còn ba tiếng nữa mới đến giờ tàu xuất phát (tám giờ rưỡi sáng) thế nên tôi đã ngủ hai tiếng đồng hồ.

Khi mở mắt thức dậy thì đã là tám giờ ba mươi rồi. Một giấc ngủ vui ngon lành. Tôi vội vàng thu xếp đồ đạc rời khỏi khách sạn, chạy vội đến nhà ga phía bắc thành phố Paris. Chuyến tàu kế tiếp đến Bruxelles còn hai tiếng nữa mới khởi hành.

Tôi ngồi trong quán cà phê

và uống bia. Và rồi lại ngủ tiếp.

Kết quả là tôi lên chuyến tàu đến được Bruxelles thì đã sáu giờ chiều. Thời gian di chuyển từ Paris đến Bruxelles là khoảng chừng ba tiếng đồng hồ.

Bảo tàng lịch sử đồng cửa mà chuyến tàu cuối về Paris thì đến tám giờ mới xuất phát. Nếu tôi không về kịp thì sẽ lỡ chuyến bay rời khỏi Paris vào sáng ngày mai.

Tôi ngồi nơi quảng trường trước ngôi nhà của vua (Maison du Roi) thời trung cổ tên gọi là Grand Place, uống vài ly whisky và mệt mỏi chờ đến giờ lên tàu về lại Paris.

Lúc đi đến Bruxelles tôi phải mua vé rồi mới lên tàu nên tôi đã chen chân đứng xếp hàng suốt ba tiếng đồng hồ nơi sân ga. Tôi nghĩ chặng về chắc cũng vậy nhưng chuyến tàu hạng hai này lại nhiều ghế trống.

Khi đặt được lưng xuống ghế ngồi, thấy bên phải trắng treo bên trái tà dương còn hiện, tâm tư tôi mới an tĩnh lại từ từ. Thật là kỳ diệu.

Mới sáng hôm nay sau khi thức dậy, cái cảm giác thôi thúc phải đi đâu đó dâng lên mãnh liệt nay đã lắng dịu khiến tôi mới có thể nhìn ngắm được phong cảnh sống động quanh mình.

Những làng quê với ruộng đồng nối tiếp nhau, những hàng cây trải dài và ngay cả những dáng vẻ những người khách đi tàu cũng ngập tràn sinh khí.

Đây chẳng phải là chuyến du ngoạn tôi ưa thích hay sao?

Ánh dương đã lặn và vầng trăng lại mọc cao hơn. Ánh sáng lênh lảnh như vầng trăng ngày xưa tôi đã ngắm nhìn ở Nhật Bản.

Khát nước quá đi mất... Chắc mình phải chịu đựng khoảng hai tiếng đồng hồ rồi. Khi tôi vừa nghĩ như thế thì cô bé bán hàng trên tàu đẩy xe nước đến. Chà thế gian này cũng có nhiều chuyện vui về làm sao.

Khi tôi về đến khách sạn tại Paris thì đã gần mười hai giờ khuya.

Tôi biết mình đang vui về phần khích nên lại đi ra ngoài dạo quanh uống rượu tiếp.

Trong quán cà phê đèn vàng, tôi trút rượu vào thân xác mình đang mệt mỏi.

Có lẽ mình hơi xa xỉ đây. Nhưng không bao giờ để mình bị mất đi sự hiểu kỳ mới được.

Tôi vừa gật gù đọc thoại vừa

lâng lâng chìm vào cơn say. Đã lâu rồi mới được bữa túy lúy như hôm nay.

Trên khung trời mở ngỏ của quán cà phê, vầng trăng đuổi theo chuyến tàu tôi đi suốt từ nước Bỉ đúng bây giờ sừng sững đứng yên lặng lẽ.

NHỮNG LÁ THƯ

Khoảng năm năm trước khi chuyển đến sống tại Kyoto, tôi thường không ở một chỗ mà toàn đi du lịch đó đây nên không có một địa chỉ nào cố định.

Thực ra địa chỉ không có thì cũng chẳng sao nhưng đúng là chuyện này thường khiến tôi cảm thấy phiền phức không ngờ.

Chẳng hạn như lần đầu gặp mặt một người nào đó.

"Xin lỗi tôi muốn gửi tài liệu đến chỗ anh nên anh có thể vui lòng cho tôi xin địa chỉ được không ạ?"

Trước đây khi bị hỏi như thế tôi thường đáp lại.

"À, tại vì tôi không ở một chỗ nào cố định lâu dài cả nên..."

Khi người ta nghe tôi trả lời như vậy thì nói "Thế à?" rồi không hỏi gì thêm và cũng không giao những việc phiền phức cho tôi nữa.

Nhưng vào năm ngoái khi xuất bản được hai quyển sách, tôi có nhận lời phỏng vấn của mấy tờ tạp chí để quảng bá cho tác phẩm của mình. Thế là khi đó tôi cũng chẳng suy nghĩ gì nhiều mà nói ngay.

"À, tôi đang định ở lại Kyoto một thời gian"

Trong số những tạp chí đó thì có tạp chí vốn dành cho phụ nữ nhưng ngay cả nam giới cũng tìm đọc thế là tôi cũng được hỏi địa chỉ để hẹn gặp bàn bạc sắp xếp công việc mới.

Vì tính tôi cũng không thích được người khác quan tâm hỏi han nên tôi gắng sức lừa gạt người ta về chuyện địa chỉ nhà. Thế nhưng lúc đó, có người thì làm vẻ mặt như muốn nói "À, ra vậy. Anh ta đâu có nói địa chỉ nhà cho mình biết mà làm gì?" hay có người lại hiểu lầm là "à, anh ta sợ phiền phức nếu cho mình biết địa chỉ nhà đây mà".

Vốn dĩ tôi lại là người nhạy cảm với cảm xúc của người đối diện thế nên khi thấy vẻ mặt hay ánh mắt như thế là tôi lại nói ra luôn địa chỉ của mình.

Hay đôi khi tôi cũng có phản

kháng một cách yếu ớt là “Thực ra thì tôi không biết mình sẽ ở chỗ này bao lâu nữa...” nhưng cuối cùng cũng nói ra địa chỉ chỗ mình ở luôn.

Tại sao tôi lại viết ra những điều này vì những người mới gặp lần đầu thì không kể, chủ yếu là vì những lá thư của bạn bè cũ gửi đến cho tôi.

Khi tôi nhận thư và lật ra phía sau xem địa chỉ thì có khi cảm xúc đầu tiên sẽ là thoáng ngạc nhiên “A, thì ra là người này gửi cho mình à” sau đó khi mở ra đọc thì nhiều lần khiến tôi đồng cảm với tình cảnh của người đó hay khiến tôi nhớ lại những cư xử không hợp lý hợp tình của mình khi trước.

Hay ngược lại nhiều khi bức thư từ người bạn cũ khiến tôi cảm thấy nhớ nhưng vui mừng và sau khi đọc xong muốn thể hiện ra niềm vui đó cho người bạn cũ hay. Tôi định viết thư trả lời ngay hay ít nhất cũng gọi một cuộc điện thoại nhưng cứ chần chừ mãi. Thế là chuyện đó cứ vương vẩn trong tâm trí khiến tôi cứ cảm thấy u uất rồi nhìn thấy ngay bức thư của người bạn đó được đặt ở ngay góc bàn, chỗ dễ tìm thấy nhất.

A, vậy sao? Thế ra mình vẫn chưa trả lời bức thư này nhỉ?

Những bức thư như thế một hai lá thì còn cố gắng được chứ như thiệp chúc mừng năm mới đến vào lúc bận rộn, mãi không sắp xếp thời gian hồi đáp cứ để đó mấy tháng sau xem lại lên đến mười mấy tấm, không sao trả lời kịp nữa. Điều đó càng làm tôi cảm thấy u uất hơn.

Cũng như vẫn nói, chữ viết có nhiều điều dễ truyền đạt nhưng cũng có những điều rất khó chuyển tải. Cũng giống như người bắt bóng trong bộ môn bóng chày vậy. Khi bắt bóng, có lúc cảm thấy được áp lực của đối thủ ném bóng nơi tay mình có khi lại cảm thấy sự thông cảm của đối thủ khi đón bắt quả bóng ném mềm mại nhẹ nhàng.

Nếu như thế thì cũng có những người bắt bóng trong võ vụng cho dù cố chụp trái bóng mà đối thủ ném ra tùy tiện nhưng vì khi thì bóng bay quá tầm tay hay có lúc động tác ném bóng sai mà bóng không bay tới tay nữa.

Những lời nói chạm đến tận đáy lòng (tôi không biết có điều này không nữa) thì phải chăng cũng phải do cả bên gieo lời và



QUA MÙA

*mù sương ngập ngụa nghiêng chao
nấp trong vạt áo em vào tiễn đông
ao tôi đã cạn hết lòng
dù xuân có tươi cũng không đủ đầy
thôi em về lại riêng tây
vén sương tâm sự thả bay qua mùa.*

thơ PHÙ DU

người nhận lấy đều phải tương hợp tri kỷ của nhau. Tôi nghĩ rằng không có chuyện viết thư giỏi hay dở đâu. Nếu có hay dở thì chắc là do thời điểm gửi thư mà thôi. Nói chung thư từ thì cứ nên viết ngay khi mình muốn viết là hay nhất.

Mấy ngày trước tôi mới nhận được bức thư của một ca nhạc sĩ hiếm khi viết thư cho tôi. Đầu tiên tôi đã rất kinh ngạc vì thấy chỗ địa chỉ có nét chữ vô cùng dễ đọc.

Khi mở bức thư ra thì ngay dòng đầu tiên có viết “Tôi nghe nói rằng thư từ nên viết ngay khi mình muốn nên mặc dù là một người rất ngại viết thư nhưng tôi cũng ráng thảo vài dòng gửi anh khi đang đi trên tàu điện. Chữ tôi vốn xấu nên mong anh bỏ qua. Cảm ơn anh lần trước tuy bận rộn nhưng vẫn sắp xếp thời gian gặp mặt bàn công việc. Tôi đã suy nghĩ kỹ về chuyện của anh...”

Quả là một bức thư hay.

Hai năm trước, tôi thường xuyên ngâm ngợi thường thức bài hát anh ta sáng tác. Đó là bài hát về một chuyện tình lấy bối cảnh là một khách sạn bên bờ sông. Tôi nhớ là mình đã vui sướng và thán phục nghĩ rằng

tuy cùng độ tuổi với nhau nhưng người có tài năng quả thật là khác biệt.

Bức thư của anh ấy cũng chẳng viết gì đặc biệt cả. Cũng chỉ là những chuyện lâu ngày chưa gặp được nhau, tôi cũng đang cố gắng hoàn thành công việc, phía anh thì sao... Đại khái thế thôi.

Khi đang ngẫm nghĩ là tại sao anh ấy có thể viết tự nhiên trôi chảy như thế thì tôi chợt nhớ có lần đang chơi mạt chược, anh ta rủ tôi rằng “Khi nào chúng ta cùng chơi bắt bóng nhé? Tôi thích chơi ném và bắt bóng hơn bóng chày”. Và tôi cảm thấy mình hiểu được ý nghĩa của câu nói đó sau khi đọc xong bức thư.

Viết đến đây tự nhiên ngoài trời chợt đổ mưa. Cơn mưa rào mùa xuân phủ một màn sương mờ xám trên đỉnh núi phía đông Kyoto.

Tôi đọc lại bức thư một lần nữa. Chữ viết như chữ của trẻ con. Đạo gần đây tôi nghĩ kiểu viết như trẻ con thế này gợi nhiều ý vị hơn là những câu văn từ trau chuốt lưu loát. Nó cho ta cảm giác như nụ cười của trẻ thơ.

Sấm mùa xuân chợt vang rền.



NGƯỜI NGHÈO MUỐN GIÀU

Thuở xưa có một người nghèo
Làm ăn vất vả, bao nhiêu muộn phiền
Để dành được một ít tiền
Thấy người giàu khác chàng liền nghĩ suy:
“Tiền ta chẳng có nhiều gì
Đem ra so sánh ta thì thua xa
Người kia giàu có quá mà.”
Anh chàng thất vọng thở ra nã nê
Muôn quẳng chút tài sản kia:
“Giữ làm chi nữa, vứt đi cho rồi
Tới bờ sông ném xuống thôi.”
Chung quanh thấy thế nhiều người nhủ
khuyên:
“Tuy anh có rất ít tiền
Tiền này nuôi sống được thêm bao ngày,
Nếu anh liệng hết đi ngay
Một xu chẳng có đọa đầy khó qua.”

*

*Truyện này thí dụ cho ta
Trong hàng Tăng chúng xuất gia lắm người
Thấy cao Tăng ở khắp nơi
Đa văn, tài đức, được đời suy tôn
Cúng dường nông hậu luôn luôn
Còn mình lợi dưỡng thời không sánh bằng
Nhưng không chịu nghĩ kỹ càng
Để mà tu học đạo vàng gắng thêm
Lại làm hành động cuồng điên
Bỏ tu, rời đạo, qua miền khổ đau
Thật là trái ngược xiết bao.
Người nghèo vứt của so nào khác chi!*

(Thi hóa Kinh Bách Dụ)

THE POOR WANT TO HAVE AS MUCH AS THE RICH

Once upon a time, there was a poor man who had but few possessions. After meeting some rich men, he wanted to be like one of them. Unable to do so, he was about to throw the little he had into the water. Some bystander said, "What you possess may be little, but you can live on it for a while. Why do you want to throw it into the water?"

This is similar to what is done by the stupid of the world.

People who happen to be ordained men get offerings, which come way below their expectations. What they have cannot equal that received by the high and virtuous ones. They see that those old and virtuous ordained men are supported by the mass of famous people. They want to be on an equal footing with them. Unable to get equality, they feel sorrowful and painful to such a degree as to break their faith.

This is just like the stupid man who, wanting to be equal with the rich, casts out the precious possessions of his own.

(Trích dẫn "SAKYAMUNI'S ONE HUNDRED FABLES" do Tetcheng Liao, Tiến Sĩ Luật Khoa Viện Đại Học Paris dịch).

thơ TÂM MINH — NGÔ TẮNG GIAO

Anguttara Nikàya: "CON ĐƯỜNG KHÔNG CÓ LẦM LỐI"

Thích Nữ Hằng Như

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

I. DẪN NHẬP

Bài kinh ngắn "Con Đường Không Có Lầm Lối" là bài kinh được trích trong Tăng Chi Bộ (Anguttara Nikāya) là bộ thứ tư trong năm bộ kinh văn Pāli gồm Kinh Trường Bộ (Dīgha Nikāya), Kinh Trung Bộ (Majjhima Nikāya), Kinh Tương Ứng Bộ (Samyutta Nikāya), Kinh Tăng Chi Bộ (Anguttara Nikāya) và Kinh Tiểu Bộ (Khuddaka Nikāya). Các bộ kinh này được cổ Đại Lão Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch từ văn tạng Pāli sang Việt ngữ.

II. KINH "CON ĐƯỜNG KHÔNG CÓ LẦM LỐI"

Tăng Chi Bộ Kinh là một bộ kinh được xếp theo pháp số, từ một pháp đến mười một pháp, phân thành mười một chương. Mỗi chương chia thành nhiều phẩm. Trong mỗi phẩm có nhiều bài kinh cùng loại.

"Con Đường Không Có Lầm Lối" là bài kinh thuộc ba pháp, đó là: "hộ trì các căn, tiết độ ăn uống và chú tâm cảnh giác". Đức Thế Tôn dạy rằng vị Tỷ-kheo nào tu tập ba pháp này thì vị ấy đang đi trên "con đường không có lầm lối".

A. VÀO KINH:

- Thành tựu ba pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thực hành con đường không có lầm lối, và có những căn bản thẳng tắn để đoạn diệt các lậu hoặc. Thế nào là ba? Ở đây này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hộ trì các căn, tiết độ ăn uống và chú tâm cảnh giác. (hết trích)

B. TÌM HIỂU Ý NGHĨA ĐOẠN KINH NÀY:

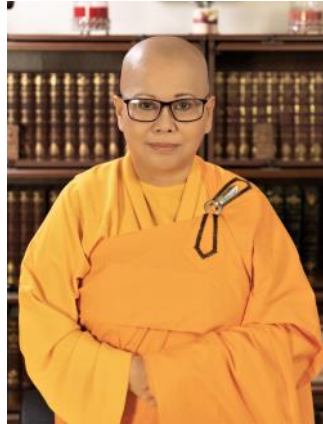
Đức Phật dạy các Tỷ-kheo thực hành ba pháp: "Hộ trì các căn, tiết độ ăn uống và chú tâm cảnh giác". Đây là ba pháp tu tập căn bản cần thiết giúp các vị Tỷ-kheo đoạn diệt các lậu hoặc.

A. NGUYÊN VĂN KINH (tiếp theo)

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo hộ trì các căn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì nhãn căn không được bảo vệ, khiến tham ưu, các ác bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo tự bảo vệ nguyên nhân ấy, phòng hộ nhãn căn, thực hành phòng hộ nhãn căn.

Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì ý căn



không được bảo vệ, khiến tham ưu, các ác bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo tự bảo vệ nguyên nhân ấy, phòng hộ ý căn, thực hành phòng hộ ý căn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo hộ trì các căn. (hết trích)

B. TÌM HIỂU Ý NGHĨA ĐOẠN KINH (tiếp theo)

- Hộ trì: Nghĩa là bảo vệ, giữ gìn.
- Các căn: Giác quan của con người gồm: Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý.
- Hộ trì các căn: Là thực tập giữ gìn không để cho các căn bị lỗi cuốn khi tiếp xúc với trần cảnh. Như mắt thấy sắc là hình dáng, vật chất. Tai nghe âm thanh, tiếng động, lời nói... Mũi ngửi mùi hương thơm tho, hôi

thối... Lưỡi nếm vị mặn, ngọt. Thân va chạm nóng, lạnh, trơn láng hay sần sùi. Ý nhận thức các pháp tức biết mọi việc xảy ra xung quanh ta.

- Tướng: Hình dáng, màu sắc bề ngoài của hiện tượng thể gian.

- Tướng chung: Hình dáng tổng quát toàn diện của đối tượng. Thí dụ tướng chung: con người, con vật, khu rừng, loài hoa v.v...

- Tướng riêng: Rõ ràng, từng nét, từng chi tiết của đối tượng. Thí dụ: Phân biệt người này là đàn ông, người kia là đàn bà, đây là ông già, nọ là bà lão. Cô kia có mặt mũi xinh tươi, mắt to đen nhánh, sống mũi cao thon gọn, môi hồng quyến rũ. Đây là hoa Hồng màu đỏ, kia là hoa Cúc màu vàng v.v...

- Khi mắt thấy sắc, không nắm giữ tướng chung, nghĩa là khi mắt nhìn đối tượng chỉ thấy cái đang là của đối tượng, thấy tổng quát, không dính mắc, không suy nghĩ vướng bận về đối tượng. Đối tượng như thế nào thấy như thế đó.

- Khi mắt thấy sắc, không nắm giữ tướng riêng, nghĩa là không quan sát chi ly, chi tiết về đối tượng. Đối tượng như thế nào thấy y như thế đó, không phân tích chia chẻ, so sánh, nhị nguyên.

- Những nguyên nhân gì, vì nhãn căn không được bảo vệ, khiến tham ưu, các ác bất thiện pháp khởi lên: Khi mắt nhìn thấy đối tượng, nó chỉ thấy đối tượng "như vậy" thôi. Nhưng vì có sự hợp tác của ý căn, ý thức cho nên nhãn căn khởi lên sự so sánh, phân biệt rồi thích hay ghét, ưa hay không ưa. Do đó tâm tham ưu, các ác bất thiện pháp khởi lên.

Thí dụ: Mình đi tham quan một khu vườn cam. Mắt thấy nhiều trái cam. Ngay ban đầu, con mắt nhìn trái cam, nó thấy như thật về đối tượng thôi. Nhưng tiếp theo thì ý thức nhẩy ra. Ý thức

qua con mắt, ta biết đó là trái cam. Nếu người có tu tập, giữ cái biết dừng lại ở chỗ này bằng cách không nắm giữ tướng chung, tướng riêng của vườn cam hay trái cam thì tâm của người đó không bị dao động. Còn khởi ý này, ý nọ, thì đó là nguyên nhân đưa đến tâm tham ưu, cam ngọt hay chua, thích hay không thích. Do đó các ác bất thiện pháp sinh khởi!

Đối với tai nghe âm thanh, mũi ngửi mùi hương, lưỡi nếm vị ngọt, mặn, thân va chạm ấm áp hay lạnh lẽo, thì cũng phải thụ thức bảo vệ, không để các căn này bị ý thức dẫn dắt đi xa rồi phân biệt, so sánh... đưa đến tâm tham ưu khiến các ác bất thiện pháp sinh khởi như trên.

Điểm quan trọng chúng ta cần chú ý ở đây là đức Thế Tôn dạy các Tỷ-kheo pháp tu "thu thức lục căn" bằng cách khi giác quan tiếp xúc trần cảnh, hành giả "**không nắm giữ tướng chung, tướng riêng**" của đối tượng, mà chỉ nhìn biết, nghe biết, xúc biết như thật, tức biết cái đang là của đối tượng mà thôi!

- Những nguyên nhân gì, vì ý căn không được bảo vệ khiến tham ưu, các ác bất thiện pháp khởi lên. Tỷ-kheo tự bảo vệ nguyên nhân ấy, phòng hộ ý căn, thực hành phòng hộ ý căn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo hộ trì các căn.

Ý căn chủ đạo về suy nghĩ, tư duy, thường dính mắc với quá khứ. Khi các căn tiếp xúc các trần, người biết tu tập không để tâm truy tìm quá khứ. Vì nếu quá khứ xuất hiện sẽ khiến tâm dao động từ đó phiền não ưu tư sinh khởi! Đó là lý do tại sao trong kinh "*Nhất Dạ Hiền Giả*" (*), đức Phật dạy quá khứ không truy tìm, tương lai không ước vọng. Không truy tìm quá khứ là thực hành pháp phòng hộ Ý căn.

Tóm lại, khi sáu căn tiếp xúc sáu trần, vị Tỷ-kheo nào tu tập không nắm giữ tướng chung không nắm giữ tướng riêng của trần cảnh thì vị đó đang thực hành "*pháp hộ trì các căn*."

A. NGUYỄN VĂN ĐOẠN KINH (tiếp theo)

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo tiết độ trong ăn uống?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như lý giác sát thọ dụng các món ăn, không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, mà chỉ để thân này được an trú và được bảo dưỡng, để (thân này) khỏi bị thương hại, để hỗ trợ Phạm hạnh, nghĩ rằng: "Như vậy, ta diệt trừ các cảm thọ cũ, và không cho khởi lên cảm thọ mới, và ta sẽ không có lỗi lầm, sống được an ổn". Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo tiết độ trong ăn uống. (hết trích)

B. TÌM HIỂU Ý NGHĨA ĐOẠN KINH NÀY.

- **Tiết chế ăn uống:** Là hạn chế, kèm giữ, không cho vượt quá mức trong vấn đề ăn uống.

- **Như lý:** Là tác ý những pháp thiện lành.

- **Phi lý hay Bất như lý:** là tác ý những ác bất thiện pháp.

- **Giác sát:** Quan sát, chú ý chú tâm nhận biết.

- **Như lý giác sát:** Đây là thuật ngữ Phật học, hàm ý sự chú tâm, quan sát, nhận biết rõ ý nghĩa của việc làm nhằm bảo đảm sự việc ấy được hướng đến sự hoàn thiện nhân tính của con người. Tạm hiểu Như lý là tác ý làm những việc

thiện, còn bất như lý là tác ý làm những việc ác.

- Như lý giác sát thọ dụng các món ăn, không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, mà chỉ để thân này được an trú và được bảo dưỡng để (thân) khỏi bị thương hại, để hỗ trợ Phạm hạnh: Chú tâm hiểu rõ việc thọ dụng thức ăn chỉ là phương tiện để duy trì sự sống (an trú), để bảo dưỡng cho thân khỏe, nhằm hỗ trợ cho việc tu tập (giữ gìn Phạm hạnh), chứ không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp. Đó là như lý giác sát về thọ dụng các món ăn.

Đoạn kinh này, đức Phật dạy các Tỷ-kheo nên biết tiết chế trong việc ăn uống. Thích ăn ngon hay ăn quá độ là tham ăn, có hại đến sức khỏe. Người không biết tiết chế ăn uống là người Vô minh. Trong bản đồ Thập Nhị Nhân Duyên chỉ rõ Vô minh là một trong mười hai mắc xích khiến con người trôi lăn trong luân hồi sinh tử.

- Thế nào là "Diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên cảm thọ mới?": Khi ăn mùi vị tác động vào lưỡi, tạo cảm thọ thích thú cho vị giác. Những món ngon, vật lạ, đã từng thích thú nếm qua, khiến hành giả nhớ hoài và "thèm" được nếm lại. Đó là nhớ lại những cảm thọ cũ.

Đức Phật chủ trương người xuất gia hằng ngày đi khất thực, người ta cho gì ăn nấy, nên ăn chỉ biết ăn, không khởi tâm khen chê, không màn thức ăn ngon hay dở, chỉ xem thức ăn là phương tiện nuôi thân, là thuốc trị bệnh đói. Nhờ vậy mà hành giả diệt trừ được thú đam mê ăn uống, diệt trừ được cảm thọ cũ và không cho khởi lên cảm thọ mới. Đây là hành giả tu tập "*hộ trì thiết căn*" tức "*phòng hộ lưỡi*".

Vấn đề "*tiết chế ăn uống*" đối với chúng ta không phải là người xuất gia thật ra không dễ, vì ai cũng thích ăn ngon. Khi thức ăn vừa với khẩu vị, con người ta rất khó mà dừng lại. Vì khó, cho nên đức Phật mới bảo mình tu tập "*tiết chế*". Thành tựu được pháp này vừa có lợi cho sức khỏe vừa loại trừ được tánh tham vị tế.

A. NGUYỄN VĂN ĐOẠN KINH (CUỐI)

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo chú tâm cảnh giác?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ban ngày trong khi đi kinh hành và ngồi, gột sạch tâm khỏi các triền cái, ban đêm trong canh một, trong khi đi kinh hành và ngồi, gột sạch tâm khỏi các triền cái, ban đêm trong canh giữa, nằm xuống như con sư tử về phía hông bên phải, hai chân gác lên nhau, chánh niệm tỉnh giác, tác ý tưởng thức dậy, ban đêm trong canh cuối, sau khi thức dậy trong khi đi kinh hành và ngồi, gột sạch tâm khỏi các triền cái. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chú tâm cảnh giác.

Thành tựu ba pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thực hành con đường không có lỗi lầm, và có những căn bản bằng phẳng để đoạn diệt các lậu hoặc. (hết trích)

B. TÌM HIỂU ĐOẠN KINH CUỐI:

- **Chú tâm cảnh giác:** Có sự chú ý thường xuyên để kịp thời phát hiện âm mưu hoặc hành động của người xấu. Thí dụ: Mình đi shopping trong mùa lễ, mình để ý quan sát xem có ai đi theo mình hay không? Đó là mình chú tâm cảnh

giác. Trong bài này “*chú tâm cảnh giác*” có nghĩa là luôn chú ý đến một “*đề mục tu tập*” không để tâm phóng dật dính mắc hết chuyện này sang chuyện khác.

- **Chánh niệm tỉnh giác:** Niệm là Sati hay Chánh niệm là sự nhớ, biết. Tỉnh giác là sự rõ biết, sáng suốt không mê muội. Chánh niệm tỉnh giác là biết rõ ràng đầy đủ diễn biến xảy ra bên trong thân hay ngoại cảnh ngay trong hiện tại mà tâm không dao động. Nói cách khác chánh niệm tỉnh giác là tâm luôn hiện diện ngay trong hiện tại bây giờ và ở đây.

- **Triền cái:** Là ngăn chia, che đậy, phủ kín, cản trở.

- **Các triền cái:** Có năm loại triền cái cản trở việc tu tập thiền Định và thiền Huệ. Đó là: Tham, Sân, Hôn trầm/Thụy miên, Trạo cử /Hối quá, và Nghi ngờ.

- **Canh:** Thông thường “canh” dùng gọi thời gian ban đêm. Người Trung Hoa chia một đêm thành 5 canh giờ. Mỗi canh giờ là hai tiếng. Canh một bắt đầu từ 19 giờ tức 7 giờ tối tới 9 giờ tối. Canh hai từ 9 giờ tối đến 11 giờ đêm. Canh ba từ 11 giờ đêm đến 1 giờ khuya. Canh tư từ 1 giờ khuya tới 3 giờ sáng. Canh năm từ 3 giờ khuya đến 5 giờ sáng. Ở Ấn Độ xưa, người ta chia canh thời gian thành 3 canh: Canh một hay canh đầu, canh giữa và canh cuối.

Ngày nay ở trong Chùa hay Tự viện, tùy theo nội quy, tăng ni áp dụng du di các canh giờ. Riêng Thiền viện Chân Như, canh một có thể hiểu từ 7 giờ đến 10 giờ tối; Tọa thiền, tự học. Canh giữa, từ 10 giờ đến 4 giờ khuya; Ngủ. Canh cuối từ 4 giờ đến 7 giờ: Thức chúng, tụng kinh lễ Phật Tổ, thiền hành, tọa thiền, tập khí công.

- **Tỳ-kheo ban ngày trong khi đi kinh hành và ngồi, gột sạch tâm khỏi các triền cái, ban đêm trong canh một, trong khi đi kinh hành và ngồi, gột sạch tâm khỏi các triền cái:** Ban ngày Tỳ-kheo đi thiền hành và ngồi tọa thiền, giữ chánh niệm. Trong kinh Phật dạy khi tâm yên lặng nằm thiền chi có mặt đó là Tâm, Tứ, Hỷ, Lạc, Nhứt tâm. Khi nằm thiền chi có mặt thì năm triền cái Tham, sân, hôn trầm (thụy miên), trạo cử (hối quá) và Nghi ngờ không thể có mặt.

- **... ban đêm trong canh giữa nằm xuống như con sư tử về phía hông bên phải, hai chân gác lên nhau, chánh niệm tỉnh giác, tác ý tưởng thức dậy:** Ngủ trong chánh niệm là cho phép thân nằm thoải mái thư giãn, nghỉ ngơi và tâm an trú trong sự an tịnh, không suy nghĩ, vọng tưởng, do đó có giấc ngủ sâu, ngon. Ngủ trong trường hợp này là để giúp cơ thể cân bằng sự ngủ-thức giúp thân tâm được khỏe mạnh tinh táo mà tu hành, chứ không phải đam mê ngủ, thích ngủ. Nằm ngủ với tâm chánh niệm trong tư thế cát tường nghiêng về bên hông phải, khi ngủ dậy là khởi thân dậy dứt khoát, không dật dựa... Trước khi ngủ, người tu đạo “*tác ý tưởng thức dậy*”. Khi tác ý trước khi ngủ, lúc thức dậy thân và tâm tinh táo, chứ không kèn cựa, nằm “*nướng qua nướng lại*” để rồi lại ngủ tiếp!

- **... ban đêm trong canh cuối, sau khi thức dậy, trong khi đi kinh hành và ngồi, gột sạch tâm khỏi các triền cái. Như vậy, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo chú tâm tỉnh giác:** Ban đêm trong canh cuối, sau khi thức dậy, Tỳ-kheo đi kinh hành và tọa thiền giữ chánh niệm tỉnh giác,



tâm tinh táo không dao động. Như vậy vị Tỳ-kheo ấy đang thực hành pháp “*chú tâm tỉnh giác*”.

- **Thành tựu ba pháp này, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo thực hành con đường không có lầm lỗi và có những căn bản thẳng tắn để đoạn diệt các lậu hoặc:**

- **Con đường:** Con đường ở đây ám chỉ các pháp tu do Phật dạy.

- **Con đường không có lầm lỗi:** Ám chỉ ba pháp tu: Thu thúc lục căn; Tiết chế ăn uống (thu thúc thiết căn); Chú tâm cảnh giác. Đây là ba pháp tu căn bản giúp hành giả thăng tiến trên con đường tu tập đoạn trừ các lậu hoặc.

- **Lậu hoặc:** “*Lậu*” nghĩa đen là những chất mù ri chảy từ bên trong vỏ cây. “*Hoặc*” là ổ uế, ô nhiễm. Trong Phật học, từ “*lậu hoặc*” được phân loại làm bốn. Đó là dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu và kiến lậu, ám chỉ những phiền não, khổ đau do tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến... gây nên. Những thứ ô nhiễm này phát xuất từ sáu căn và luân tập trong tâm của người chưa biết tu, lâu ngày tạo thành nghiệp. Tạo nghiệp thì trước hay sau gì cũng phải trả nghiệp. Trong kinh có ghi trong tầng thiền thứ tư, đức Phật chứng ngộ ba minh. Minh thứ nhất là Túc Mạng Minh, minh thứ hai là Thiên Nhân Minh, minh thứ ba là Lậu Tận Minh tức là trí tuệ hiểu biết về luân hồi sinh tử là do Lậu hoặc gây nên.

Câu cuối của đoạn kinh này, Đức Phật xác định rằng Tỳ-kheo nào thành tựu ba pháp: “*Hộ Trì Các Căn; Tiết Độ Ăn Uống và Chú Tâm Cảnh Giác*” thì vị ấy đang thực hành “*con đường không có lầm lỗi*”.

“*Con đường không có lầm lỗi*” chính là nền tảng căn bản giúp hành giả thăng tiến (thẳng tắn) trên con đường tu tập đoạn diệt các lậu hoặc.

III. KẾT LUẬN

Học kinh, chúng ta biết rằng đức Phật thuyết pháp giảng dạy tùy theo căn cơ của chúng sanh. Cho nên các bài pháp của Ngài mỗi nơi mỗi khác, có khi Ngài giảng các pháp thuộc tục đế, có khi Ngài giới thiệu các pháp trừu tượng đi thẳng vào các Tánh. Có những bài pháp dài, cũng có những bài pháp ngắn, có khi bài pháp chỉ là sự yên lặng không nói lời nào như trong tích “*Niệm Hoa Vi Tiếu*”. Nhưng chung quy cũng hướng tới thoát khổ, giác ngộ, giải thoát.

Về bài kinh “*Con Đường Không Có Lầm Lỗi*”

gồm ba pháp: Thu thúc lục căn, Tiết độ ăn uống và Chú tâm cảnh giác là những pháp căn bản đức Phật hướng dẫn những Tỷ-kheo còn sơ cơ thực hành nhằm tiến tới việc loại trừ các ác pháp: Tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến gọi chung là lậu hoặc.

Cả ba pháp này nhằm huấn luyện tâm hành giả an trú trong Tánh giác.

Thu thúc lục căn là huấn luyện cho 6 căn cửa tâm này yên lặng, vững chãi, không để sự suy nghĩ, phân biệt, so sánh tác động vào tâm xúc cảm khiến hành giả ưa thích hay ghét bỏ. Đó là nguyên nhân đưa đến tâm tham ưu, các ác bất thiện pháp khởi sinh gọi chung là lậu hoặc.

Tiết độ ăn uống là tu tập thu thúc thiết căn (vị giác), loại trừ tánh tham ăn, diệt trừ cảm thọ cũ (ngon, dở) và không khởi lên những cảm thọ mới, giúp tâm yên lặng, cũng là pháp loại bỏ các lậu hoặc (tham, sân, si).

Chú tâm cảnh giác là pháp tu tập để tâm không trạo cử, phóng dật, có chánh niệm tỉnh giác, biết rõ trải nghiệm của thân tâm ngay bây giờ và ở đây thì ngay lúc đó tâm cũng an trú trong Tánh giác.

Ngày nay, học kinh Phật, chúng ta biết con đường tu không phải dừng ở ba pháp này, nhưng ba pháp này là ba chìa khóa nền tảng giúp chúng ta mở cánh cửa bước vào ngôi nhà Chân tâm (Tánh giác). Nếu thành tựu ba pháp này thì con đường tu tập của chúng ta tự dưng sẽ tiến xa hơn. Vì khi an trú được trong Tánh giác rồi thì trí tuệ sẽ dần phát huy. Như chiếc xe một số, cứ thế mà tiến thẳng đi đến giác ngộ, giải thoát.

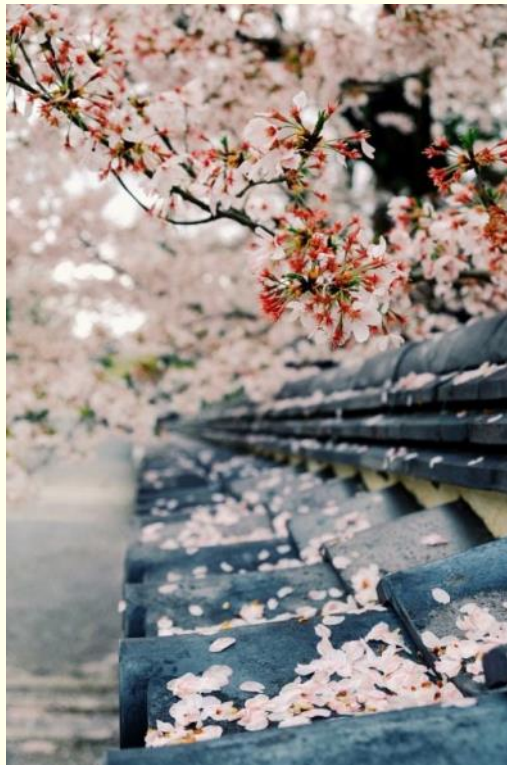
THÍCH NỮ HẰNG NHƯ
Thiền thất Chân Tâm, 01/01/2022

Tài liệu:

- Tăng Chi Bộ Kinh (Anguttara Nikāya): Chương Ba Pháp; Phẩm "Người Đón Xe". HT. Thích Minh Châu dịch sang tiếng Việt.

- Trung Bộ Kinh (Majjhima Nikāya): Kinh số 131 "Nhất Dạ Hiền Giả" (Bhaddekaratta sutta) – HT. Thích Minh Châu chuyển dịch từ tiếng Pàli sang tiếng Việt.

- E-book "Ứng Dụng Lời Phật Dạy", chương 9 "Tìm Hiểu Đại Kinh Xóm Ngựa" (www.thuvienhoasen.org), tác giả Thích Nữ Hằng Như. Sách in "Ứng Dụng Lời Phật Dạy", Ananda Viet Foundation xuất bản; Amazon tổng phát hành.



TẾT VÀNG MẸ

*Con đón giao thừa lòng dưng dưng
Chùa bên chuông trống trời trầm hùng
Không gian lãnh đặng hương vờn gió
Năm mới chùng như bước ngập ngừng*

*Trước ngõ mai vàng trở sắc tươi
Lung linh di ảnh nét Mẹ cười
Ngày xuân tháng Tết bao năm cũ
Kỷ niệm về Mẹ thêm ngậm ngùi*

*Thoáng nhớ ngày xanh Mẹ dắt tay
Áo hoa xúng xính Tết vui đầy
Năm nay hoa giáp con tròn tuổi
Lạc lũng sân chùa ai níu tay*

*Đốt nén nhang này gợi cõi xa
Lâng lâng sợi khói dần tan ra
Non ngàn nước biếc thênh thang ấy
Có dáng khoan thai của mẹ ta.*

thơ TÔN NỮ THANH YÊN

ĂN UỐNG TRONG DỊP TẾT NGUYÊN ĐÁN

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

Y KHOA PHỔ THÔNG



Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

Tết là thời gian đón mừng một năm mới và cũng là thời gian mà mọi người thăm viếng gặp gỡ để chúc nhau một mùa Xuân vạn hạnh, sức khỏe dồi dào. Đây cũng là thời gian mà bà con mình tham gia các lễ hội cúng bái xa gần. Mà gặp gỡ nhau là có chuyện ăn uống, dù linh đình hoặc đạm bạc.

Những món ăn thuần túy quê hương thanh đạm được dọn ra, sánh vai cùng những món ăn Âu Mỹ nhiều dinh dưỡng đẹp mắt.

Nhưng trong ăn uống cũng có nhiều điều cần lưu ý.

Món ăn có thể là những miếng bánh chưng, chả lụa, miếng mứt bày sẵn trên bàn mỗi khi tối nhà nhau cùng ăn để chúc Tết mừng Xuân. Rồi đến tiệc tùng linh đình tại nhà hàng tửu quán khách khứa ra vào tấp nập.

Hoặc bát bún riêu, đĩa bánh cuốn Thanh Trì, khúc bánh mì bán rong nơi bến phà bến xe ăn vội trong khi di chuyển đón Tết tại quê nhà, nơi Lễ hội. Ăn uống như vậy nhiều khi cũng hơi xô bồ, vội vàng, thực phẩm chưa kịp nấu chín hoặc cất giữ trong điều kiện không an toàn. Và đó là điều có thể gây ra ngộ độc thực phẩm, đặc biệt đối với giới cao niên, khả năng tiêu hóa hơi khó khăn và sức đề kháng cơ thể cũng có phần giảm thiểu.

Ngộ độc thực phẩm có thể là do hóa chất độc hại, nhưng thông thường nhất vẫn là do các vi sinh vật sống lẫn quanh ta. Chúng chỉ chờ cơ hội là xâm nhập cơ thể con người cũng như xâm lấn vào thực phẩm. Đặc biệt là thực phẩm tươi bày bán ở ngoài chợ bụi bặm ruồi bu, khi mua về lại để ngoài nhà bếp nóng ẩm. Lại còn thực phẩm đã nấu mà không cất giữ cẩn thận, thực phẩm làm sẵn

như bánh chưng, bánh cuốn, chả rán, mắm tôm mắm tép để lâu ngày mốc meo, hư hỏng.

Lại còn vi khuẩn do bàn tay dơ bẩn của người phục vụ, nhân viên nhà bếp, từ nồi niêu soong chảo, dao thớt chưa kịp rửa... Và cũng từ bàn tay của chúng ta nữa chứ.

Một món ăn chưa kịp nấu chín, mấy món ăn để khơi khơi ngoài không khí không che đậy, những miếng bánh chưng ăn dở bày trên bàn trong khí hậu ẩm ướt của miền Bắc hoặc nhiệt độ cao của miền Nam là những món ăn bổ béo cho vi sinh vật, mốc meo nấm dại. Mà nếu chúng ta lại ăn vào, thì ôi thôi chắc là chẳng Tào Tháo Đuổi thì cũng Thượng Thố hạ Tả liên hồi.

Vậy thì phải làm sao bây giờ. Chẳng lẽ lại không ăn.

Thực ra cũng chẳng khó gì đâu, thưa quý vị.

Chúng ta chỉ cần nhớ lại kinh nghiệm người xưa là "Bệnh tùng khẩu nhập", hoặc những nhắc nhở "Ăn ba phần đói, bảy phần no" để chọn lựa món ăn an toàn mà đưa vào miệng. Đặc biệt là với lớp người có tuổi, lao động thể chất không nhiều như thợ thanh niên trai tráng, cho nên bữa ăn có thể giảm đi phần số lượng nhưng vẫn đầy đủ các chất dinh dưỡng.

- Ăn vừa đủ với nhu cầu, ăn làm nhiều bữa nhỏ cho nhẹ dạ dễ tiêu.

- Chọn lựa món ăn nhiều rau trái có nhiều chất xơ, cho đại tiện dễ dàng, tránh cảnh ngồi lâu cả giờ nhặn mặt đi cầu.

- Để "Phòng bệnh hơn chữa bệnh" vợ chồng con cái ta cùng nhau áp dụng một số biện pháp phòng ngừa ngộ độc thực phẩm căn bản như sau đây:

- Nấu chín các món ăn nhất là gà, cá, thịt, để tiêu diệt vi khuẩn.

- Đừng để thực phẩm tươi như thịt cá lẫn với nhau vì vi khuẩn có thể từ món này chạy sang món kia.

- Cũng không để chung thực phẩm đã nấu với thực phẩm chưa chế biến.

- Cất giữ thực phẩm nơi mát, không quá nóng, quá ẩm ướt.

- Rửa dao thớt sau mỗi lần cắt thái thực phẩm sống để tránh lưu nhiễm vi khuẩn

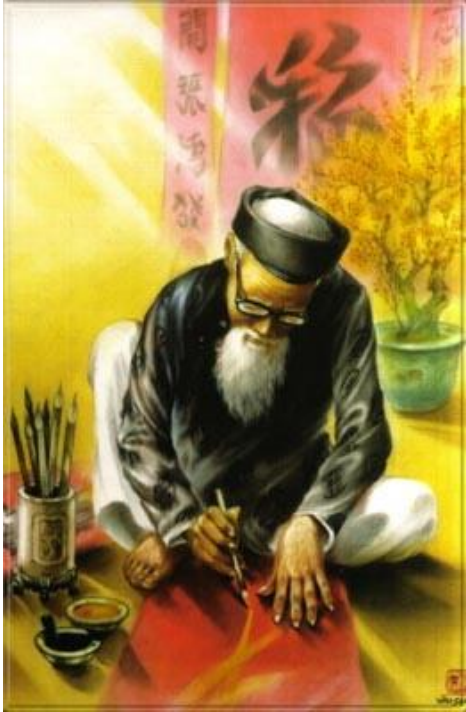
- Thực phẩm đã nấu mà chưa ăn cần được che đậy kín để tránh ruồi bu mang bệnh tới hoặc tránh bụi bặm bay vào.

- Rửa sạch hoặc bóc vỏ trái cây trước khi ăn.

- Uống nước đã đun sôi, khử trùng.

- Đừng tiếc rẻ mà vứt bỏ ngay các món ăn nghi là đã hư hao nhiễm khuẩn.





- Rửa tay bằng xà bông trước và sau khi làm bếp, trước khi ăn, sau khi dùng nhà vệ sinh. Đây là một hành động rất giản dị, không tốn kém nhưng lại hữu hiệu để phòng tránh lây lan bệnh nhiễm đầy các bác ạ.

Đặc biệt là không nên ăn các loại trái cây không đúng mùa, nhập từ các nước lân bang, nom tươi đẹp bề ngoài nhưng bề trong thì đầy những hóa chất *bảo quản* độc hại.

Với quý vị có các bệnh kinh niên lại càng cần lưu ý tới mấy món ăn truyền thống ngày Tết.

- Thịt mỡ dưa hành, cà muối xối là nhiều chất béo, nhiều muối mà nếu tiêu thụ nhiều thì huyết áp lên cao, mập phì cũng dễ.

- Với người bị viêm gan suy thận tuyệt đối không uống rượu, dù là *rượu nội rượu ngoại, rượu quốc lủi*, rượu ngâm lộc hươu, cao hổ cốt hoặc sâm nhưng bổ thận. Nếu cứ tiếp tục "chén chú chén anh", dô dô cạ ly cạ hũ thì gan sẽ chẳng mấy chốc mà suy yếu, đưa tới nguy cơ xơ cứng, ung thư gan. Ấy là chưa kể tai nạn xe cộ, gây thương tích tử vong...

- Đang bị tiểu đường thì nên giới hạn tiêu thụ chè xanh, đậu đỏ, bánh ngọt, bánh lam, nước ngọt có hơi.

Ngày Tết mà nói chuyện đau bệnh thì cũng là điều cũng chẳng nên. Nhưng nhắc lại để mà có cái Tết vui vẻ với gia đình con cháu, thì cũng là điều cần làm phải không thưa quý vị độc giả.

Bác Sĩ Nguyễn Ý Đức

TÂN XUÂN NGÒI SÁNG

*Thăm thì gió gọi Xuân sang
Bên hiên nở đoá mai vàng thắm tươi
Tình Xuân ấm áp muôn nơi
Ban mai toả ánh nắng ngời long lanh
Chuông Chùa ngân khúc mộng lành
Đỉnh trầm hương quyện lòng thành khẩn dâng
Mắt Ngài đôi xuống dương trần
Từ bi tịnh độ muôn phần phúc ân
Năm qua cơ cực, gian truân
Lệ vương Nam, Bắc muôn dân thâm sầu
Dịch gây bao nỗi thương đau
Đồng quê, phố thị chẳng đâu yên bình
Nguyện xin Phật độ chúng sinh
An vui năm mới, thắm tình quê hương
Cứu nạn, cứu khổ muôn phương
Nhà nhà hạnh phúc, yêu thương xum vầy
Tân Xuân ngời sáng ngát ngày
Từ miền Cực Lạc về đây bên đời
Đón Xuân hoan hỉ tiếng cười
Qua bao gian khổ, lòng người thanh thoi.*

XUÂN VÔ THƯỜNG

SANH

*Xuân đến muôn hoa nở thắm tươi
Khai Xuân rộn rã tiếng vui cười
Cây đơm lộc nõn uơm xanh lá
Chập chững bướm non cánh lá lơ*

LÃO

*Xuân đến, Xuân đi phút thành thoi
Lá hoa mưa nắng nhuộm sương trời
Nhân loài năm tháng trăm dâu bể
Tóc ngả màu mây nhuộm Xuân vui*

BỆNH

*Sáng qua hoa còn thoảng vẫn vương
Vườn Xuân e ấp, thắm môi hương
Sớm nay sương buốt, màu hoa úa
Cánh mỏng lơ rơi rã rụng hương*

TỬ

*Xuân đến, Xuân đi tựa áng mây
Vô thường biến đổi thoảng từng giây
Ngàn năm vũ trụ vẫn luân chuyển
Sanh, Lão, Bệnh, Tử vốn kiếp này.*

thơ **NHẬT QUANG**

CANH BỔ DƯỠNG



1. Nguyên liệu:

Mỗi thứ một ít những nguyên liệu dưới đây:

- Hạt sen, tách bỏ tim sen, ngâm mềm
- Củ sắn dây tươi, gọt vỏ, xắt mỏng cho lẹ chín,
- Táo đỏ
- Táo đen
- Kỳ tử
- Hạt bo bo, ngâm mềm

Rong biển

Gia vị: muối, dầu mè dưỡng sinh và nước tương Tamari dưỡng sinh

2. Thực hiện:

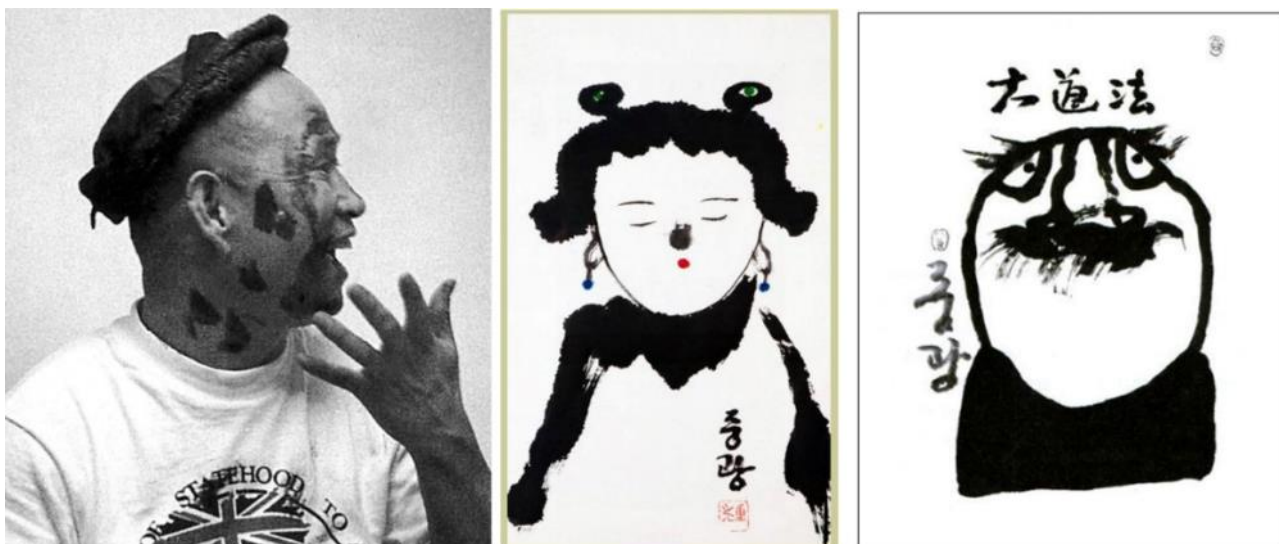
Cho hết tất cả các nguyên liệu trên vào nấu nửa tiếng với lửa nhỏ, khi chín mềm, nêm gia vị vào là canh có vị ngọt rất thanh và mát, ăn rất bổ cho sức khỏe...

(G. Phượng – Món chay thanh tịnh)

Nhà sư Jung-kwang: một họa sĩ độc đáo

NGUYỄN GIÁC

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



Nhà sư Jung-kwang (trái), bé gái ngồi thiền (giữa), và Bồ Đề Đạt Ma (phải)

Ông là một nhà sư dị thường, và cũng là một họa sĩ dị thường. Giới văn nghệ sĩ Hàn quốc gọi Jung-kwang -- cũng được phiên âm theo cách đọc là Junggwang (1935–2003) --- vì kiểu cách dị thường, là một nhà sư khùng, hay nhà sư điên.

Một sách tiếng Anh của nhà sư này cũng tự gọi là "the mad monk" --- dù vậy, các họa phẩm của nhà sư từ lâu đã được các hãng đấu giá và nhiều bảo tàng viện ưa chuộng.

Jung-kwang sinh ngày 5 tháng 3/1935 với tên khai sanh là Go Chang-ryul, tại đảo Jeju Island, đảo lớn nhất của Hàn quốc, nơi thường được quốc tế gọi là "South Korea's Hawaii" (Hawaii của Nam Hàn) – mệnh danh là thiên đường đảo quốc, nơi thu hút du khách quốc tế. Họa sĩ Jung-kwang từ trần ngày 5 tháng 1/2003, trụ thế 68 tuổi, an táng tại tỉnh South Gyeongsang.

Jung-kwang nổi tiếng về các họa phẩm có nét vẽ khác thường. Ông có một đời sống rất nghệ sĩ, như đường cửa Thiền là nơi ông chỉ ghé tạm thôi. Jung-kwang xuất gia từ năm 25 tuổi, rồi bị dòng tu trục xuất năm 1979, tức là có 19 năm trong tu viện.

Vào mùa thu năm 1977, Giáo sư Lewis Lancaster của Đại học University of California cùng đi với nhà sư họa sĩ Jung-kwang du hành qua nhiều nơi tại Hàn quốc, từ đó một cuốn sách dựa theo chuyến đi này đã được xuất bản. Tác phẩm đó có tên là "The Mad Monk: Paintings Of Unlimited Action" (Nhà Sư Khùng: Họa Phẩm của Hành Động Vô Hạn) của tác giả Jung-Kwang, với Lời Giới Thiệu của GS Lewis R. Lancaster, xuất bản năm 1979.



Tranh của Jung Kwang: 2 tranh về Đức Phật, và 2 tranh về phố thị.

Nhà sư được mời sang Hoa Kỳ triển lãm nhiều lần. Năm 1979, sư Jung-kwang biểu diễn vẽ trước một lớp học về hội họa trong 1 trường trung học Hoa Kỳ, hoàn tất 1 bức tranh trong chớp nhoáng, như lời kể giai thoại này là ông vẽ chỉ trong vài giây đồng hồ. Dĩ nhiên, "vài giây" chỉ là một kiểu nói, vì cầm cọ lên cũng mất vài giây rồi. Nghĩa là, vẽ nhanh.

Năm 1980, Jung-kwang được mời tới thuyết trình tại các đại học University of California at Berkeley và Stanford University.

Các họa phẩm của Jung-kwang được nhiều bảo tàng viện mua sưu tập, trong đó có bảo tàng Asian Art Museum tại San Francisco, phòng triển lãm Asia Society Gallery của hội Rockefeller Foundation tại New York, bảo tàng Anh quốc The British Museum.

Năm 1983, một tác phẩm tiếng Anh của sư được xuất bản với nhan đề "The Dirty Mop:

Unlimited Action Paintings And Poems" (Giẻ Lau Bản: Hội Họa Và Thi Ca Của Hành Động Vô Hạn).

Nhà nghiên cứu về tôn giáo Vincent Biondo giải thích khi viết tác phẩm "Religion and Everyday Life and Culture" (Tôn Giáo và Đời Sống Hàng Ngày và Văn Hóa) rằng nhà sư Jung-kwang "tự mô tả chính ông là một "giẻ lau sàn nhà của Phật Giáo" và giẻ lau này tự làm bản nó nhưng đã làm cho mọi thứ nó chạm tới trở nên sạch bóng.

Tự làm bản mình để làm cho thế giới sạch hơn? Chính nhà sư Jung-kwang đã tự gọi như thế trong vài bài thơ. Nhưng lẽ nào các nhà sư lại tự xem mình là như hình ảnh cây giẻ chùi sàn nhà? Do vậy, cộng đồng các nhà sư không hài lòng. Thêm nữa, nhà sư họa sĩ này lại uống rượu makkeolli, một loại rượu truyền thống làm từ gạo. Và thêm nữa, nhà sư này cũng hút thuốc lá. Đó là lý do vị họa sĩ tăng sĩ này phải rời cửa Thiền năm 1979.

Họa sĩ Jung-kwang từ trần một ngày sau sinh nhật thứ 68. Sức khỏe của ông đã suy yếu trong khoảng 5 năm trước khi lia đời. Ông được hỏa thiêu ở thị trấn Yangsan, tỉnh South Gyeongsang, Nam Hàn.



Bên trái là chân dung Bồ Đề Đạt Ma do Jung-kwang vẽ trình diễn trong 1 lớp hội họa ở trường trung học Berkeley High School (Bắc California, USA) năm 1979. Bên phải là tranh "Untitled" (Không đề) của ông.

Báo Korea Herald trong bài viết nhan đề "How a 'mad monk' captured Zen" (Làm thế nào một nhà sư khùng đã nắm được Thiền) trong ấn bản ngày 7/8/2011, kể rằng nếu ông không phải một nhà sư, người ta có thể nhầm ông với một người khùng.

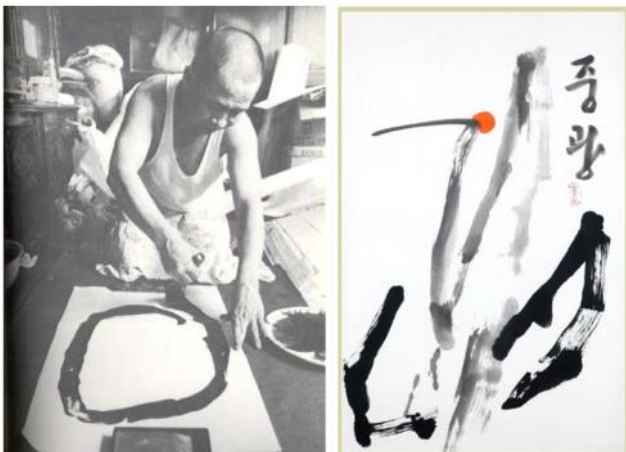
Jung Kwang là pháp danh sau khi Go Chang-ryul xuất gia và trở thành một nhà sư tại tu viện Tongdo Temple ở thị trấn Yangsan City, tỉnh South Gyeongsang.

Theo báo Korea Herald, Giáo sư Lewis R. Lancaster, Giám đốc viện nghiên cứu Institute of East Asian Studies tại đại học Berkeley University, đã gọi nhà sư Jung Kwang là "the Picasso of Korea" (họa sĩ Picasso của Nam Hàn) khi giới thiệu họa sĩ nhà sư này với thế giới phương Tây.

Các nhà nghiên cứu hội họa Hàn quốc có cách gọi lịch sự hơn, tránh cách gọi "nhà sư khùng" hay "nhà sư giẻ lau bản," và cũng tránh cách gọi "họa sĩ Picasso của Hàn quốc" vì cũng có tự hào dân tộc, chẳng cần dựa vào bất kỳ ai ở ngoài. Khi tưởng niệm 10 năm họa sĩ Jung Kwang từ trần, trung tâm Seoul Arts Center tại thị trấn Seocho-dong, ở phía nam thủ đô Seoul, tổ chức cuộc triển lãm có tên là

"Jung Kwang: The Way of Wandering Monks" (Jung Kwang: Lối đi của các nhà sư lang thang). Nhà sư lang thang? Có lẽ, đây là cách dùng chữ rất nhã, chỉ có ý nói các nhà sư đã lang thang ra khỏi cửa nhà chùa. Trong cuộc triển lãm tưởng niệm, có khoảng 150 tác phẩm thư pháp, có một số các tác phẩm gồm làm bằng loại đất sét terra-cotta, phóng ảnh các bài thơ viết tay, ảnh và phim...

Hầu hết các tác phẩm của ông triển lãm là sau khi cởi áo nhà sư để ra đời. Các tác phẩm nghệ thuật của ông thuộc nhiều lĩnh vực và thể loại sáng tác khác nhau. Vẽ, làm thơ, làm đồ gốm... và uống rượu, hút thuốc lá. Nhưng phong thái hội họa của Jung Kwang hiển nhiên là có dấu ấn Thiền học trong nét vẽ.



Trái: nhà sư họa sĩ Jung-kwang; phải: họa phẩm Hạc Thiền (Zen Crane)

Tuy nhà chùa không phải là nơi thích nghi với ông, họa sĩ Jung Kwang được chính quyền đảo Jeju nhìn ông như một tự hào về văn hóa. Chính quyền Jeju đã tìm cách mua lại nhiều tranh của Jung Kwang, tính ra viện bảo tàng của Jeju đã sưu tập được 432 họa phẩm của ông, trong đó có vài tấm ảnh được ghi là "thô tục" - nghĩa là, không thanh nhã như hầu hết các tranh Thiền của ông. Trong bộ sưu tập đó, có nhiều tấm tranh được người sưu tập tặng lại cho chính quyền đảo Jeju, khi chính quyền cho biết sẽ lập một bảo tàng viện cho nhà sư họa sĩ Jung Kwang tại ngôi làng nghệ sĩ Artists' Village tại thị trấn Hangyeong, một nơi ở đầu phía tây đảo Jeju.



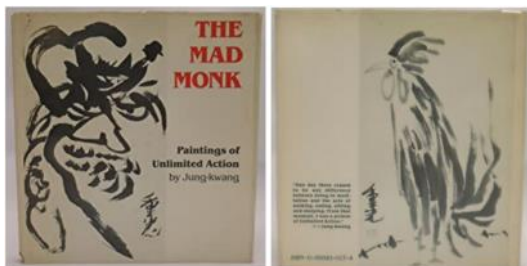
Hình trái là Jung Kwang tự họa, hình phải có nhan đề là Ngựa.

Trong một buổi được giới thiệu các họa phẩm với tổ chức British Royal Asiatic Society năm 1977, nhà sư Jung Kwang (lúc đó, còn là nhà sư) đã đọc bài thơ của sư:

*"Nửa như là điên, nửa như không
Đó là đời sống
Ba Cõi Trời bể vụn ra
Và tôi đơn độc chơn thực
Nhảy múa trôi nổi
Tôi là cây giẻ chùi nhà."*

Bản Anh dịch: "Half as if mad, half as if not./ That is life./ The Three Heavens crumble to pieces./ And I in true solitude./ Dance floating./ I am a mop."

Từ đó trở đi, người dân Hàn quốc gọi sư Jung Kwang là "Reverend Mop" (Đại Đức Giẻ Lau Sàn Nhà). Đó là tiếng gọi thân mật, không hàm ý xấu.



Bìa tác phẩm "The Mad Monk: Paintings Of Unlimited Action"

Dù vậy, cách sống của nhà sư Jung Kwang càng lúc càng khó thích ứng với tu viện. Một điển hình là, một lần vào năm 1979, nhà sư này tự làm lễ cúng giỗ gia tiên cho chính ông, trong khi ông vẫn còn đang sống tinh tảo. Những chuyện như thế làm cho Dòng Lâm Tế (Buddhist Chogye Order) từ từ lạnh nhạt với ông. Nhiều năm về sau, các pháp hữu năm xưa trong Dòng này mời ông vào tu trở lại, nhưng ông từ chối, nói là ông ưa thích sống cuộc đời lang thang.

Và vì là một nghệ sĩ kỳ dị, cho nên những người bạn nghệ sĩ giao du với ông cũng kỳ dị. Một giai thoại kể rằng, họa sĩ Jang Wook-jin từng nói với Jung Kwang rằng trang phục của ông "khá là tuyệt vời cho một nhà sư."

Nghe thế, nhà sư Jung Kwang liền trả lời về tài năng vẽ nhanh của sư: "Tôi có thể sáng tạo một bức tranh ngay cả nếu tôi quăng cây cọ bất cứ hướng nào." Hiển nhiên, đó không phải ngôn phong của tu sĩ.

Tuy là bệnh trong vài năm cuối đời, nhà sư Jung Kwang đã từ trần trong một giấc ngủ bình an. Thi thể được hỏa thiêu ở chùa Tongdosa, thị trấn Yangsan, tỉnh South Gyeongsang.

NGƯỜI ĐI HẢI LỘC

*Xanh non chồi lá biếc
Mầm xuân chọt khê khàng
Luống cải trồng trước ngõ
Lung linh sắc hoa vàng.
Em lên chùa hải lộc
Hương xuân dậy đất trời
Xôn xao trên dốc nắng
Bầy én dẹt mùa vui.*

*Đón chào ngày xuân mới
Sắc lá ngời thanh tân
Chậm chậm người đôi bước
Nôn nao gót hài xanh.*

*Em lên chùa hải lộc
Thơm ngát mùi hương trầm
Nghe hồi chuông đánh lễ
Đón giao thừa sang năm.*

*Thơm hoa đào ngày tết
Ai làm má em hồng
Áo lụa bay trong gió
Có biếc nụ tầm xuân?*

MAN MÁC MIỀN XUÂN

*Cúc tần xanh ngọn ngoài sân
Chiều ba mươi tết nắng hanh đợi người
Khát khao mong một tiếng cười
"Chó con" có nhớ mấy lời mắng chửi?*

*Cội mai mẹ lật từ rằm
Khẳng khiu bung nụ giờ thắm trở bông
Chọn từng chiếc một lá dong
Mẹ khơi bếp lửa thổi hồng ban mai.*

*Đất trời thêm một niềm vui
Chạp giêng nhớ quá những ngày xa xưa
Râm ran tiếng pháo giao thừa
Nhang trầm khói tỏa đêm vừa qua năm.*

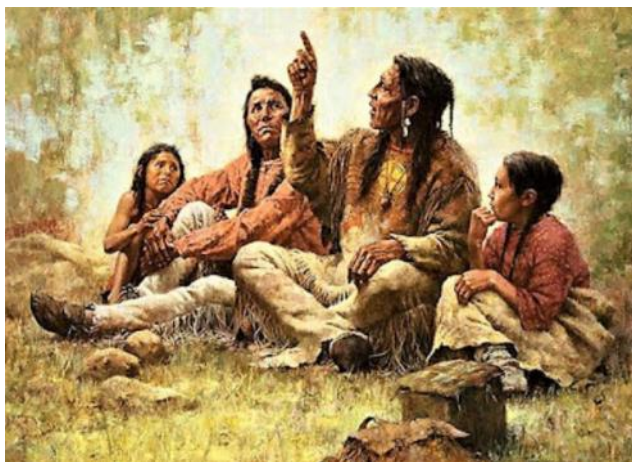
*Hoa vàng thơm ngát miền xuân
Hồn quê – xác phố bao năm mỗi mồn
Yêu thương giữ mãi trong hồn
Năm sau lá biếc lộc non – tôi về.*

thơ TÔN NỮ MỸ HẠNH

GIỚI THIỆU VĂN HỌC CỦA NGƯỜI MỸ BẢN XỨ

Huyền Kim Quang

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



Văn học của người Mỹ Bản Xứ bắt đầu bằng nền văn học truyền khẩu. (nguồn: <https://ournativeamericans.blogspot.com>)

Vào ngày 3 tháng 8 năm 1990, Tổng Thống Hoa Kỳ George H. W. Bush đã tuyên bố tháng 11 là Tháng Di Sản Người Mỹ Da Đỏ Toàn Quốc, mà sau này thường gọi là Tháng Di Sản Người Mỹ Bản Xứ, theo www.en.wikipedia.org cho biết. Trong số những di sản quý giá của người Mỹ Bản Xứ là các tác phẩm văn học của họ.

Văn học của người Mỹ Bản Xứ gồm văn học truyền khẩu và văn học chữ viết được sáng tác bởi những người Mỹ Bản Xứ ở trên vùng đất mà hiện nay là Hoa Kỳ -- khác với những nhà văn First Nations tại Canada – từ thời trước Columbia cho đến ngày nay, theo www.en.wikipedia.org. Những tác giả nổi tiếng của người Mỹ Bản Xứ gồm N. Scott Momaday, Leslie Marmon Silko, Simon Ortiz, Louise Erdrich, Gerald Vizenor, Joy Harjo, Sherman Alexie, D'Arcy McNickle, James Welch, Charles Eastman, Mourning Dove, Zitkala-Sa, John Rollin Ridge, Lynn Riggs, Diane Glancy, Hanay Geigamamah, William Apess, Samson Occom, v.v...

Điều quan trọng là đây không chỉ là một nền văn học mà còn là nhiều nền văn học, bởi vì mỗi bộ lạc đều có truyền thống văn hóa riêng của họ. Kể từ thập niên 1960s, nó cũng đã trở thành một lãnh vực quan trọng của nghiên cứu văn học, với các tạp chí học thuật, các phân ngành, và các hội nghị dành cho chủ đề này.

Văn học truyền khẩu của người Mỹ Bản Xứ

Văn học người Mỹ Bản Xứ xuất hiện phong phú trong văn học truyền khẩu từ trước khi tiếp xúc với người Châu Âu và/hay sau khi áp dụng

theo cách viết của người Châu Âu. Văn học truyền khẩu của người Mỹ Bản Xứ ngoài việc kể chuyện, cũng còn ca nhạc, tụng niệm, và thơ dùng cho các buổi lễ. Nhiều trong số những câu chuyện và ca nhạc này được những nhà nhân chủng học da trắng sao chép lại, nhưng thường mâu thuẫn đáng kể với các bộ lạc và thường bị hiểu sai hay dịch sai nghiêm trọng.

Richard J. Chacon và Rubén G. Mendoza trong phần "Giới Thiệu" tác phẩm nghiên cứu "The Ethics of Anthropology and Amerindian Research: Reporting on Environmental Degradation and Warfare" [Đạo Đức Của Nhân Chủng Học và Nghiên Cứu Về Người Mỹ Da Đỏ: Phúc Trình Về Sự Suy Thoái Môi Trường Và Chiến Tranh], được phổ biến vào năm 2011, đã viết rằng:

"Trong nỗi thống khổ của cuộc tấn công của thực dân, các nhà nhân chủng thường không nhận thức hay nhận thức ngược lại giá trị lịch sử và văn hóa và sự phong phú của các truyền thống khẩu truyền của người Mỹ Da Đỏ và do đó đã bác bỏ chúng xem như huyền thoại hay như những điều viển vông vô ích của những đầu óc sơ khai. Những người khác thì đã được chúng tôi có tội, do cố ý hay coi thường, hoặc gieo rắc kiến thức bí mật và linh thiêng hay các nghi lễ truyền thống mà không có sự đồng thuận hay xem xét của bộ lạc."

Văn học truyền khẩu của người Mỹ Da Đỏ ở Bình Nguyên gồm các cách diễn đạt văn học từ các nền văn hóa khác biệt như bộ lạc Blackfeet ở miền bắc Montana là từ bộ lạc Kiowa ở Bình Nguyên Miền Nam. Cho đến nay, các tự truyện bao gồm phần lớn những tài liệu văn học bằng chữ viết. Trong thời gian cuối thế kỷ thứ 19 và đầu thế kỷ thứ 20, các nhà học thuật hầu hết là các nhà nhân chủng học và các sử gia đã đưa ra ý tưởng rằng lời khai hay các câu chuyện về cuộc đời của người Bản Xứ cần được bảo vệ. Nhiều người tin rằng những người Mỹ Bản Xứ đã biến mất cùng với các ngôn ngữ và lịch sử của họ. Nhiều nỗ lực lớn cần được thực hiện để bảo vệ lịch sử văn hóa và các nền văn học thành văn. Trong khi nhiều người Mỹ Bản Xứ đã viết các tự truyện của họ trong thời kỳ này, càng có nhiều câu chuyện về cuộc đời của họ được ghi lại như là những tự truyện "như đã kể" bởi các nhà nhân chủng học, các nhà dân tộc học. Các câu chuyện cuộc đời người Da Đỏ Plains, đặc biệt những câu chuyện của những chiến sĩ và tù trưởng, rất phong phú đến mức chúng đã trở thành một thể loại của chính nó.

Cuốn sách "Black Elk Speaks" của nhà thơ và nhà văn John G. Neihardt viết vào năm 1932 có lẽ là bộ truyện "như đã kể" nổi tiếng nhất, là bản văn "được kể qua" John G. Neihardt. Bởi vì nhà thơ Neihardt đã rất thích thú trong việc có được câu

chuyện của Black Elk cho tập thơ của ông về Miền Tây Nước Mỹ, mà ông đã lược bỏ những khía cạnh của cuộc đời của Black Elk không thích hợp các mục tiêu về thơ của chính ông. Trong nghiên cứu của ông về "Black Elk Speaks," có tựa đề "The Sixth Grandfather" [Ông Nội Thứ Sáu], Raymond EdMallis trình bày các bản ghi chép của nhiều cuộc phỏng vấn ban đầu với Black Elk, giúp chúng ta có thể nghiên cứu cuộc đời của Black Elk và việc tạo ra văn bản của tác phẩm nổi tiếng đó. Các tự truyện của bộ lạc Plains như đã kể nổi tiếng khác gồm Pretty Shield: Medicine Woman of the Crows và Plenty-Coups: Chief of the Crows (cả hai đều được kể bởi Frank B. Linderman vào năm 1932 và 1930, theo thứ tự) và Cheyenne Memories (được kể bởi John Stands trong Timber and Margot Liberty vào năm 1967). Các tự truyện tự thực hiện đáng chú ý nhất vào đầu thế kỷ 20 là Indian Boyhood (1902) và From the Deep Woods to Civilization (1916) của Charles Eastman (Dakota) và American Indian Stories (1921), một kết hợp của truyện ngắn, tự truyện và không hư cấu của Gertrude Bonnin (Lakota). Các tự truyện như đã kể về Lakota đương đại tiếp tục, chẳng hạn, Lame Deer, Seeker of Visions (1972) và Lakota Woman (1990), cả hai đều được viết bởi Richard Erdoes.

Black Elk Speaks là cuốn sách xuất bản năm 1932 của John G. Neihardt, nhà thơ và nhà văn Mỹ, người kể câu chuyện của Black Elk, một y sĩ tại Oglala Lakota. Black Elk đã nói tại Lakota và người con trai của Black Elk là Ben Black Elk, có mặt trong cuộc nói chuyện đó, đã thông dịch lời của người cha sang tiếng Anh.

Văn học bằng chữ viết của người Mỹ Bản Xứ

Văn học bằng chữ viết của người Mỹ Bản Xứ xuất hiện vào đầu thế kỷ thứ 18, khi nhà truyền giáo Samson Occum dòng Mohegan Methodist đã xuất bản tác phẩm "Sermon Preached at the Execution of Moses Paul" [Bài Giảng Tại Cuộc Hành Quyết Của Moses Paul] một người Bản Xứ vào năm 1772.

Nhiều nhà văn người Mỹ Bản Xứ ban đầu viết về chính trị hay tự truyện, mà thường là chính trị trong ý nghĩa thuyết phục người đọc thúc đẩy việc đối xử tốt hơn đối với người Mỹ Bản Xứ. Samson Occum (bộ lạc Mohegan) là nhà truyền giáo Thiên Chúa Giáo không chỉ viết tự truyện, "A Short Narrative of My Life," mà còn viết nhiều bài thánh ca. William Apess (bộ lạc Pequot) đã viết tự truyện, "A Son of the Forest," cũng như bài giảng công khai hay lời ca tụng Vua Philip. Sarah Winnemucca (bộ lạc Paiute) đã viết về những tương tác đầu tiên của bộ lạc của bà với người Mỹ gốc Châu Âu trong cuốn "Life Among the Paiutes," và John Rollin Ridge (bộ lạc Cherokee) đã viết điều được xem là tiểu thuyết đầu tiên được viết bởi một người Mỹ Bản Xứ, "The Life and Adventures of Joaquín Murieta," về tên cướp khét tiếng ở California.

Vào đầu thập niên 1900s, khi nhiều độc giả người Mỹ da trắng trở nên hứng thú trong việc đọc về cuộc đời và văn hóa của những người Mỹ Bản Xứ, các nhà văn người Mỹ Bản Xứ đã bắt đầu viết các câu chuyện của các nền văn hóa của họ, như "Old Indian Days" của Charles Eastman và "Coyote Tales" của Mourning Dove. Những người khác đã bắt đầu viết truyện hư cấu, chẳng hạn,

cuốn tiểu thuyết "Cogewea" của Mourning Dove và "The Surrounded" của D'Arcy McNickle. Những tiểu thuyết gia khác gồm John Joseph Mathews và John Milton Oskison. Có lẽ tác phẩm của người Mỹ Bản Xứ nổi tiếng nhất từ thời kỳ này là "Green Grow the Lilacs," một vở kịch được viết bởi Lynn Riggs thuộc bộ lạc Cherokee mà đã trở thành cơ bản cho vở nhạc kịch Oklahoma! Nhiều tác giả trong số này đã pha trộn tự truyện, các câu chuyện truyền thống, tiểu thuyết, và tiểu luận, như có thể được thấy trong cuốn "American Indian Stories" của Zitkala-Sa (bộ lạc Dakota).

Thời Phục Hưng Của văn học người Mỹ Bản Xứ

Thuật ngữ "Thời Phục Hưng Của Người Mỹ Bản Xứ" được Kenneth Lincoln tạo ra vào năm 1983 để mô tả sự nở hoa của tác phẩm văn học được viết bởi các nhà văn người Mỹ Bản Xứ từ cuối thập niên 1960s qua 1970s và bước vào thập niên 1980s. Tâm điểm cho "sự có mặt" của văn học người Mỹ Bản Xứ như là một sự kiện văn học quan trọng đến với Giải thưởng Pulitzer lần đầu tiên được trao cho một tác giả Bản Xứ, N. Scott Momaday (bộ lạc Kiowa) cho cuốn tiểu thuyết của ông "House Made of Dawn."

Thập niên 1970s đã chứng kiến các tác phẩm hư cấu quan trọng được viết bởi James Welch (bộ lạc Blackfeet và A-aninin), Leslie Marmon Silko (bộ lạc Laguna), và Gerald Vizenor (bộ lạc Chippewa), và thơ của Joy Harjo (bộ lạc Muscogee), Simon J. Ortiz (bộ lạc Acoma), và Wendy Rose (bộ lạc Hopi/Miwok). Nhiều tác giả đã có các tác phẩm quan trọng thuộc cả hai thể loại, như Joseph Bruchac (bộ lạc Abenaki).

Thập niên 1980s có nhiều nhà văn nằm trong danh sách nói trên đã tạo ra nền văn học mới. Những tiếng nói mới gồm Louise Erdrich (bộ lạc Ojibwe), Paule Gunn Allen (bộ lạc Laguna), Linda Hogan (bộ lạc Chickasaw), Michael Dorris, và Luce Tapahonso (bộ lạc Navajo).

Thập niên 1990s đã giới thiệu nhiều tác phẩm thơ và tiểu thuyết được viết bởi Sherman Alexie thuộc bộ lạc Spokane/Coeur D'Alene. Cuốn Mean Spirit của Linda Hogan thuộc bộ lạc Chickasaw mà đã vào danh sách cuối của Giải Pulitzer thuộc thể loại Tiểu Thuyết vào năm 1991.

Vào năm 2009, cuốn "The Plague of Doves" của nhà văn người Mỹ Bản Xứ Louise Erdrich đã lọt vào danh sách cuối của Giải Pulitzer thuộc Tiểu Thuyết.

Vào năm 2019, nhà văn Joy Harjo (thuộc Muscogee Nation) đã trở thành người Mỹ Bản Xứ đầu tiên giữ danh hiệu United States Poet Laureate.

Cũng trong năm 2019, cuốn tiểu thuyết "There There" viết về cuộc sống của người Da Đỏ thành thị tại California của Tommy Orange (bộ lạc Cheyenne và Arapaho) đã lọt vào danh sách cuối cho Giải Pulitzer thuộc bộ môn Tiểu Thuyết.

Nhân đây xin giới thiệu nhà văn người Mỹ Bản Xứ Louise Erdrich và tác phẩm "The Plague of Doves" của bà.

Nhà văn người Mỹ Bản Xứ Louise Erdrich

Nhà văn người Mỹ Bản Xứ
Louise Erdrich tại the
National Book Festival năm
2015.



(nguồn: www.en.wikipedia.org)

Louise Erdrich là tác giả người Mỹ Bản Xứ viết tiểu thuyết, làm thơ, và viết sách thiếu nhi mô tả các nhân vật và bối cảnh người Mỹ Bản Xứ. Bà là thành viên của Bộ Tộc Turtle Mountain Band của bộ lạc Da Đỏ Chippewa, một bộ tộc của Anishinaabe được liên bang thừa nhận (cũng được biết là Ojibwe và Chippewa).

Erdrich sinh ngày 7 tháng 6 năm 1954 tại Little Falls tiểu bang Minnesota. Bà là người con lớn nhất của 7 đứa con của Ralph Erdrich, một người Mỹ gốc Đức, và Rita, một phụ nữ bộ lạc Chippewa (một nửa dòng máu Ojibwe và một nửa dòng máu Pháp). Cha mẹ của bà đều dạy tại một trường nội trú ở thành phố Wahpeton, North Dakota, được dựng bởi Văn Phòng Dịch Vụ Người Da Đỏ. Ông ngoại của Erdrich là Patrick Gourneau, đã làm tộc trưởng cho bộ tộc được liên bang công nhận Turtle Mountain Band của Người Da Đỏ Chippewa nhiều năm. Dù không được nuôi dưỡng trong một đặc khu dành cho người Bản Xứ, bà vẫn thường đến thăm các thân nhân ở đó.

Khi Erdrich còn bé, cha của bà đã trả bà 5 xu cho mỗi câu chuyện bà đã viết. Người em của bà là Heidi là một nhà thơ và cũng sống tại Minnesota. Heidi xuất bản sách với tên Heid E. Erdrich. Một người em gái khác, Lise Erdrich đã viết nhiều sách về thiếu nhi và các tuyển tập truyện và tiểu luận.

Erdrich đã học tại Trường Cao Đẳng Dartmouth College từ năm 1972 tới 1976 và tốt nghiệp Cử Nhân Anh Văn tại trường này. Cũng tại đây bà đã gặp Michael Dorris, một nhà văn và rồi làm giám đốc chương trình Nghiên Cứu Người Mỹ Bản Xứ. Trong lúc tham dự lớp học của Dorris, bà đã bắt đầu nhìn vào gốc gác tổ tiên của bà mà đã tạo cảm hứng cho bà đối với tác phẩm văn học của bà như thơ, truyện ngắn, và tiểu thuyết. Trong thời gian này bà làm bồi bàn, nghiên cứu phim, và chủ bút của tờ báo The Circle của Hội Đồng Người Da Đỏ Boston, theo Allan Chavkin và Nancy Feyl trong tác phẩm "Conversations with Louise Erdrich and Michael Dorris," do Đại Học Mississippi ấn hành năm 1994.

Năm 1978, Erdrich ghi danh vào học chương trình Cao Học tại Đại Học Johns Hopkins ở Baltimore, Maryland. Bà đã tốt nghiệp Cao Học Về Viết Các Nghiên Cứu Chuyên Đề vào năm 1979. Sau đó bà đã xuất bản thơ và truyện mà bà đã viết lúc học chương trình Cao Học. Bà đã trở lại Trường Dartmouth để dạy.

Sau khi tốt nghiệp từ Trường Dartmouth, Erdrich vẫn liên lạc với Michael Dorris. Ông có tham dự một trong những lần đọc thơ của bà, trở nên ấn tượng với việc làm của bà, và bắt đầu thích thú làm việc chung với bà. Dù Erdrich và Dorris ở hai đầu của thế giới, Erdrich ở Boston và Dorris ở Tân Tây Lan để nghiên cứu, cả hai đã bắt đầu hợp tác trên nhiều truyện ngắn.

Sự hợp tác văn học của cặp này đưa họ tới mối quan hệ lãng mạn. Họ đã thành hôn vào năm 1981, và nuôi 3 người con mà Dorris nhận làm con nuôi khi còn là người cha độc thân và 3 người con ruột có với nhau (Persia, Pallas, Madeline, Reynold Abel, Sava và Aza Marion). Dorris và Erdrich đã chia tay vào năm 1995, và Dorris đã tự tử chết vào năm 1997. Trong di chúc, ông chỉ để tên những đứa con ruột có với Erdrich.

Vào năm 2001, lúc 47 tuổi, Erdrich sinh người con gái, Azure, cha là một người đàn ông Mỹ Bản Xứ mà Erdrich đã từ chối công khai danh tánh của ông này, theo Paul Gray trong bài viết "A Woman With a Habit," được đăng trên Báo Time số ra ngày 1 tháng 4 năm 2001. Bà đã nói về chuyện mang thai Azure, và cha của Azure, trong cuốn sách không hư cấu được xuất bản vào năm 2003 "Books and Islands in Ojibwe Country." Bà đã dùng tên "Tobasonakwut" để chỉ ông ấy. Ông được mô tả như là một thầy lang và thầy giáo truyền thống, là người lớn hơn Erdrich 18 tuổi và là người đàn ông đã có gia đình. Trong một số thông tin phổ biến, Tobasonakwut Kinew, là người đã chết vào năm 2012, được cho là bạn đời của Erdrich và là cha của Azure.

Khi được hỏi trong một cuộc phỏng vấn có phải việc viết lách là đời sống cô đơn đối với bà, Erdrich đã trả lời rằng, "Một cách kỳ lạ, tôi nghĩ nó là như vậy. Tôi được vây quanh bởi nhiều người thân trong gia đình và bạn bè và tuy nhiên tôi cô đơn với việc viết lách. Và điều đó thật hoàn hảo." Erdrich hiện sống tại Minneapolis, theo Lisa Halliday trong bài viết "Louise Erdrich, The Art of Fiction," được đăng trên The Paris Review số Mùa Đông năm 2010.

Cuốn tiểu thuyết "The Plague of Doves" của Louise Erdrich

Cuốn tiểu thuyết "The Plague of Doves" [Tai Họa Bồ Câu] là sách bán chạy nhất của báo New York Times trong năm 2008 và là cuốn đầu trong bộ ba tiểu thuyết được nối kết lỏng lẻo của tác giả Louise Erdrich thuộc Bộ Lạc Ojibwe. Cuốn "The Plague of Doves" điều tra người dân thành thị Pluto, ở North Dakota, là người bị tai họa bởi vụ giết người chưa được giải quyết của một gia đình nông dân từ nhiều thế hệ trước. Cuốn tiểu thuyết này kết hợp phép chuyển nghĩa kể chuyện đa dạng của Erdrich mà xuất hiện trong nhiều tác phẩm khác gồm loạt truyện Love Medicine. Phần tiếp theo của cuốn sách này là cuốn tiểu thuyết đoạt Giải National Book Award có tên "The Round House." Erdrich kết luận bộ ba "Công Lý" với cuốn "LaRose" vào năm 2016.

Cốt truyện của "The Plague of Doves" xoay quanh hành động kỳ thị chủng tộc đã xảy ra vào đầu thế kỷ thứ 20. Peter G. Beidler phác họa cho thấy cốt truyện đối với cuốn tiểu thuyết của Erdrich đã bị ảnh hưởng như thế nào bởi những sự

kiện xảy ra trong đời thực mà đã diễn ra tại North Dakota vào cuối thập niên 1890s, theo Peter G. Beidler trong tác phẩm "Murdering Indians: a documentary history of the 1897 killings that inspired Louise Erdrich's the Plague of Doves," được NXB McFarland & Company, Inc. ấn hành. Như Beidler giải thích, cả gia đình, the Spicers, đã bị giết chết bởi một nhóm người Mỹ Bản Xứ. Trong khi những kẻ giết người bị xử và kết án tử hình vì tội của họ, các công dân của thị trấn này tin rằng 3 nhân chứng, cũng là những người Mỹ Bản Xứ, cũng bị tội. 9 tháng sau vụ xử án, các công dân đã tràn vào nhà tù nơi những người đàn ông bị giam giữ, áp đảo các lính canh tù, và treo cổ 3 người đàn ông còn bị nghi vấn. Một trong những người đàn ông này là một cậu 19 tuổi tên là Paul Holy Track, được tin là ảnh hưởng trực tiếp đối với nhân vật của Erdrich, Holy Track 13 tuổi.

Cuốn tiểu thuyết bắt đầu với vụ giết người rừng rợn của một gia đình mà chỉ còn một em bé sống sót. Một nhóm kỳ thị chủng tộc Mỹ chuyên hành hình đã đổ lỗi 4 người vô tội trong bộ lạc Ojibwe từ một khu bảo tồn gần đó và treo cổ 3 người trong số đó, gồm một cậu tên Holy Track.

Nhiều năm sau, một cô gái trẻ tên Evelina, đấu tranh với bản năng tính dục của cô ở trường, nghe câu chuyện về Pluto của ông của cô, Mooshum, trong quá khứ của North Dakota. Vào năm 1896, một đàn chim bồ câu đã khủng bố thị trấn và người dân sống trong đó. Mooshum cũng giải thích làm sao ông trở thành là người sống sót duy nhất của đám người hành hình. Sự chấn thương này làm cho Mooshum phải rời bỏ thị trấn trong nhiều năm trước khi trở về khu bảo tồn, kết hôn và bắt đầu một gia đình. Khi trở về, Mooshum và người anh em của ông, Shamengwa, từ từ nghiện rượu. Những câu chuyện này khiến cho Evelina có nhiều nghi vấn hơn câu trả lời, và Mooshum do dự để tiết lộ mọi việc. Evelina lo lắng để bày tỏ sự lỗi cuốn mà cô có đối với vị thầy giáo và bạn học của cô.

Kế tiếp tới Billy Pearce, người có chị đang ngoại tình với John Wildstrand. John kết hôn với Neve Harp, một phụ nữ từ chối mối tình lãng mạn trước đó của Mooshum. Sự quan hệ nam nữ giữa John Wildstrand và chị của Billy Pearce đưa tới việc họ có con ngoại hôn. Sau việc bắt cóc của Neve Harp bị kết quả ngược, ông nhập ngũ vào quân đội. Theo sự giới thiệu của Billy quân đội là tôn giáo. Khi Billy trở về nhà, ông bắt đầu đi nhà thờ. Billy đã lấy Marn Wolde khi cả hai gần bó hôn vì chạy trốn các vấn đề trong quá khứ. Marn ngày càng không hạnh phúc trong hôn nhân của cô và với cách mà Billy kỷ luật con cái của họ và cách ông ấy đối xử với cô. Cuối cùng, Marn đã giết chồng của mình và chạy thoát khỏi Pluto và dặt theo những đứa con của cô.

Một Eveline già nua, đang làm việc tại một quán ăn, tình cờ gặp Marn. Sự gặp gỡ này gợi nhớ cho những lỗi cuốn năm xưa của Evelina với cháu trai của Marn. Evelina cũng được cung cấp tin tức từ người yêu cũ và là thầy giáo của cô mà đã làm cho cô bị đau khổ tâm thần. Trong khi ở bệnh viện tâm thần, Eveline gặp những bệnh nhân nhưng để ý đến các hành động kỳ lạ của một người đặc biệt có tên Warren Wolde. Warren Wolde chết tại bệnh viện sau khi nghe Corwin Peace đàn vĩ cầm trong lúc thăm Eveline. Cái chết của Warren làm sáng tỏ một số bí ẩn của thị trấn.



CHÚC MỪNG NĂM MỚI NHÂM DẦN 2022

*Ngày và đêm trôi đi không ngừng nghỉ,
Tân Sửu qua, Nhâm Dần đến thật mau.
Tháng năm trôi như cánh hạc qua cầu,
Bụi trần gian còn vẩn vương trong gió.*

*Đông vừa qua, Xuân đã về trước ngõ,
Xuân vui tươi, cây cỏ lớn thật mau,
Xuân đã sang, hoa lá trở muôn màu,
Năm trôi qua, trần gian thêm một tuổi.*

*Xuân đã đến, cỏ cây hoa đổi mới,
Đón Xuân vui, ngày Tết chúc mừng nhau,
Chúc gia đình an lạc vững bền lâu,
Trọn một năm cát tường và hạnh phúc.*

*Chúc bạn hữu suốt năm luôn sung túc,
Thân quyến vui, hạnh phúc vạn điều an,
Chúc năm châu bốn biển hết làm than,
Không thù hận, chiến tranh và... lụt lũ*

*Năm Nhâm Dần an lành hơn năm cũ,
Chúc muôn người sống hòa ái hồn nhiên,
Cầu mong cho Việt Nam sống bình yên,
Quê hương mình được an vui hạnh phúc.*

*Chúc cho thế giới một mùa Xuân,
Hạnh phúc quanh năm vạn điều lành,
Năm mới cát tường luôn an lạc,
Gia đình hưng thịnh trọn đầy năm...*

HOÀNG THỤC UYÊN

Xuân Nhâm Dần, 2022

Truyện cực ngắn

STEVEN N.

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



HÒA HÓA HỒNG LIÊN

Năm ấy quốc gia gặp phải pháp nạn, vì tự tư tự lợi cộng với tham vọng cá nhân mà nhà nước kỳ thị và đàn áp Phật giáo khốc liệt. Tăng tục nhiều người bị giết chết, tù đầy, giam cầm... Quốc dân phần nộ và hoang mang cực độ. Quốc tế cũng lên án chính sách kỳ thị tôn giáo, tiếc thay vì vô minh mà chính quyền hứa thay đổi nhưng vẫn cứ tráo trở lật lọng. Ngài cùng với toàn bộ huynh đệ lân đồng bào chỉ yêu cầu:



"Phật giáo được bình đẳng như các tôn giáo khác. Phật giáo được treo cờ và hành đạo như các tôn giáo bạn, chấm dứt kỳ thị và trả thù..."

Yêu cầu quá đơn giản và dễ dàng nhưng đụng phải những tâm hồn vô cảm, sắt đá. Thay vì đáp ứng nguyện vọng của Phật giáo đồ thì nhà cầm quyền tăng cường đàn áp, thậm chí tấn công chùa chiền làm cho cả quốc gia rối loạn và lâm nguy. Trước tình thế ấy, ngài quyết định tự thiêu

với hy vọng dùng ngọn lửa từ bi để thức tỉnh người mê.

Sau ngày pháp nạn qua đi, đại chúng tưởng nhớ công hạnh phi thường và tinh thần vô úy vị pháp thiêu thân của ngài nên viết:

QUANG KHẮP NẠM PHẦN PHẠM HẠNH SA MÔN THANH TỈNH TỰ BI VỊ PHÁP THIÊU THÂN HÒA HÓA HỒNG LIÊN ĐỨC TRUM QUỐC ĐỘ TRÍ HỤỆ TỶ KHEO KIM CANG VÔ ÚY HỘ DÂN TÂN HIẾN LỆ BIẾN CẢM LỘ.

TANG

Nhân có nhà phú hào nọ vừa qua đời, con cháu thọ tang nhiều cách, kẻ thì áo xô mũo gai kiêu Tàu, người thì áo vét tông đen kiểu Âu, những người còn lại thì chít khăn trắng. Đã thế còn có nhạc ngũ âm cổ truyền, kèn tây và cả bà bóng hát hò... Đám ma lớn lắm, tang gia làm rất rình rang, thiên hạ xì xầm khen chê lung tung. Có kẻ hỏi thầy thì thầy bảo:

- Tang phục tùy thuộc tập quán và văn hóa địa phương, một phần chịu ảnh hưởng bởi người thọ nhận phong tục, tất cả chỉ là hình thức chẳng có ý nghĩa gì với người đã khuất.

Thầy ngưng một lát rồi lại nhần nhủ:

- Tang lễ rình rang, tang phục rườm rà, tang chế cầu nề, tang gia hình thức, tang tế phổ trương, tang ma ngoại tướng... tất cả chỉ vì sĩ diện và vì danh hão của người sống. Chi bằng tang chủ và con cháu trong nhà cứ làm lành, cứu người, giúp vật, giữ giới và hồi hướng công đức cho người chết thì còn hữu ích hơn hình thức tang tế rườm rà, ấy mới thật là tang hiếu.

TÂM TƯỜNG SỰ THÀNH

Mấy nay dân chúng xôn xao bàn tán quá trời, kẻ bênh người chống rần rần cả lên vì chuyện nữ đại gia lên mạng chửi bới, mạ lị khắp thiên hạ. Những you tubers cũng ăn theo đăng toàn những chuyện nhảm nhí tào lao, nào là chuyện ăn chơi, khoe thân, khoe của, tung tin giả... Có một số bị nhà cầm quyền phạt, riêng chị nhà giàu kia thì bình an vô sự, thậm chí còn chửi dữ hơn. Dân mạng lẫn dân đời nghi ngờ:

- Bà ấy được chống lưng, quan dùng bà ấy như hồng vệ binh để triệt hạ các ca sĩ đã làm từ thiên quá tốt mà quan chẳng làm được, dân tin các ca sĩ không tin quan.

Nhiều bình luận đồng ý cho là phải, có vài người còn đi xa hơn:

- Thế giới mạng ảo cũng phản ảnh tâm tánh con người, cứ xem người ta đăng gì thì biết tư cách họ ra sao.

Một người khác nhảy vô bồi thêm:

- Trên mạng giờ những cái tốt thì ít, người ủng hộ lựa thưa nhưng những cái xấu thì nhiều vô số và người yêu thích thì đông như quân Nguyên.

Mồ ngựa miệng bèn phán:

- Các vị cứ xem cỏ dại với lúa ấy, cái nào nhiều ít hay mạnh yếu ra sao thì khắc biết!

ẢO

Mồ mở tin nhắn thấy:
- Thời buổi này lao động chân chính góc đầu dây hồng nổi, mày hãy chơi chứng khoán, tiền ảo bitcoin, Ethereumcoin, dogecoin... mới giàu được!

Mồ thấy lòng lung lay, quá thật thế, tiền ảo chả ai biết chủ nhân của nó, mặt mũi nó ra sao, ấy vậy mà con số giá trị cứ tăng chóng mặt. Mồ nghĩ nhiều lắm nhưng không đủ can đảm đem

đồng tiền mồ hôi nước mắt ra mua tiền ảo.

- Cảm ơn bạn, nhưng cần thận đấy! Chơi mạng ảo, thế giới ảo, tiền ảo, giá trị ảo... không chứng nhận hậu quả thật!

Sau khi trả lời bạn thì mẹ tiếp tục nhận được tin anh ta mới trúng đậm. Một ngày kia gặp lại bạn thì thấy anh ấy thất sắc hẳn:

- Sàn tiền ảo và những trang mạng mà tớ dốc vốn đầu tư đã biến mất không còn một vết tích gì!

Mồ cũng buồn với bạn nhưng biết nói sao giờ, đành an ủi:

- Đem cái thật đổi cái ảo, ảo biến thì thật mất! Thôi thì còn người, ta làm lại vậy!

GIỎI THÌ CHỌN ĐƯỜNG MÀ ĐI

Anh em đánh nhau chí tử, người nhà chia phe, kẻ theo bên này, người thuộc bên kia. Khi cuộc chiến tàn, kẻ thắng trận lúc đầu theo chủ nghĩa hoang tưởng nhưng sau đó thì theo chủ nghĩa thực dụng. Bao nhiêu ruộng, vườn, đất đai bất kể của ai, hễ có giá là thầu tóm để bán hoặc cho tư bản thuê. Thiên hạ mất đất, mất nhà ta thần uất hận, trong đó có cả người anh em của kẻ thắng trận. Ngày giỗ tổ, họ hàng anh em tề tựu đông đủ. Ai đó băng qươ:

- Theo người ta mấy mươi năm cũng uống công, giờ đất tư cũng bị bọn họ lấy cho tư bản thuê.

Người anh em đã mất đất còn bị cười chê nên sanh bực tức:

- Thời thế đẩy đưa, mấy người giỏi sao không chọn lấy đường mà đi?

Người hàng xóm sang ăn giỗ, nghe thế nên khuyên can:

- Theo cũng chết, không theo cũng chết, cường quyền có kẻ chi ai!

AI HƠN AI

Gió lộng sông dài, quang cảnh nên thơ hữu tình. Hai con cá vui tung tăng trong dòng nước, cả hai cùng đi thi vượt vũ môn. Một con chẳng may vướng lưới ngư phủ, nó tận sức vùng vẫy mới thoát ra được, trong lúc nó mắc kẹt thì con kia đã đến và vượt qua vũ môn trước, con cá bị nạn về đích sau. Thần nước khen:

- Cùng đi thi nhưng con này

THÁNG CHẠP GỖ VÀO TRÍ NHỚ

*Tháng chạp giọt giọt gỗ vào trí nhớ
Đường đất chân thơm hạt bụi vàng
Mẹ già và nhánh mai muôn thuở
Trờ gió bay đầy những khói nhang.*

*Lũ én bay vòng quanh tháng chạp
Có em bông búp ở hiền nhà
Có ta con đẻ mền ngợ gác
Đứng ngó tư bề nắng trở hoa*

*Râm ran chân sáo vang đầu ngõ
Con gái con trai chơi đánh vòng
Hoa chưa dậy thì hoa chưa nở
Cái tuổi trong veo cả tấm lòng.*

*Tháng Chạp giãn đều từng mạch máu
Nhớ gì, vạn thọ nở vàng sân
Nhớ gì, Tết nhứt lân nghinh pháo
Thất thập, chiều đưa mộng xuống gân.*



thơ LÝ THỪA NGHIỆP

vượt vũ môn sớm, giỏi thay!

Thần cây đứng bên bờ trông thấy hết sự việc bèn bảo:

- Đường đời bằng phẳng, cả thì làm sao biết ai hơn ai? Ách nạn vốn khó lường, không ai tài giỏi gì biết được, mắc nạn mà tận lực thoát được thì mới là giỏi, còn nếu như chỉ vì vận may, đường thẳng đến đích thì đâu có gì để gọi là giỏi.

Thần nước nghe thế cứ róc rách hoài, thần đá lặng lẽ im lìm, thần lau lách hải bên bờ đồng ý hoan hỷ reo vui.

XỨ TRẦM HƯƠNG

Xứ ấy núi cao, sông dài, biển rộng, người tứ xứ tụ về sinh sống. Nào là thi sĩ xứ Chà Bàn vô, ông lang tây xứ Phú Lang Sa sang, đặc biệt có một nữ sĩ tài sắc vẹn toàn của xứ ngũ phụng tề phi cùng với lang quân cũng về hội tụ. Nữ sĩ vốn là dâu xứ thần kinh, nàng giỏi

thơ văn, nữ công gia chánh và là một Phật tử thuần thành, sáng tác phụng sự cả đạo lẫn đời. Nhiều người thắc mắc:

- Đạo và đời vốn hai hướng ngược nhau, sao có thể đi cùng lúc hai bên được?

Nữ sĩ bèn trả lời:

- Tôi dùng ngôn từ đời xưng tụng ánh đạo vàng, nhật lấy tình sương đời kết trắng ngọc cúng dường đạo, có chi mà chẳng đặng!

Vị nữ sĩ tài hoa ấy, không chỉ phụng sự đạo, góp hương cho đời bằng những tác phẩm văn chương mà còn dâng cho đời những tôn tử hậu sinh tinh hoa mẫn tiệp. Đời có kẻ ngưỡng mộ học đòi làm thơ mười bảy chữ:

Xứ trầm hương

*Nhật tinh sương cúng dường
Nữ sĩ tận thân Tâm đạo đời
tinh Tấn.*

STEVEN N
Georgia, 12/21

Xuân này con không về

TIỂU LỤC THẦN PHONG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Sơn đang tám với với thằng Sean, bất chợt có ai đó vỗ vai cái bụp, quay lại thì là chú Sanh:

- Sơn, Tết năm nay có về chùa không? Mừng một tết nhằm ngày thứ sáu, rất tiện lợi. Con lấy ngày nghỉ chưa?

Sơn hỏi ngược:

- Vậy chú lấy chưa?

- Chú lấy từ tuần trước, nếu con có lấy thì lấy ngay đi, để tuần tới không còn chỗ trống, thằng đốc công nó không duyệt đấy!

- Dạ, cảm ơn chú.

- Thế tối thứ Năm lên chùa đón giao thừa chứ?

Sơn ngần ngừ giây lát

- Lạnh quá chú ơi, đi hay không cháu cũng chưa biết chắc!

- Lạnh thì lạnh, thanh niên trai tráng mà sợ gì! Chú đây già cả mà còn đi được.

Quả thật vậy, chú Sanh đã gần sáu mươi lăm nhưng trông gân guốc phương phi lắm, năm nào chú cũng về chùa Hải Lượng để đón giao thừa. Chú thường bảo chúng mình xa quê, lưu lạc xứ này không về cố quận ăn Tết thì cũng nên lên chùa hưởng chút khí vị quê hương, trước thì lễ Phật, tưởng nhớ tổ tiên, sau nữa để thỏa cái lưu luyến những ký ức xa xưa ở trong tâm.

Chùa Hải Lượng vốn là một căn nhà nhỏ bé cũ kỹ, đất chưa đến hai mẫu tây. Hai mươi năm trước ni sư Hải Nguyệt về đây tụ mãi và sửa sang lại làm chùa. Phật tử quanh vùng đa phần là công nhân ăn lương giờ nên cũng không khá giả chi mấy, bởi thế cứ cù nhậy mãi mà chưa thể mở rộng diện tích hay xây lại chánh điện cho khang trang. Chùa nghèo, kinh phí không có nên không xài máy sưởi, máy lạnh. Mùa hè thì nóng như lò nung còn mùa đông thì lạnh tê tái. Đêm giao thừa Tết ta chính là lúc giữa mùa đông của xứ này, có năm thì tuyết bay, có năm thì nước đông đá. Ấy thế mà đồng hương vẫn tề tựu về chùa để đón giao thừa. Sơn thì năm có năm không, năm rồi là năm tuổi của Sơn nên Sơn



cũng ráng về chùa lúc nửa đêm, năm nay thì Sơn còn lưỡng lự. Về chùa đêm trừ tịch kể cũng vui, có mai vàng, có bánh tét, bánh chưng, dưa kiệu... Có những tà áo dài đủ màu sắc của các bà và của chị em. Sơn phục lẫn giới nữ, trời lạnh cảm cảm mà họ vẫn cố gắng mặc áo dài. Đêm giao thừa quả là thiêng liêng, là giờ phút giao thoa giữa cái cũ và cái mới, là thời khắc thể hệ hiện tại tương tác với tổ tiên, là phút giây đồng hưởng về quê hương bản quán... Có lẽ vì tính chất thiêng liêng này mà chị em phụ nữ bắt chấp cái lạnh để mặc áo dài.

Thấy Sơn lặng lẽ ngẫm nghĩ chưa trả lời, chú Sanh nhắc:

- Đi chứ? Thanh niên mà sợ gì lạnh!

Sơn gật đầu:

- Dạ, sẽ đi.

Giao thừa năm nay thật ảm đạm, số người về chùa không bằng một phần tư so với năm trước. Cơn dịch Coronavirus vẫn hoành hành nên Phật tử sợ; và lại chùa cũng tuần thủ

những quy định của chính quyền sở tại, phải giữ khoảng cách an toàn. Tuy ít người nhưng những tà áo dài cũng đủ để cảm nhận đêm giao thừa có phong vị và hình ảnh quê hương. Sau khi lễ Phật, ni sư Hải Nguyệt đọc thư chúc tết của hòa thượng trưởng lão Hội đồng Giáo phẩm, phát lộc cho mọi người. Ni sư bảo sáng mừng một mới đốt pháo, bây giờ nửa đêm mà đốt sẽ gây phiền phức cho láng giềng xung quanh.

Chú Sanh mở cuộn giấy màu hồng thật to, viết đôi câu đối để tặng ni sư và Phật tử của chùa. Chú Sanh vẫn giữ nếp xưa nay, mỗi đêm giao thừa đều khai bút. Có năm thì chú viết tứ cú hoặc lục bát, có năm một bài trường thi. Năm nay chú viết câu đối:

Đêm ba mươi sư phụ niêm hương bạch Phật cáo yết tôn sư tế tổ tiên trời đất

Sáng mồng một đệ tử phát lộc đồng hương liễu tri đại chúng tưởng dân tộc quốc gia

Mọi người trầm trồ khen nét bút đẹp, uyển chuyển như rồng bay phượng múa. Riêng ni sư thì rất cảm kích vì nội dung. Ni sư cắt nghĩa thêm để mọi người hiểu rõ hơn, quả thật câu đối của chú hay và tràn đầy ý nghĩa. Nhiều người xin chữ, chú Sanh cũng vui lòng viết cho, tùy nhân dáng và ước nguyện của mọi người mà chú cho chữ. Sơn được chú tặng chữ "Thượng", chú viết xong và cắt nghĩa cho Sơn: là hướng thượng, là bay lên... quả thật phù hợp với tên của Sơn. Sơn cầm chữ "Thượng", lui lại một góc của chánh điện ngồi yên, ký ức giao thừa ngày xưa chợt ùa về như những làn sóng lần tận bất tận, chỉ trong phút chốc dường như quên khuấy cái khung cảnh hiện tại ở trước mặt, những ký ức xa xưa của một thời bé thơ như một cuốn phim cũ đang trình chiếu trong tâm Sơn.

Thường lệ hàng năm, mỗi khi giao thừa đến thì ba sẽ đốt

pháo, năm nay nó xí phần. Nó vừa mừng vừa hồi hộp, phong pháo chuột treo tòn ten trước hiên nhà. Nó bèn lấy mảnh giấy báo cuốn vào tim pháo, làm thành một đoạn dài đủ an toàn để sau khi đốt thì lui lại. Tiếng pháo chuột đi đệt, lách tách nghe vui tai nhưng nhanh chóng tan loãng vào vô số tiếng đi đùng của pháo đại, pháo tổng, pháo tổng... Sau khi đốt pháo nó cảm thấy như trưởng thành và lớn hơn một chút, mà thực quả thế, nó đã thêm một tuổi đời!

Giờ phút giao thừa qua đi, tiếng pháo tắt hẳn rồi, trời đất không gian dường như tịch mịch hơn cả khi chưa có tiếng pháo. Cái tĩnh mịch sâu lắng của đêm trường đã đưa nó vào giấc ngủ đầy mộng đẹp của mùa xuân.

Sáng mồng một Tết, nó diện bộ đồ mới mà má mua cho hôm tháng Chạp, cả nhà còn ngủ nướng vì những ngày tháng chạp bận rộn. Nó mở cửa ra đường đi loanh quanh trong trấn nhỏ, vui quá là vui, ai ai cũng mặc áo mới, tươi cười như hoa, gặp nhau chúc mừng năm mới, trước nhà ai cũng có một hai chậu hoa như thược dược, cúc, vạn thọ, mồng gà... Bác Ba ròm, người trong trấn mở gian hàng bầu cua cá cộp ngay trước hiên nhà, bác ra điều kiện: "Mình vui xuân là chính, chơi chút chút lấy hên, không đặt cược lớn, kéo mất vui". Thiên hạ thường nói: "Nhà cái luôn luôn thắng, vì họ nắm đằng chuôi", ấy vậy mà có khi cũng sai. Bác Ba ròm cầm cái bầu cua cá cộp chừng một giờ đồng hồ là thua sạch túi, có lẽ bác không gặp may trong ngày đầu xuân.

Đi lòng vòng trong trấn một lát, nó quay về nhà ăn sáng với cả nhà. Mồng một Tết ăn chay nên chỉ ăn bánh tét với dưa kiệu và rau sống, món bì thì sang mồng hai mới được ăn. Món bì của ngoại nó làm ngon có tiếng trong thị trấn, mấy phần đầu đuôi thú vị của con heo được ngoại chế biến sơ rồi bọc trong lá ổi và bó rơm ở ngoài. Tết không thể thiếu món này!

Cả nhà qua bên ngoại, lên lầu lễ Phật, lạy gia tiên mừng tuổi ông bà, sau đó thì chúc Tết ngoại. Ba nó nói và anh em nó lặp lại: "Con kính chúc ngoại mạnh khỏe, sống lâu trăm tuổi, sống vui cùng con cháu, cầu Phật gia hộ cho ngoại." Chúc xong, được ngoại lì xì mỗi đứa



một bao lì xì đỏ tươi. Mồng một Tết, ngoại còn cho ba anh em nó mỗi người một cái phai (bùa). Phai là một mảnh giấy toàn chữ Tàu, viết bằng mực xà và đóng con dấu đỏ chót, mảnh giấy gấp lại nhỏ bằng ba ngón tay, ép nhựa kín lại và có dây để đeo lên cổ. Ngoại nói cái phai hộ vệ cho các cháu khỏe mạnh, khỏi bị tà ma quấy nhiễu, đêm ngủ không bị ác mộng...

Ngoại căn dặn má nó: "Quét nhà dọn vào xô bếp, qua mừng bầy mới được đồ rác, đi chợ nhớ mua trầu cau, muối..." Hồi ấy nghe nhưng không hiểu vì sao, sau này lớn lên mới biết những thế hệ ông bà xưa thường kỵ đồ rác ngày Tết vì sợ sẽ mất tài lộc. Mua trầu cau là ước vọng vợ chồng anh em trong nhà yêu thương gắn bó nhau như sự tích trầu cau. Mua muối là ước vọng cho sự đầy đủ lương thực thức ăn, đời sống đầy đủ no ấm... Trong nhà ngoài bàn thờ Phật, bàn thờ gia tiên còn có một bàn thờ nhỏ nhỏ gần bên cửa vào gian phòng thờ, không thấy có hình ảnh hay tượng gì, chỉ thấy hai hũ muối và gạo mà thôi. Lớn lên rồi nó mới biết đó là sự cầu kiến một cuộc đời được gia hộ no ấm và đầy đủ.

Chúc Tết ngoại xong, cả nhà lên chùa Khánh Lâm (tục gọi chùa Bàu Lương) để lễ Phật đầu năm. Thầy trụ trì pháp danh gì, hồng biết, chỉ biết mọi người vẫn thường gọi một cách thân mật là thầy Ký. Ông thầy già, hiền lành luôn luôn mỉm cười, lông mày dài bạc trắng

rốt che cả mắt; trông ông thầy cứ như ông Bụt, ông tiên trong truyện cổ tích bước ra. Nó cũng đốt nhang và xì xụp lạy Phật, lạy hết các bàn thờ có ở trong chùa. Mẹ nó đến bàn thờ thần tài và cầm cái hũ đựng những thẻ xăm xóc xóc cho tới khi có một cái thẻ rơi ra. Thẻ ghi toàn chữ Tàu, mọi người cầm cái thẻ ấy xuống nhà khách nhờ thầy Ký giải thích cho. Thầy Ký bận cả buổi sớm mai, bà Ba Bụng, bà Trùm Ba, bà Chín Đỏ, bà Hai Gạo... lần lượt chờ thầy đọc thẻ xăm. Lễ Phật xong, nó theo ba đi tảo mộ tổ tiên, đi thăm viếng và chúc tết họ hàng gần xa. Đến nhà nào mấy anh em nó cũng được lì xì, nó thấy má nó cũng lì xì lại cho những người anh em họ.

Lễ chùa và thăm họ hàng xong cũng đã xế chiều, về đến nhà là nó chạy ngay ra chợ. Ngồi chợ giữa trấn đông vui vô kể, mấy mươi gian hàng trò chơi như: bầu cua cá cộp, thầy vòng, ném lon, thầy đầu vịt... rồi những hàng ăn uống nữa, nhưng vui và rộn ràng nhất là quầy hô bài chòi và hô lô tô. Tiếng hò và hô lô tô vang vọng: "...Con mấy vị ra, con mấy vị ra, con gì nó ra đây... ngựa chạy bon bon, con vượn bông con lên non hái trái, anh cảm thương nàng phận gái thuyền duyên, con hai mươi nguyên..." Những người hô lô tô thật giỏi và nhanh nhẹn, phải thuộc nhiều bài hát, ca dao... hát sao cho chữ cuối nó liền vần với con số.

Nó đâu có biết rằng, tiếng hô bài chòi, hô lô tô, tiếng pháo giao thừa, âm thanh sôi nổi của

hội xuân, hình ảnh hoa quả bánh mứt, hình ảnh ngôi chùa quê với ông thầy hiền như Bụt ấy in sâu vào tâm khảm nó. Mà đâu chỉ có thế, hình ảnh bộ lư đồng sáng choang, ngọn đèn hột vịt leo lét trên bàn thờ cũng nạm vào hồn của nó. Nó đâu ngờ những hình ảnh, âm thanh của đêm giao thừa, của mùa xuân cổ quận đã in vào tâm hồn nó tự lúc nào.”

Sơn giật mình thoát ra khỏi cơn miên man lang thang của tâm tưởng khi chú Sanh đến kể bên:

- Con nhập sơ thiền rồi hả? Sao bỗng đứng lặng yên giữa lúc mọi người vui đón giao thừa?

Cô Bảy Hòa trêu:

- Hay là mơ tưởng em nào ở Việt Nam?

Chú Sanh nói với cô Bảy Hòa:

- Chị hồng biết đấy thôi, chú ấy hai mươi năm nay chưa về Việt Nam ăn Tết lần nào thì làm sao có bồ ở bên được?

Cô Bảy cười thoải mái:

- Biết chứ sao không anh, tui gheo chú ấy cho vui đêm giao thừa. Chú ấy là Phật tử thuần thành của chùa này. Mấy năm gần đây anh có về quê ăn Tết lần nào không?

- Lâu lắm rồi chị ơi, tui có về một hai lần từ hồi năm, bây giờ thì tui hồng muốn đi nữa, tuổi già lên xuống máy bay xe cộ oải quá, mỗi lần về gặp mấy cái bản mặt chăm dằm ở cửa khẩu hải quan là phát ngán! Thế chị có tính tết nào về bên ăn Tết không?

- Tui dự định đi Tết này nè, mọi việc chuẩn bị sẵn hết trơn hết trọi, nào dè xảy ra dịch Covid-19, thế là tiêu tan kế hoạch!

- Thôi chị ơi, mình tính sao bằng trời tính, không về được thì lên chùa này cũng hưởng được chút phong vị hương quê.

- Sáng mai anh có đi hành hương thập tự không?

- Năm nay dịch, đâu có tổ chức hành hương được, tui với thằng Sơn sẽ đi viếng một vài chùa gần quanh đây.

Sơn thấy chú Sanh và cô Bảy nói chuyện say sưa nên không chen vào. Sơn gật đầu chào hai người và sau đó chào ni sư Hải Nguyệt xin về trước.

Ngoài sân tuyết lất phất bay, tôn tượng bốn sư bằng đá trắng như hòa vào trong tuyết trắng, những dây cờ ngũ sắc như viền quanh chùa một vòng kiết giới an lành. Trên đường lái xe về, Sơn nghe ca khúc “Xuân này con không về” mà khloe mắt cay cay. Bản nhạc tha thiết đầy ắp nỗi niềm của những người con xa quê. Giọng ca Duy Khánh với bài ca này đã trở thành “kinh điển” mẫu mực cho mùa xuân xa quê. Giọng ca và bản nhạc đã trở nên bất tử trong lòng những người con xa xứ, dù có nghe bao nhiêu lần ấy vậy mà mỗi khi mùa xuân về vẫn xúc động như thuở ban đầu.



LA HÁN CHÙA GÒ KÉN

*Sao cứ học Bắc phương xa xôi?
La Hán buồn. Đau khổ nhăn mặt
Và nụ cười viên mãn Di Lạc
Không có Phật nào đỡ mồ hôi?*

*La Hán, La Hán. Nghìn năm tu
Cõi người đây rầy chuyện ác, ngu
Ở trong tăm tối nhìn ra sáng
Tượng Phật tôn thờ bởi chân tu!*

*La Hán trong vòng vây nhân gian
Khổ hạnh chân như và chiêu an
Sao cứ phải mặt cau, mày có
Xót thương người, tùy hỷ thế gian.*

*Giả chân, chân giả... học mưu kế
Áo rách, Phật dằm chiêu tại gia
Nỗi khổ bù, đau không chia được
Phật tại tâm. Bắc phương mù xa!*

*Phật hiểu kinh. Mục Liên... khan hiếm
La Hán gần với đời. Nỗi đau
Lời rao giảng giống kinh sám hối
Trần gian cõi tục thật nhiều màu!*

*Thôi chẳng mượn đau, chẳng mượn khổ
Không cầu tâm bố thí, than đời
Oán trách mãi sao siêu thăng Phật
La Hán cười thế gian đây vui!...*

thơ

TRẦN HOÀNG VY

Bớ người ta, ăn cướp!

Soạn giả: THÍCH MINH CHIỂU

(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

Thuở xưa, lúc Đức Xá Lợi xuất gia, Ngài còn một người em trai và một người em gái. Mẹ Ngài là người tà kiến, không tin theo Phật giáo, nên Ngài cố cản dẫn Chư Tăng, khi nào em trai Ngài có xin xuất gia thì cứ tự tiện cho, không cần chờ sự ưng thuận của mẹ Ngài.

Bà mẹ thấy con trai lớn của bà là Ngài Xá Lợi Phật xuất gia, bà sợ con trai út cũng xuất gia theo anh nên bà lo đi cưới vợ cho con. Ngày làm lễ rước dâu, theo phong tục thời ấy thì phải chọn một người rất già mà còn đủ vợ chồng đến xối nước trên tay cô dâu và chú rể.

Trong khi ấy chọn được bà ngoại của cô dâu là người có đủ điều kiện. Khi làm lễ bà ngoại vợ lại nắm tay đôi tân nhân rồi xối nước và nói rằng: "Bà cầu chúc cho hai con được ăn ở với nhau cho đến đầu bạc răng long như bà vậy".

Em của Ngài Xá Lợi Phật nhìn vợ thật là đẹp, nhưng khi day qua nhìn bà ngoại già nua, miệng thì móm mém, da nhăn tóc bạc, thật là xấu xí, chàng ta mới có cảm tưởng rằng: "Bà ngoại vợ ta trước kia chắc cũng đẹp lắm mà hôm nay cái đẹp ấy không còn, thì sau này vợ ta cũng phải chịu cái cảnh già nua chi phối, vậy thì sắc đẹp đâu có tồn tại mãi được. Trên đời không có gì trường tồn bền vững. Khi mà sắc đẹp của vợ ta phai lạt với thời gian, thì còn thú vị gì nữa. Thảo nào mà anh cả ta đã đi tìm đường giải thoát!"

Suy xét đến đó, chàng phát tâm chán nản mùi giàu sang, vợ đẹp, ý chàng muốn xuất gia theo gương của anh, mới nghĩ ra một kế, khi rước dâu theo đường chàng làm bộ đau bụng cứ đòi xuống đi sông mãi.

Nhiều lần như vậy, bà mẹ tưởng con mình bị bệnh kiết nên không để ý, để cho chàng tự do và cho xe rước dâu về trước, để chàng đi sau. Dịp may đã đến, chàng bèn đi thẳng vào chùa ở gần đấy, xin chư Tăng cho phép xuất gia.

Chư Tăng nói:

- Nhà người đã được sự ưng thuận của cha mẹ chưa?

- Bạch chư Đại Đức, chưa!

Chư Tăng không dám cho xuất gia, vì theo luật Đức Thế Tôn cấm không cho người xuất gia trong khi cha mẹ không cho phép.

Khi hết sức yêu cầu chư Tăng mà quý Ngài không bằng lòng cho xuất gia, chàng mới la lên rằng:

"Bớ người ta! Ăn cướp nó cướp của tôi đây này!"

Chư Tăng lấy làm lạ mới hỏi:

- Gã kia! Người đã điên rồi chăng? Tại sao ở giữa chúng Tăng mà người lại la lên như thế? Ai cướp của nhà người?

Chàng đáp:

- Bạch Chư Tăng! Đệ tử là em của Ngài Xá Lợi Phật.

Chư Tăng mới sức nhớ đến lời dặn của Ngài Xá Lợi Phật, nên cho em Ngài xuất gia...

Thông Kham

*Trí tuệ là gốc của muôn hạnh lành
Ngu si là nguồn tội lỗi.*



Muôn màu tình yêu

HẠNH THUẦN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Gần đây, tình cờ được nghe lại bản nhạc Pháp "Le temps de l'amour", với giọng ca của Francoise Hardy, tôi chợt nhớ về một lễ Valentine - ngày Tình nhân của ngày xưa... Để cũng đã gần hai mươi năm, khi cô cháu gái ở độ tuổi đôi mươi vừa tìm được ý trung nhân. Nhân ngày Tình nhân, những kẻ yêu nhau tìm mọi cách thể hiện sự quan tâm đến nhau, qua nhiều hình thức: quà tặng, hoặc cử chỉ, hành động mang ý nghĩa từ trái tim đến trái tim... Hôm ấy, khi cả nhà xúm xít quanh bữa cơm tối, thấy cô cháu có vẻ bồn chồn, tôi hiểu ra nàng đang chờ bạn trai đến trong một dịp đặc biệt như vậy. Tôi bỗng bật hát vài câu trong bản nhạc xưa đó: "Mùa tình yêu đến đây rồi. Mùa tươi thắm cho đời, lời yêu thương vang khắp nơi..." Nào ngờ, cô cháu nói giọng trũng buồn: "Đi đừng hát nữa!" rồi lặng lẽ đi vào phòng riêng của mình. Thì ra, cậu chàng kia đã không tình tế trong một dịp để bày tỏ tình yêu, có lẽ do bù đầu với công việc mà không nghĩ tới chuyện, một nửa kia của mình đang mong ngóng - chỉ cần đến thăm với một cành hồng... vẫn được cơ mà!

Từ xa xưa, người ta đã đặt câu hỏi "Tình yêu là gì?" Tình yêu muôn màu, muôn vẻ được thể hiện qua những câu thơ, những bản nhạc đầy những cung bậc của lục tình (buồn, giận, thương, vui, yêu, ghét). Khi thương nhau thì "mấy núi cũng trào, mấy sông cũng lội..." Muốn mãi được

gần nhau như ảnh tuý hình (như bóng chẳng rời hình), đến nỗi trong giáo lý nhà Phật đã đề cập như vậy: "Đạo niệm nhược đồng tình niệm, thành Phật đa thì." (Nhớ đạo mà như nhớ tình, thành Phật đã lâu rồi!).

Khi bên nhau, những đôi tình nhân sẵn sàng trao nhau những câu ân tình sâu đậm "Tình cho nhau môi ấm", "Hãy trao cho nhau hạnh phúc lẫn thương đau"... Đang hạnh phúc ngập tràn, họ sẽ không bao giờ nghĩ đến hoặc tưởng tượng ra lúc phải chia tay, vì lý do này hoặc lý do khác. Tình yêu tan vỡ có màu của bi lụy, xám xịt "My love is grey", và nuôi tiếc rời nhau "Đừng xa nhau nhé, đừng quên nhau nhé! Đừng chia nhau núi cao, vực sâu..." Có những người nhớ thương người yêu đã lìa xa, thậm chí đã từ giã cõi đời như thế tình trạng "mồ cô bạn", một nỗi ngậm ngùi khôn nguôi.

Trong thân phận một con người, ở cái tuổi trời ngày càng cao, đất ngày càng gần, tôi cũng đã trải nghiệm những cung bậc tình cảm thông thường trong đời. Nhất là thời gian gần đây chứng kiến nhiều vấn nạn của nhân loại nói chung, tôi xin được gác lại những vấn đề cá nhân còn con của mình. Từ trái tim vẫn còn đập, tôi xin chấp tay nguyện cầu "Đường dài hạnh phúc, cầu chúc cho người..."



TRỞ VỀ MỤC LỤC

TÌNH PHÁP LỮ

Chuyến thăm bệnh chư Trưởng lão Nam California

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

Hôm nay thứ Ba ngày 4 tháng 01 năm 2022. Chư tôn đức về thăm HT Nguyễn Trí, HT Phước Thuận, HT Chơn Thành và HT Giác Sỹ đang lâm trọng bệnh. HT Tín Nghĩa bay từ Texas. HT Nhật Huệ bay từ San Jose. TT Thánh Minh bay từ New Mexico. Chư Tôn đức Tăng Ni và Phật tử ở Miền Nam Cali thì đi bằng xe. Tất cả gặp nhau lúc 11 giờ 30 trưa tại Văn Phòng Tổng Hội Cư Sĩ để bàn thảo cách nào Giáo Hội gánh vác Phật sự cùng Chùa Bát Nhã nếu chẳng may HT Nguyễn Trí không qua khỏi cơn đại bệnh hiện nay. Vì Chùa Bát Nhã là nơi đặt Văn Phòng Thường Trục của Giáo Hội.

Sau đó, Phái đoàn của Giáo Hội đi thăm, cầu nguyện, chia sẻ đạo tình với chư tôn đức đang lâm trọng bệnh. Những tấm lòng đã gặp nhau, hiểu nhau và tràn đầy cảm động cho nhau. (Sơn Tùng)





Viếng thăm Hòa thượng Thích Giác Sỹ tại giường bệnh



TRỞ VỀ MỤC LỤC

Sắc Hương Hoa Xuân

LAM NGUYỄN sưu tầm

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Chúng tôi có thói quen khi Xuân đến, Tết về lại tìm đọc thơ của tiền nhân. Nay đã vào thắp Chạp Tết, nơi đất lạnh Hoa Kỳ, nhìn ngoài sân chẳng thấy hoa mai mà tâm tưởng còn quay về quê cũ:

Tương túc y quan nhi chinh bá
Phục kỳ tứ hải dĩ vi xuân.

(Phan Sào Nam)

Thi sĩ Quách Tấn tạm dịch:
*Sửa khăn áo chỉnh tề kính lạ
Lại cầu mong bốn bể đều Xuân.*

Đất Seattle, chúng tôi chưa được từng thấy một cành mai tươi nào nhưng hoa đào thì phải chờ qua Tết ta mới thấy! Nói đến Xuân thì tiền nhân đã tả:

*Tháng năm theo gió rụng lần
Mùa xuân dân tộc lại gần gieo hương...
Ý xuân dậy khắp muôn phương
Thơ xuân thả rụng nẻo đường văn chương
Mở lòng cho phần hương vương
Cho xuân đời thắm cho trường giấy cười...
Lời hoa nở cánh đào tươi
Tờ hoa ý ngát gửi ai ai cùng...*

(Phạm Đan)

Thi sĩ Đông Hồ khi đọc bài thơ của nhà thơ Dương Siêu Hoàn đã hạ bút rằng Xuân nhân loại thăng bình, xán lạn như nàng Xuân vũ trụ:

*Vũ trụ đông nam có một nường
Lòng đầy đạo lý rộn yêu đương
Môi như vành nguyệt hôn vòm biếc
Mắt tựa vầng ô ghé cửa sương
Lưng thắt ngân hà đai ngũ đế
Tay vờn bắc đẩu ấm tam vương
Long hoa hội mở bao vui rộn
Tiệc họp muôn sao khách bốn phương.*

(Dương Siêu Hoàn)

Và sau đây là thơ của Trương Uẩn Ngọc:

*Nghe ý xuân về tự bốn phương
Mà lòng bối rối vạn tơ vương
Điêu hiu vườn vắng mơ hồng tía
Bát ngát trời cao mộng tuyết sương
Gió vút e phai hồn cảm hứng
Bụi lậm ngại vẫn suối yêu đương
Chứng mô đến xứ xuân kiều diễm
Được ngắm nàng Thơ đẹp nồn nường.*

(Trương Uẩn Ngọc)

Ở quê nhà Xuân đến còn thưởng thức Hoa Thủy Tiên:

*Nét điểm trang con tạo hóa khéo đa tình!
Nhụy kia vàng, hoa kia bạc, lá kia xanh
Trên mặt nước long lanh trời với bóng
Đố ai biết thần tiên biệt chủng
Mái hương giang mà tiên động tự nhiên thành
Vô tình mới thật hữu tình
Ơ người giới thiệu cho mình gặp tiên...*

(Phan Sào Nam)

Phan Ngọc Châu có những vần Thơ Xuân:
Phòng thơ xuân đến vẫn u huyền

*Thầm lặng hồn vương bóng dáng tiên
Vẫn mấy lần xuân đời vẫn nợ
Còn bao nhiêu tuổi chữ còn duyên
Mai ngời ánh tuyết niêm trong trắng
Tuyết tựa lòng mai nét dịu hiền
Thoang thoang hương hoa lòng lại nhớ
Lầu thơ kia với bóng thuyền quỳên.*

(Phan Ngọc Châu)

Và nhà thơ Tôn Thọ Tường tiếc núi người xưa cảnh cũ trong Chùa Cây Mai nên đã hạ bút:

*Cầm Vịnh Cây Mai Ở Chùa Cây Mai
Thương xót thân mai cách dưới đèo
Mười phần trong sạch phận cheo leo
Sương in tuyết đóng cành thưa thớt
Xuân tới thu về cảnh quạnh hiu
Lặng lẽ chuông quen con bóng xế
Tò le kèn lạ mặt trời chiều
Những tay rượu thánh thơ thần cũ
Trông cảnh bao nhiêu tiếc bấy nhiêu.*

(Tôn Thọ Tường)

Theo nhà thơ Đông Hồ: "Thi sĩ Tôn Thọ Tường đã bị đặt mình đúng vào vị trí đứng nhìn cảnh đau lòng đất nước. Dầu rằng, vì một lẽ này, hay vì một lẽ khác, Tôn đã đi theo với người đến rủ rê, nhưng mà, đối với cảnh cũ niêm xưa, lòng thi sĩ vẫn đau đớn y như mọi người đồng bối. Bài thơ CÂY MAI của Tôn Thọ Tường nói lên được nỗi thương tâm của người nghệ sĩ, trong giai đoạn lịch sử thương tâm. Bài thơ, vì thế, khiến cho người đọc dễ cảm thông tâm sự."

Và để kết thúc tâm sự về THƠ HOA XUÂN, chúng tôi xin mượn một vài bài trong Hồng Đức Quốc Âm thi tập đời Lê Thánh Tông:

HOA CÚC

*Nết na nhận khăn khác chưng loài
Chiếm được thu chơi ít có hai
Hương ắt chín nhiều vàng chín có
Tuyết đà không nhuộm bạc không phai
Ba đường Tường Hủ hồn thêm nhạt
Mấy phút Uyên Minh hứng chẳng dài
Mừng thấy trùng dương nên chẳng phụ
Muôn chung thời tiết chẳng đeo đai.*

Và bài

HOA MẪU ĐƠN

*Dưỡng cẩn vườn tiên của lạ đường
Trăm hoa tươi tốt đã khiêm nhường
Thức tươi chiếm được xuân thiên hạ
Giá trọng kham khoe đất lạc Dương
Khấp trong đời khen quốc sắc
Hơn chưng bạn khả hoa vương
Dù cho hay tốt hay cười nữa
Thấy mặt trong lòng những đoạ trường.*

Theo thi sĩ Quách Tấn có lời bình như sau: "Đó là sản phẩm của thời kỳ thơ Đường-luật mới phối thai... Cho nên, cổ nhân nói Hữu Cán Vô Ba = có cọng mà không có bông."



CHẶNG CUỐI

Chiếc Taxi đưa bà giáo già
 Vào nhà dưỡng lão
 Ghé lại ngôi trường tiểu học ngoại ô
 Bà lão thấy gì đây!
 Tường rêu lá úa
 Cô bé sún răng cười toét nháy cò cò
 Con bé lớn dần
 Chiều sương sớm gió
 Có những ngôi trường qua suốt tuổi thơ
 Cũng có bạn bè đôi trường đôi lớp
 Bạn hữu đi rồi
 Cũng có người ở lại
 Ở lại trọn đời chung bước chung đôi
 Những chiếc mũ đen tung lên
 Dưới tàng hoa phượng tím
 Nụ cười tươi ngời sáng buổi ra trường
 Chiếc taxi rẽ vào giáo đường lặng lẽ
 Ở đó ngày xưa
 Ở nơi ngày xưa!
 Hai bóng song song quì bên tượng Chúa
 Ngày tân hôn đẹp sắc nắng hoàng hôn
 Năm tháng đi qua
 Chan hòa hạnh phúc
 Đưa con gái chào đời quá đôi là vui
 Ngày con bé thôi nôi
 Người cha bước vào quân ngũ
 Từ đây chia xa
 Từ đây ngậm ngùi
 Chiếc taxi đưa tiếp cụ bà ra bến tàu lộng gió
 Mẹ bỗng con đưa tiễn người đi
 Lộp lộp người trai cùng đi ra biển
 Cùng đến chiến trường
 Xa tít Việt Nam
 Hai chữ Việt Nam
 Như lời nguyện trên đá
 Mà ngàn người trai đi mãi không về

Quan tài đi bên
 Hai hàng lính gác
 Gói kỹ vật về lại gia đình
 Mờ nhạt dấu quân bưu
 Người trở về
 Có khi chỉ là cái tên
 Có khắc năm sinh và ngày mất tích
 Tường đá đen sừng sững lạnh lùng
 Năm mươi tám ngàn tên người chi chít
 Ngần ấy gia đình
 Vĩnh viễn chia xa
 Những bàn tay trẻ thơ mò mẫm kiếm tên cha
 Vết khắc còn sâu trên mặt đá
 Tê tái lớp da gà
 Đứa bé lên ba
 Bên tiếng nấc nghẹn ngào người mẹ
 Ôi chiến tranh!
 Dấu chấm than lạnh lùng áo nảo
 Chiếc taxi dừng trước nhà dưỡng lão
 Bà cụ bước xuống xe
 Chặng cuối đây rồi!
 Bà đứng bồi hồi
 Đảo mắt nhìn quanh
 Lá úa mùa thu bay lá tả bên thềm
 Trong ví còn bao nhiêu tiền
 Bà đưa hết cho người tài xế
 Cười hiền hòa: cầm lấy mà tiêu!
 Tôi không cần nữa đâu
 Chặng cuối đây rồi!
 Người tài xế đứng ngậm ngùi
 Cho tới khi bóng bà cụ già khuất sau cánh cửa...

thơ HỒ THANH NHÃ

Ngõ thoát

(tức **Phương Trời Cao Rộng 3**)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**



VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

CHƯƠNG MƯỜI MỘT

(tiếp theo kỳ trước)

Một cái đầu ló vào cửa gió, nhìn thật nhanh rồi nói:

"Vĩnh Khang, chuẩn bị đi làm việc!"

Tôi vừa mặc xong áo quần đã có tiếng mở ổ khoá lách cách. Cửa sắt lại được mở ra. Ánh sáng bên ngoài lùa vào chói chang. Những người bạn tù ở các phòng chung quanh, sau các song sắt của những phòng tập thể, sau các cửa gió biệt giam, lấp ló nhìn tôi. Tôi muốn đảo mắt thật nhanh để xem có người nào quên không nhưng không kịp vị cán bộ thúc đi nhanh.

Ở đầu dãy hành lang, nơi bàn trực, Hùng và một công an lạ khác đứng chờ tôi. Không có Long. Viên công an lạ mặt ra dấu cho tôi bước theo. Hùng đi phía sau.

Hôm nay thứ Hai, không khí làm việc của trại có vẻ tập nập, đông đảo. Các phòng vẫn cung đều có người làm việc. Tôi được dẫn đi quanh một lúc để tìm phòng trống. Ước tính có khoảng ba mươi phòng vẫn cung.

Chờ tôi ngồi vào ghế rồi, viên công an kia mới lên tiếng, giọng Quảng Trị khá nặng:

"Tôi là Sơn, cán bộ của Sở công an thành phố Hồ Chí Minh. Tôi phụ trách việc thụ lý hồ sơ của anh, nhưng tuần qua tôi có

việc phải đi xa nên đồng chí Long làm việc thay tôi. Bây giờ tôi trở lại nhiệm sở, tiếp tục công việc mà đồng chí Long làm dở dở với anh. Coi nào, tôi với anh Khang cũng có duyên với nhau đó nghe. Không phải à, sao cười? Không tin tôi nói cho nghe, tôi vốn là một Phật-tử, phải nói rõ hơn nữa, một sinh viên Phật-tử thuần thành. Trước tôi học ở đại học Vạn Hạnh, học về Khoa học Xã Hội, nhưng tôi cũng có lấy mấy lớp về Phật học. Cho nên tôi cũng hiểu Phật pháp chứ đâu phải... không biết chi. Thầy Tuệ Sỹ và cô Trí Hải có biết tôi, thực đó. Anh còn trẻ dĩ nhiên là không biết tôi rồi, nhưng tôi thì nắm vững hồ sơ lý lịch cũng như mọi hoạt động của anh từ mấy năm nay. Cấp trên nghĩ tôi là Phật-tử lại có học giáo lý nhà Phật nên đặc trách tôi vụ mấy ông thầy chùa phản cách mạng. Tôi mệt với mấy ông lắm. Phải chi bảo tôi theo mấy ông vào chùa tụng kinh Phật, có phải là lý thú không, đảng này, cứ giao tôi theo dõi những báo cáo phản cách mạng của mấy ông. Phiền quá, tôi không làm sao hiểu nổi. Ở... anh là ông thầy trẻ quậy nhiều nhất từ mười năm nay. Hừ, làm việc tử thiện, ra báo chí, kết cấu thành phần phản động hải ngoại, vận động tẩy chay các trường Phật học của nhà nước, chống lại giáo hội của nhân

dân, tổ chức mặt trận đấu tranh đòi tự do nhân quyền, hợp tác với lực lượng Phục quốc có võ trang... Cũng khá nhiều việc đấy chứ! Hết việc này đến việc khác, thật bại chỗ này lại ló đầu ra chỗ kia, dường như anh chẳng muốn ở không thì phải! Không, nói vậy không có nghĩa là chúng tôi đánh giá cao con người anh hay những việc anh làm đâu. Thực ra, những gì anh làm cũng chẳng ra làm sao cả, chẳng phải cái gì to lớn khiến cho chúng tôi phải kiêng dè hay mất ăn mất ngủ! Có điều, việc anh làm trái với luật pháp hiện hành, cho nên phải có biện pháp với anh cho đúng thủ tục vậy thôi," Sơn ngừng lại một lúc, tăng hắng, rồi tiếp, "Đồng chí Long đã lấy cung anh hôm qua khá đầy đủ, và anh đã ký vào biên bản, nhận rằng có cộng tác với lực lượng Phục quốc của ông Trần Văn Lương qua một vài công việc như soạn thảo các tài liệu và văn kiện phản động, cố vấn việc làm máy quay ronéo bằng tay để in các tài liệu đó. Anh có muốn sửa chữa, đính chính gì về biên bản do đồng chí Long thực hiện thì cứ nói thật với tôi để hôm nay chúng ta lập biên bản kết cung."

Tôi im lặng một lúc rồi đáp:

"Không có ý kiến gì."

"Nghĩa là anh chấp nhận anh có phạm tội?"

"Tôi chấp nhận là tôi có làm những công việc ấy."

"Thì có nghĩa là anh phạm tội."

"Các anh là cán bộ nhà nước, nắm quyền lực trong tay, nói sao lại chẳng được. Các anh bảo có tội thì có tội. Nhưng bản thân tôi, tôi biết tôi làm đúng, đó là quyền của tôi."

"Làm đúng? Anh nói vậy mà nghe được sao?" Sơn xắn hai tay áo lên, gằn giọng nói, "bây giờ khỏi nói chuyện luật pháp nhà nước, mà cũng dẹp luôn cái chức năng cán bộ nhà nước của tôi qua một bên, tôi với anh hãy đứng ở cương vị những người phật-tử mà nói chuyện với nhau cho ra lẽ đi. Anh nói anh làm đúng, vậy tôi xin hỏi, tu sĩ Phật giáo có được quyền làm chính trị không?"

"Nếu anh muốn đứng ở cương vị hai người con Phật để nói chuyện với nhau, vậy anh khoan hãy cất vấn đề mà phải biết im lặng lắng nghe tôi trước cái đã, rồi có muốn góp ý gì thì thưa sau, vì tôi là một tu sĩ, còn anh chỉ là một phật-tử, phải không nào? Nay nhé, tôi muốn hỏi là anh có quy y Tam Bảo không vậy? Có từ hồi còn nhỏ à? Nhưng đến khi trưởng thành thì anh bỏ Phật để chạy theo Đảng? Vậy thì anh không phải là phật-tử. Anh đâu có tư cách để nói chuyện với tôi như là một người phật-tử nói chuyện với một người phật-tử khác. Cho nên, cứ việc ở cương vị cán bộ nhà nước của anh đi, và muốn kết tội gì tôi đó thì cứ việc. Khỏi cần phải mượn danh phật-tử này, phật-tử nọ, phiền chứ chẳng ích gì."

"Ừ thì cho là tôi không phải người phật-tử theo định nghĩa của anh, tức là người có quy y Tam Bảo, nhưng tôi có học Phật pháp ở đại học Vạn Hạnh, có đọc một số sách về Phật giáo, vậy tôi cũng có thể đứng ở cương vị một người hiểu biết về Phật giáo để nói chuyện với anh chứ, phải không nào?"

"Phật pháp là giáo lý thực hành, không thực hành thì sẽ không hiểu gì Phật pháp. Anh đã không quy y Tam Bảo, không thực hành giáo lý Phật, vậy anh lấy tư cách gì để nói chuyện với tôi về Phật giáo chứ?"

Sơn nổi sùng lên, ngồi chồm hổm lên ghế. Tôi buồn cười thấy hai đầu gối anh đưa khò mặt bàn. Sơn xằng giọng nói:

"Anh đừng có ngại biện tìm cách tránh né hay từ chối nói chuyện tay đôi với tôi về Phật giáo. Được rồi, cho là tôi không đủ tư cách phật-tử để nói

chuyện với anh, thì bây giờ tôi lấy tư cách một người thường dân có biết về Phật giáo hoặc có đi chùa nhưng không quy y Tam Bảo, được chưa?"

Tôi cười nhạt:

"Xin hỏi anh, trong khi tôi là một tu sĩ đang bình tĩnh, ngồi đàng hoàng ngay ngắn ở đây, có một thường dân đến đung tay đung chân, vất cả giò lên ghế, nói năng hùng hổ hung tợn, anh nghĩ người thường dân đó lấy tư cách nào để yêu cầu tôi tiếp chuyện?"

Sơn đỏ mặt ngồi sượng trân một lúc. Tuy vậy, anh không bỏ chân xuống vội, cứ để yên hai chân trên ghế, nói với một giọng mỉa mai, mỉa nhếch lên:

"Anh chỉ được cái tài biện luận quanh co, bắt bẻ người ta để tránh đối thoại thẳng vấn đề."

Nói đến đây, Sơn rút gói thuốc trong túi ra, lấy một điếu. Hùng tử bặc cửa bước vào, bật quẹt lửa cho Sơn. Lợi dụng động tác mỗi thuốc, Sơn mới chịu bỏ hai chân xuống khỏi ghế. Sau vài hơi thuốc trong im lặng, Sơn mới nói với giọng rất trầm tĩnh, đứng đắn:

"Theo tôi biết, tu sĩ Phật giáo hay của bất cứ tôn giáo nào, nếu xen vào việc chính trị, thì đều sai với giáo luật, phải không vậy anh Khang?"

Biết đã đúng lúc có thể nói chuyện, tôi chậm rãi nói:

"Nếu anh yêu cầu tôi đứng ở cương vị một tu sĩ Phật giáo để nói chuyện với anh, anh đừng có trách tôi nói những sự thật khó nghe nhé... Xin thưa với anh rằng, có một số giới luật giới hạn hoặc ngăn cấm việc tham dự các sinh hoạt thể tục đối với tăng sĩ Phật giáo. Nhưng giới luật trong Phật giáo không phải là những giới điều cứng nhắc bất di bất dịch. Cho nên, tùy theo trường hợp và hoàn cảnh mà tăng sĩ Phật giáo ứng dụng hành xử của mình. Có khi cũng biết nói dối để cứu người, có khi cũng biết *giết một mèo cứu vạn con chuột*... Những trường hợp đặc biệt mà một tăng sĩ buộc lòng phải phạm giới để cứu đời đó được cho phép trong Phật giáo, miễn là các hành vi đó đều được bắt nguồn từ lòng từ bi và không đi ngược với mục tiêu giải thoát giác ngộ. Riêng về các phật-tử, tức những người cư sĩ tại gia,

họ có quyền tham dự tất cả các sinh hoạt thể tục như những người thường dân khác trong xã hội; tuy nhiên, các sinh hoạt thể tục đó cũng phải phù hợp với tinh thần Phật giáo và không vi phạm vào các giới luật căn bản. Tóm lại, những người con Phật, dù là tại gia hay xuất gia, đều có quyền làm một điều gì đó trong xã hội để giúp đời."

"Vậy có nghĩa là họ có quyền làm chính trị à?"

"Làm chính trị là làm như thế nào? Có phải anh muốn nói một đường lối hoạt động nhằm nắm chính quyền hay cướp chính quyền thì tôi không ở trường hợp đó, và tăng sĩ Phật giáo không hề có cái tham vọng đó. Còn trường hợp thấy dân bị hà hiếp bởi nhà cầm quyền, bởi cường hào ác bá, địa chủ... hoặc gặp giặc nước ngoài xâm lăng đô hộ, anh nghĩ sao, tăng sĩ Phật giáo có nên ngồi yên mà nhìn không vậy? Không phải rằng lịch sử nước nhà đã từng ca tụng gương anh hùng và nghĩa cử cao đẹp của bao thiền sư Phật giáo trong các công cuộc kháng chiến giành độc lập tự chủ cho quê hương hay sao? Nếu ngồi yên mà nhìn áp bức bất công xảy ra hàng ngày cho những đồng bào vô tội thì lòng từ bi để đâu, thưa anh? Một người dân quê cặm cụi làm việc đồng áng khi thấy bất công cũng muốn ra tay can thiệp, nói gì tăng sĩ Phật giáo..."

Sơn ngắt lời bằng cách tuôn ra một tràng lý thuyết thuộc lòng:

"Nhưng những thứ mà anh nói: cường hào ác bá, địa chủ, ngoại xâm... bây giờ đã bị nhân dân ta, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của đảng và nhà nước, đánh bật ra khỏi quê hương từ lâu rồi ă. Còn những đau khổ, nghèo đói, bất công xã hội hiện nay nếu có và nếu còn, anh biết nó đến từ đâu không? Tất cả đều là cái hậu quả để lại của bọn đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai. Anh không biết được rằng mười năm nay, chúng tôi ra sức xây dựng, kiên thiết biết bao công trình để hàn gắn lại bao đổ vỡ tang tóc của chiến tranh hay sao? Dù gặp bao khó khăn tàn tích của Mỹ - Ngụy để lại, chúng tôi cũng cố gắng khắc phục, vượt qua, giải quyết được nạn thất nghiệp, đói kém, cơm ăn, áo mặc, nhà ở cho từng tầng lớp nhân dân... Đất nước ta đang trên đà phát triển. Âm no hạnh phúc chắc chắn

phải có, chỉ nhanh hay chậm mà thôi. Trong khi chúng tôi đang nỗ lực xây dựng như thế, các anh đứng lên đấu tranh, đòi cái gì? Độc lập? Tự do? Dân chủ? Ôi trời, tưởng đòi cái gì mới lạ! Anh tưởng chúng tôi không biết những thứ đó là quí giá sao? Chẳng phải Bác Hồ từng nói cái câu bất hủ về giá trị của độc lập tự do sao chứ? Anh không thấy rằng nền độc lập và quyền tự do của đất nước, của nhân dân đã được khôi phục từ khi Mỹ-Ngụy bại trận thê thảm ngày 30/4/1975 hay sao? Thế thì đấu tranh đòi cái gì đây? Chuyện đấu tranh của tầng sĩ Phật giáo trong quá khứ sử dĩ được lịch sử ghi nhận và ca tụng là vì họ làm đúng thời, đúng cảnh. Mất chủ quyền nên đứng lên đòi chủ quyền, giặc ngoại xâm tràn đến nên bỏ chùa mà đi kháng chiến... Còn bây giờ, có thiếu cái gì, có mất cái gì nữa mà đòi, mà đấu tranh? Đấu tranh trong giai đoạn này chẳng khác gì các anh muốn mở cửa cho đế quốc, tay sai quay trở lại mà xâm lược vậy! Anh không thấy đó là sự thực à? Sao anh cười?"

"Chuyện xây dựng đất nước, tất cả người dân đều nghĩ đến và muốn góp phần, đâu phải cần có Đảng và Nhà nước lãnh đạo thì dân mới ý thức. Ba mươi năm trước, đất nước xâm miền vừa đánh nhau vừa xây dựng nên cứ lách dậm chân một chỗ, chẳng tiến được xa thì lý do cũng đã khá rõ. Nay chiến tranh chấm dứt, toàn dân dốc lòng muốn kiến thiết xứ sở, xây dựng một quốc gia cường thịnh, ấm no, hạnh phúc... thì chính nhà cầm quyền hiện tại phải lo làm bốn phần là điều động và hỗ trợ nhân tài, vật lực để thực hiện các công trình đó. Đảng này, thực tế cho thấy, từ chủ trương trả thù cho đến hệ thống công an chẳng chặt khắp nơi để kiểm soát và trấn áp nhân dân, đã biến đất nước này thành một trại tù khổng lồ giam hãm bao nhiêu nhân tài và ý lực tinh hoa của dân tộc. Các anh nói là đem độc lập tự do đến cho nhân dân, nhưng nhân dân chỉ thấy độc lập tự do ở trên vách tường, trên các tấm biển lớn, phô trương đầy đường phố như những bích chương quảng cáo. Còn hiến pháp ư? Thấy bán đầy ngoài tiệm sách, nhưng chỉ là loại bỏ túi để cán bộ nhà nước tiện bề lôi ra mà chứng minh cái nền tự

do tưởng vách kia mà thôi. Còn những công trình nào anh nói là thành tích xây dựng của mười năm sau giải phóng? Các cơ quan và trụ sở công quyền, các trường đại học, trung, tiểu học công và tư... thì miền Nam đã có sẵn, nhà nước chỉ việc tiếp thu thôi. Rồi từ các công thự của chính quyền trước để lại, nhà nước sửa lại thành viện bảo tàng chiến tranh và tội ác Mỹ-Ngụy, trại tập trung cải tạo và những nhà giam kiên cố? Những thứ đó có nên gọi là những công trình qui mô đem lại hạnh phúc thiết thực cho nhân dân không vậy? Nằm trọn quyền trong tay mười năm nay các anh chỉ làm được có bấy nhiêu chuyện đó và cho là đáng kể nhất vì chúng chứng minh quyền lực và sức mạnh của đảng và nhà nước? Hay anh muốn kể công về những cửa hàng ăn uống, những trung tâm giải trí văn nghệ và thể thao? Nếu đó cũng là thành tích xây dựng thì các anh coi thường sự hiểu biết của nhân dân quá. Thời Pháp đô hộ, họ cũng chủ trương lập các hội quán thể thao, cổ động các phong trào vui chơi văn nghệ để cuốn hút thanh niên thành phố lao vào đó mà quên đi thực trạng đau thương của một nước thuộc địa nô lệ. Các anh có khá hơn họ chút nào đâu chứ? Lốp sơn bề ngoài dù có nguy tạo khéo léo cách mấy cũng chỉ là nguy tạo. Các anh sống và làm việc ở Sài Gòn nên cố tình lấy bối cảnh Sài Gòn để chứng minh thành quả mười năm xây dựng của nhà nước xã hội chủ nghĩa. Nhưng thực ra, Sài Gòn vốn là thành phố đã được hình thành và ổn định, có được nét riêng độc đáo của nó từ những năm trước 1975. Các anh chỉ tiếp thu và bòn rút sinh lực còn lại của nó để xây dựng thủ đô Hà Nội và các thành phố miền Bắc mà thôi. Anh là dân sống ở Sài Gòn, anh biết rõ mà phải không? Các anh có làm đẹp thêm gì cho Sài Gòn từ mười năm nay đâu! Vậy đó, rồi các anh cứ giả đồ, cứ phớt tình, làm như thể các anh tin rằng đất nước đang tiến bộ, đang được xây dựng! Nhìn Sài Gòn, giả đồ hãnh diện với Sài Gòn như là thành tích xây dựng của nhà nước xã hội chủ nghĩa, các anh cố tình không biết đến những thực trạng cùng khổ

của nhân dân ở khắp trong nước. Hàng ngày, các anh quanh quẩn trong các nhà hàng, các chỗ nhậu nhẹt, bên tách cà phê có nhạc xập xình, bên các cửa hàng ăn uống nguy nga một cách không cần thiết, trên những đường phố ngập xe gắn máy nhập cảng bòn rút từ túi tiền của Việt kiều hải ngoại gởi về, làm sao có thể cảm thông được sự đói lạnh của hàng triệu đồng bào sống lầy lắt, vất vưởng như những con ma đói, như những con khỉ cụt đuôi man rợ, mót từng củ khoai lột lòng tại các vùng biên địa căn cõi mà có đại còn chê xấu không chịu mọc. Kinh tế mới đó, mới từ mười năm nay mà vẫn còn phải ăn khoai ăn bắp trừ bữa. Mới suốt mười năm nay rồi mà trẻ em ở đó vẫn chưa đánh vần được hai chữ *Việt Nam*, không biết cách cầm cây bút, không biết đi xe đạp, không biết bất cứ trò vui chơi nào trên đời; năm này tháng nọ lơ láo đôi mắt mà thèm, mà khát cọng rau với hạt bắp. Các anh làm sao mừng tượng ra được thảm cảnh đó trong khi tập đoàn các anh ngày ngày hưởng thụ nền văn minh, tiến bộ nhảy vọt của chủ nghĩa xã hội trên trời, trên mây, xa cách muôn trùng với xã hội ăn mày của nhân dân tro xương, bụng ông nhan nhản khắp nơi trong nước. Họ có ở đâu xa xôi, trước mắt các anh đó thôi. Nhưng các anh làm bộ không thấy, hoặc đã bị cái hào nhoáng vinh quang của chủ nghĩa và đế quốc ưu việt làm cho mờ mắt đi rồi."

Sơn đập bàn, đứng dậy quát:

"Anh chỉ nhìn thấy hiện trạng hôm nay mà không xét vấn đề ở những nguyên nhân khách quan. Mỹ-Ngụy rút đi để lại một đất nước tan hoang, với bao nhiêu đổ vỡ, bao nhiêu tệ nạn. Tiếp thu miền Nam, chúng tôi phải đưa vai gánh lấy những đổ vỡ đó. Những gì anh phản ánh cũng chỉ là những hậu quả, những cái sót lại do sự phá sản của bọn Mỹ-Ngụy đấy thôi."

"Nãy giờ anh cứ lập luận đó, vẫn cứ đổ thừa cho Mỹ này Ngụy nọ. Tại sao không bắt đầu mọi việc từ năm 1975? Tại sao không nói về mười năm xã hội chủ nghĩa! Gát bỏ hết những Mỹ-Ngụy gì đó của giai đoạn trước, đất nước hiện nay nằm trong tay các anh, những người cộng sản,

các anh đã làm gì? Mà thực ra, vấn đề chính tôi muốn nói, không phải ở chỗ xây dựng kiến thiết những dinh thự, những nhà cửa, đường sá kiêu lộ... Đó là những thứ các anh tự hào, hãnh diện khoe khoang như là thành tích xây dựng, chứ tôi và nhân dân chỉ mong đợi sự xây dựng kiến thiết khởi đầu từ mặt tinh thần. Khi tinh thần được ổn định, củng cố và hòa hợp rồi thì có công trình kiến thiết nào mà không làm nổi! Đàng này, từ bốn mươi năm cho miền Bắc và mười năm cho miền nam, các anh chỉ có thành tích lũy lừng nhất là lấy vũ lực để kiểm tỏa nhân dân, thúc đẩy và cổ xúy những phong trào đấu tố, trả thù, gây sự hoà nghi, dè dặt, thủ thế, có rít trong tâm lý từng người. Cả nước sống trong bất an lo sợ, chẳng ai tin ai, như thế thì còn nói gì đến chuyện xây dựng. Các anh giành hết mọi thứ quyền, từ những quyền tự do căn bản cho đến những quyền tự do thượng đẳng mà chỉ có những ông hoàng bà chúa ở các nước quân chủ thời trung cổ mới có được, từ độc quyền yêu nước theo khuynh hướng xã hội chủ nghĩa cho đến quyền xây dựng đất nước theo ý mình, cho đến quyền thưởng phạt nhân dân một cách tùy hứng và tùy ý. Với cái quyền vô giới hạn đó, các anh giam nhốt tất cả những ai lên tiếng nhắc nhở hoặc muốn trình bày những đường hướng xây dựng đất nước theo cách khác. Vậy đó, hiện trạng đất nước là như thế; và sở dĩ tôi, một tăng sĩ Phật giáo, sớm ngày lo việc kinh kệ công phu ở chùa, lại phải dẫn thân vào con đường đấu tranh là cũng vì thế. Nếu anh đã từng là Phật-tử hay chỉ là người hiểu biết chút Phật pháp gì đó, hẳn anh phải khuyến khích tôi làm việc nghĩa, phải không? Tôi đâu có làm chính trị. Tôi chỉ làm việc nghĩa. Thấy bất bình thì phải lên tiếng can thiệp, vậy thôi."

Sơn xoa tay, nói nhanh:

"Thôi đủ rồi. Anh có thành kiến với chúng tôi quá, chẳng làm sao mà nói cho cùng lý được với anh đâu. Tốt hơn cứ để anh có thời gian để suy nghiệm lại."

Tôi cười:

"Tôi cũng mong rằng trong khi tôi có cơ hội để suy nghiệm kỹ lưỡng hơn về những vấn đề của đất nước thì ở ngoài xã hội, các anh cũng dành thì giờ để suy

nghiệm lại những gì tôi nói. Như vậy thì buổi nói chuyện này giờ không đến nỗi vô ích."

Tôi vừa nói đến đó, bỗng thấy Long đến, đứng nơi cửa, đòi nói chuyện riêng với Sơn. Sơn bảo Hùng đứng lại coi tôi, rồi Sơn đi theo Long. Hùng đứng lại một mình với tôi ở phòng vận cung, có vẻ không yên, duỗi tay duỗi chân, xoay qua xoay lại. Một lúc, anh ngó tôi, cười thần thiện:

"Anh Khang hút thuốc không?"

"Không, cảm ơn," tôi đáp.

Hùng đốt thuốc rồi hỏi với giọng tự nhiên:

"Chắc anh Khang trước giải phóng đã học đại học rồi phải không?"

"Không, lúc đó tôi còn là học sinh trung học đệ nhị cấp."

"Vậy sau giải phóng thì sao? Anh có đi học ở đâu cho đến khi vào cao đẳng ở Già Lam và Vạn Hạnh?"

Tôi giật mình vì Hùng biết về tôi khá rõ, nhưng nghĩ lại thấy cũng chẳng có gì lạ: Hùng là công an trinh sát, cùng Sơn, Long và đồng đội khác theo dõi tôi lâu nay, hẳn anh phải biết phần nào đó về tôi. Tôi đáp:

"Chắc anh cũng biết cả rồi, mãi đến năm 1980 tôi mới được học tiếp ở Già Lam."

"Vậy hả? Anh học cho tới khi lớp Già Lam tan rã vì vụ Tuệ Sỹ?"

"Không, tôi đi kinh tế mới trước vụ đó hai năm."

Hùng im lặng một lúc, rồi lại nói:

"Xếp Sơn là Trung tá, trưởng phòng chính trị của Sở công an thành phố Hồ Chí Minh. Xếp khó tính có tiếng, vậy mà ông ấy chịu để anh Khang nói chuyện tự do, thoải mái, hẳn là ông cũng nể anh lắm, ông chẳng nói ra đó thôi. Ông ấy cố tình khơi chuyện cho anh Khang nói, chắc anh Khang cũng biết, phải không? Không phải là cạm bẫy gì đâu, chỉ vì bản thân ông ta muốn nghe những ý kiến, những quan điểm gì khác với chủ trương của nhà nước... cho đỡ chán đó mà. Tôi nghĩ, sở dĩ ông ấy cứ khăng khăng nói một chiều nghịch ý với anh Khang, chắc anh cũng biết, là vì ở cương vị một cán bộ cao cấp, ông ấy phải như vậy thôi; phần khác, vì có tôi đứng đây, ông ấy không thể nói gì ngoài chủ trương cả. Thực

ra, lâu lâu nổi hứng lên trong một bữa nhậu, ông ấy nói hăng say lắm, có khi chửi tùm lum, chửi từ trên xuống dưới... và nếu có lý luận đôi co với ai, ông ấy chẳng khi nào chịu thua đâu. Khi này, ông ấy cố vẻ đuối lý với anh là vì ông nói mà không tin những gì ông nói, còn anh thì lại tin tưởng mãnh liệt vào những gì anh nói ra. Khác nhau ở chỗ đó." Hùng dụi diều thuốc dưới đất bằng cách lấy gót giày nghiền tới nghiền lui một lúc.

Tôi lấy làm lạ là Hùng đã nói chuyện thật cởi mở với tôi như thế. Hùng rõ có phải Sơn già đồ đi ra ngoài để Hùng tự do nói như vậy không. Họ muốn gài cái bẫy gì đây? Hùng thành thật quá thì lại khiến tôi hoang mang, dè dặt.

Hùng vừa dụi thuốc nhưng liền sau đó, lại móc gói thuốc trong túi ra, lấy một diều khác đưa lên môi, bật lửa, rồi nói tiếp, giọng vẫn có vẻ thân mật và hứng khởi:

"Anh Khang tuổi trẻ thật nhỉ. Hồi đó nghe nhắc tên anh, tôi cứ tưởng anh cỡ tuổi xếp Sơn hay xếp Long đấy chứ. À, tôi có một thắc mắc này muốn hỏi anh Khang... Không phải chỉ mình tôi thắc mắc không thôi, mà cả mấy đồng chí trong đội trinh sát của tôi nữa, cũng bàn tới bàn lui cái điểm này ghê gớm lắm. Nhưng không ai đoán ra nổi, cứ nói với nhau, khi nào gặp anh Khang rồi thì ra lẽ chứ khó khăn gì. Vậy đó mà tưởng sẽ không gặp anh. Mấy tháng rồi chứ đâu phải chơi! Nhưng cuối cùng thì... anh cũng vào đây. Tôi hỏi anh được không? Cái này chẳng phải vấn đề đâu, tôi không có trách nhiệm vấn cung hay lập biên bản gì hết. Chỉ xin hỏi riêng ngoài lề: anh còn nhớ cái hôm Tết Tầu năm nay anh ở đâu không? Để tôi gợi lại cho anh nhớ nghe. Năm nay chúng ta ăn Tết trước lịch Tầu một tháng. Vào Tết ta, tổ chức Phục quốc của ông Lương bị đổ vỡ ở Long Thành, lúc ấy anh vẫn còn ở Long Thành ăn Tết. Vào đó, anh rời Long Thành về Sài Gòn... ở đâu đó thì tôi không biết, nhưng cuối cùng, vào những ngày cận Tết Tầu, tức là một tháng sau đó, anh đang ở nhà của bà Bạch Mai, anh nhớ chưa? À, nhớ hả. Vào đúng đêm ba mươi Tết của Tầu, cho đến 9 giờ tối, anh vẫn còn ở đó. Nhưng rồi 10 giờ, chúng tôi vào lục soát thì lại

không có anh. Chúng tôi bao vây, canh gác nhà bà Bạch Mai từ bốn hướng, cho đến trên lầu của hai nhà hàng xóm, chúng tôi cũng có người trực sẵn ở đó. Canh gác từ sáng sớm ngày ba mươi cho đến tối, không bỏ hở giây phút nào. Vậy, anh đừng cười nhé, xin hỏi, lúc đó anh đang ở đâu, đi ra đường nào, ẩn trốn bằng cách nào mà chúng tôi không thấy? Hay là anh thực sự không có trong nhà bà Bạch Mai?"

Tôi cười:

"Cha, anh ép tôi quá nha! Nếu tôi nói ra, tôi được cái lợi gì đây, trong khi đó anh sẽ học được thêm một kinh nghiệm để bổ rập mà bắt người khác?"

Hùng xoa tay:

"Không, kinh nghiệm đó thì nói thiệt với anh, tôi đủ tay nghề rồi anh Khang à. Chỉ hơi thắc mắc là tại sao lúc đó cứ đinh ninh là phen này chắc chắn sẽ mời được anh Khang đi, thế mà lại sẩy! Tôi muốn biết thật đó..."

Tôi bỗng nảy ý muốn mặc cả với Hùng, liền nói:

"Nếu tôi cũng có một thắc mắc, anh có thể nói tôi nghe không?"

Hùng ngập ngừng một lúc:

"Miễn là đừng dính dấp đến... cái vụ của anh là được. Không, ý tôi muốn nói, có những chuyện tôi không thể hứa được, vì nó có thể đi ngược lại chủ trương, trái với trách nhiệm... nhưng anh Khang cứ nói đi, có thể tôi giải đáp được."

Tôi định hỏi Hùng có phải nhờ có Hân báo cáo nên công an biết được tôi ở nhà bà Bạch Mai mà vây bắt, rồi cũng nhờ Hân, với sự cộng tác của ông thầy Tư, mà công an theo dõi bắt tôi ngoài đường vào ngày hôm qua. Nhưng liền ngay sau đó, tôi đổi ý. Tôi không cần muốn biết sự thật nữa. Tôi tự nhủ, "đã bảo là vui vẻ chấp nhận thì còn truy tìm manh mối làm gì nữa. Biết được vấn đề ấy, có lợi gì cho những ngày tù sắp đến?"

Thấy tôi im lặng, Hùng khích lệ:

"Anh Khang cứ hỏi đi, có thể tôi biết được chút gì."

Tôi xoa tay nói:

"Không, cảm ơn. Không cần nữa. Thôi, anh cứ nói chuyện anh."

Hùng ngập ngừng một lúc:

"À, như tôi nói khi nãy, đội trinh sát chúng tôi lúc ấy ai cũng chắc chắn là sẽ bắt... ừ... chắc

chắc chắn là có anh Khang trong nhà bà Bạch Mai, vậy rồi... khi không mà anh biến dạng. Phải chăng có một sự mâu thuẫn nào đó, ý tôi muốn nói... thời nay có thể những người ở chùa như anh vẫn còn xài một số bùa chú hay pháp thuật gì đó? Nói nhanh đi, ông Sơn sắp trở lại rồi kia."

Tôi bật cười không nói vội. Thực ra tôi có phép thuật gì đâu. Đêm ấy, biết bị bao vây tứ phía, tôi đánh liều nhờ Lan, một thiếu nữ tá túc tại nhà bà Bạch Mai để học may, đưa tôi đi ra bằng ngõ sau. Ngõ này phải đi vòng vo một lúc qua những hẻm tối rồi mới ngang trước mặt hai anh công an đậu xe gần máy ngồi gác dưới cột điện. Tôi nói trước cho Lan biết rằng Lan phải đóng kịch là tình nhân của tôi. Lan đỏ mặt nhưng rồi cũng vui vẻ dẫn đường tôi đi. Từ xa, thấy hai anh công an ngồi hút thuốc, tôi nắm lấy bàn tay Lan, nói nhỏ: "Lan nói cái gì cho tự nhiên đi, công an ở phía trước kia, mình phải đi ngang họ đó." Lan ừ hử, nhưng cũng chưa nghĩ ra được câu gì hay thái độ nào để đóng kịch. Mãi lúc đến sát trước mặt hai anh công an, Lan mới nín lấy cánh tay tôi, nói giọng thân mật một cách tài tình: "Bây giờ coi xi nê chắc trễ lắm rồi, hay mình đi ăn chè rồi về, chịu không?" Tôi không biết nói gì, chỉ ừ rồi cùng Lan lướt qua mặt hai anh công an. Đi một khoảng xa, tôi cúi xuống sờ sửa đôi giày xăn-đan để nhìn lui, thấy hai anh công an vẫn ngồi yên, không chú ý gì. Vậy là tôi thoát.

Tôi tùm tùm nói với Hùng:

"Tôi đi ra cửa hàng hoang, chỉ tại các anh mở mắt nên không thấy mà thôi... Nhưng mở mắt trong chuyện bắt dân chẳng quan trọng gì đâu anh Hùng à, chỉ sợ là mở mắt trong chuyện trị dân mà thôi," tôi nói với Hùng như thế.

Tôi vừa dứt lời, Sơn và Long cũng vào đến. Vừa ngồi vào chỗ, Sơn nói ngay:

"Hành vi phạm tội của anh đối với nhà nước đã quá rõ ràng, tạm thời không có điều gì còn khúc mắc. Bây giờ, tôi lập biên bản kết cung."

Biên bản do Sơn lập, vẫn tắt rằng tôi soạn thảo tài liệu cho lực lượng Phục quốc của ông Lương. Lỗi kết tội của biên

bản này cũng không khác gì với biên bản của Long đã lập và tôi ký trước đây. Cũng không thấy Sơn đá động đến các hoạt động khác của tôi trước đó. Có lẽ nội chuyện cộng tác với lực lượng Phục quốc đã đủ để kết tội, nên họ không cần phải lôi vào vụ từ thiện xã hội để rồi làm rộn lên thành vụ án của nhiều Tăng Ni phật-tử khác - vốn là vấn đề tế nhị mà nhà nước cố gắng tránh né được chừng nào tốt chừng đó; còn Hội Lạc Long, họ không ghi vào biên bản kết cung có lẽ là do hội đó có mặt Hân, đặc tình của họ - họ không muốn đưa Hân vào biên bản để rồi lại sinh chuyện rầy rà với công an của tỉnh Đồng Nai và cũng có thể là tránh sự đụng chạm nghi kỵ của tôi với Hân.

Tôi ký tên vào biên bản. Hùng đưa tôi về chỗ bàn trực của dãy C3. Khi cán bộ trực xách xâu chìa khoá nặng nề đưa tôi trở về phòng giam, đi ngang phòng biệt giam số 2 ở đầu dãy, bỗng nghe tiếng một người gọi tôi từ trong cửa gió:

"Khang!"

Tôi ngước lên, thấy thầy Thiện Đặc, một người bạn tu của tôi, người mà cách đây vài ngày công an đến bắt tại chùa Pháp Hoa gần trường đại học Vạn Hạnh cũ mà chẳng biết bị bắt vì tội gì.

Tôi chỉ kịp nhìn thấy khuôn mặt xương xẩu, khắc khổ của Thiện Đặc. Và tôi chợt nhớ rằng chính thầy ấy là người đã tụng thần chú Lăng Nghiêm hồi khuya. Một mối xúc cảm dâng lên trong lòng tôi. Thiện Đặc đã làm gì để công an phải bắt? Từ Phụng Đạo đến Lạc Long, rồi Phục quốc, chẳng có tổ chức nào Thiện Đặc tham gia cả. Thiện Đặc chỉ là một người bạn của tôi, có lên kinh tế mới sống với tôi ba tháng vào mùa hè năm 1984, vậy thôi. Phải chăng chỉ vì quen biết và giao tiếp với tôi mà Thiện Đặc phải vào tù?

Tôi thờ dài bước vào phòng giam, cảm thấy buồn hơn lúc nào hết.

(mời đọc tiếp Chương 12 kỳ báo sau)

MỘT LÝ DO CÓ Ý NGHĨA

(Đây là câu chuyện có thật được kể lại bởi một người bỏ thuốc lá thành công)

Y TẾ CỘNG ĐỒNG

Nelson Mandela từng nói: "Nếu bạn nói chuyện bằng ngôn ngữ mà người nghe hiểu được, điều bạn nói sẽ được lắng nghe bằng lý trí. Nếu bạn dùng chính ngôn ngữ của họ để trò chuyện, điều bạn nói sẽ được cảm nhận bằng con tim của họ." Và Dawn là một trong những người có khả năng trò chuyện bằng ngôn ngữ của người nghe giỏi hơn bất cứ ai. Cô là nhân viên tư vấn giúp cai thuốc lá và thuốc lá điện tử giàu kinh nghiệm với tinh thần vui vẻ và lạc quan như chính tên cô (danh từ "dawn" trong tiếng Anh có nghĩa là "bình minh"). Cô đang làm việc cho chương trình Kick It California, trước đây có tên gọi là California Smokers' Helpline và cô đã đạt nhiều thành công trong việc ủng hộ và khích lệ tinh thần để giúp những người bỏ hút thuốc.

Cô bắt đầu công việc tư vấn cai thuốc lá vào tháng 5 năm 2006 sau khi kết thúc công việc trước đó của cô là làm cho chương trình hướng dẫn cách nuôi dạy con cái. Lúc đó vẫn chưa có thêm một chương trình giúp cai thuốc lá nào dựa trên kết quả nghiên cứu để phục vụ cho cộng đồng Á-châu nói tiếng Hoa, Đại Hàn, và Việt Nam tại Hoa Kỳ.

Cô Dawn là người đã từng hút thuốc lá và thành công trong việc bỏ hút vĩnh viễn. Suốt nhiều năm làm việc trong vai trò là nhân viên tư vấn cai thuốc lá, cô đã đảm nhiệm chức vụ giám sát các nhân viên tư vấn trong khoảng 5 năm, và sau cùng thì quyết định trở lại công việc tư vấn vào lúc cô sắp đến tuổi nghỉ hưu. Hiện tại cô vẫn hăng say với công việc giúp người hút thuốc từ bỏ thói quen này.

Ngoại trừ những người hút thuốc lá từng được cô giúp tư vấn, ít ai biết được cô đã từng hút một gói thuốc lá mỗi ngày trong nhiều năm liền. Cô cũng đã hút thuốc trong cả ba lần mang thai, nhiều lần cố gắng thử bỏ rồi hút trở lại trước khi

có thể bỏ được vĩnh viễn. Nếu không vì hàng triệu người nỗ lực cai thuốc muốn thấp lên ngọn lửa ý chí thay vì mỗi điều thuốc thì câu chuyện về hành trình bỏ hút thuốc của cô sẽ vẫn là một kỷ niệm riêng tư.

Cô còn nhớ rõ những tuần lễ trước khi bỏ hút thuốc hẳn, cô hút từ 2 đến 3 gói thuốc mỗi ngày mà không biết vì sao, có thể là do những cơn thèm liên tục. Cô còn sử dụng kẹo gum nicotine (một loại dược phẩm giúp cai thuốc lá) trong hai ngày nhưng rồi không thích cách này. Chính kết quả xét nghiệm sức khỏe có nhiều nghi vấn của chồng cô vào thời điểm đó đã tạo nên một bước ngoặt cho cô. Cũng vì bệnh tình của chồng cô chưa rõ ràng mà bác sĩ yêu cầu ông ấy cần làm lại xét nghiệm để có thể chẩn đoán được chính xác hơn. Ông ấy đã từ chối làm theo hướng dẫn của bác sĩ.

Dawn biết rằng cô chỉ có thể thay đổi bản thân cô, vì vậy cô yêu cầu chồng ủng hộ tinh thần để cô thực hiện điều cô nên làm. Cô kiên trì khích lệ chồng theo lời khuyên của bác sĩ để làm lại xét nghiệm chẩn đoán bệnh. Cùng lúc đó, cô sẽ bỏ hút thuốc lá và cô đã làm được điều đó, một cách dứt khoát, chỉ trong vài ngày sau khi cô khuyên chồng làm lại xét nghiệm. Xuất phát từ tình yêu thương dành cho chồng, hành trình bỏ hút thuốc của cô đã đến được mục đích sau cùng. Cô đã bỏ hút thuốc với ý chí mạnh mẽ hơn bao giờ hết và chẳng còn ý niệm về hút thuốc trở lại.

Quá trình bỏ hút thuốc của cô xảy ra nhanh đến mức cô không kịp nhận ra bằng cách cụ thể nào mà cô làm được vậy vào lúc đó. Bây giờ cô đang tận hưởng cuộc sống khỏe mạnh không khói thuốc và hài lòng với công việc hằng ngày, đồng thời cũng là lúc dễ dàng hơn để cô có thể suy ngẫm về câu chuyện bỏ hút thuốc của mình và hiểu ra rằng cô đã tìm được một lý do ý nghĩa để thúc đẩy cô cai thuốc. Đó chính là tình yêu sâu sắc dành cho chồng đã giúp cô có nhiều quyết tâm hơn. Chính sự quan tâm tận tình dành cho sức khỏe của chồng đã trở thành động lực mạnh mẽ thúc cô không hút thuốc trở lại.

Là người từng hút thuốc, Dawn công nhận rằng nhiều người hút thuốc có thể cảm thấy việc cai thuốc là khó khăn nhưng điều này vẫn có thể làm được với tinh thần quyết tâm cao và sự chuẩn bị chu đáo. Là nhân viên tư vấn cai thuốc lá có nhiều kinh nghiệm, cô hạnh phúc khi được lắng nghe và đồng cảm với người hút thuốc về những hoàn cảnh cảm dỗ để có thể giúp họ lập kế hoạch cai thuốc phù hợp với riêng họ vì một lý do tốt đẹp. Cô vẫn còn nhớ câu chuyện về một trong những người hút thuốc lá được cô tư vấn cai thành công. Người này cứ bần bĩ cai hết lần này đến lần khác liên tục cho đến khi sự kiên trì vượt lên những cơn thèm liên tiếp.



Thình thoảng Dawn chia sẻ với người hút thuốc kinh nghiệm bỏ hút thuốc của chính mình với câu hỏi chân thành: "*Bạn có yêu thương bản thân mình hay một người khác đủ để có thể từ bỏ điều thuốc không?*" Cô thường tạo sự hứng khởi trong tâm cho người hút thuốc được cổ vũ vượt qua điều thối và sẵn lòng chia sẻ câu chuyện của mình để khơi dậy ý chí của họ. Cô hướng dẫn họ chuẩn bị tinh thần để đối phó với những cảm giác khó chịu trong khi cai và luôn nhắc họ rằng những cảm giác đó chỉ là tạm thời và sau đó là đời sống lành mạnh.

Trải qua bao thăng trầm trong cuộc sống, cô chưa bao giờ đánh mất nụ cười lạc quan trên gương mặt dễ mến vì cô biết rằng những người đồng nghiệp và những người hút thuốc tìm đến sự giúp đỡ của cô luôn cần nụ cười vui vẻ đó để thắp lên ngày mới cho cuộc sống không còn khói thuốc. Dawn có thể tự hào rằng cô ấy bỏ hút thuốc là không chỉ với quyết tâm mạnh mẽ mà còn làm điều đó bằng cả trái tim. Kết quả tích cực từ điều cô đã làm không những là niềm vui dành cho riêng cô, gia đình và bằng hữu của cô mà còn dành cho nhiều người hút thuốc được cô giúp cai và nhiều người hút thuốc còn gặp khó khăn chưa thể bỏ được sau khi họ đọc được câu chuyện tốt đẹp của cô.

Chương trình Kick It California có các nhân viên tư vấn nhiệt tình được đào tạo chuyên nghiệp như Dawn, nói tiếng Anh và tiếng Tây Ban Nha. Bên cạnh đó còn có thêm những nhân viên nói tiếng Việt, tiếng Hoa, và tiếng Đại Hàn phục vụ

qua điện thoại cho tất cả mọi người cần sự giúp đỡ để cai thuốc bằng những ngôn ngữ này thông qua Asian Smokers' Quitline (ASQ), một dịch vụ được điều hành qua Kick It California.

Hãy tìm một lý do để quý vị khởi đầu hành trình cai thuốc của mình với sự hỗ trợ của nhân viên tư vấn cai thuốc lá nói tiếng Việt bằng cách gọi số **1.800.778.8440** vào các ngày từ Thứ Hai đến Thứ Sáu, 7 giờ sáng đến 9 giờ đêm, giờ miền Tây Hoa Kỳ (10 giờ sáng đến 12 giờ đêm giờ miền Đông). Quý vị cũng có thể ghi danh qua trang mạng tiếng Việt www.asq-viet.org bất cứ lúc nào.

Những nhân viên tư vấn tận tâm như Dawn và nói tiếng Việt thông thạo của Trung Tâm Cai Thuốc Lá Dành Cho Người Việt, một dịch vụ của Asian Smokers' Quitline, còn giúp cho những người không hút thuốc cần biết cách hướng dẫn người thân của mình bỏ hút thuốc qua số điện thoại **1.800.778.8440**.

Câu chuyện này được viết lại bởi các nhân viên của Trung Tâm Cai Thuốc Lá Dành Cho Người Việt, một dịch vụ của Asian Smokers' Quitline.



Đọc và cổ động ủng hộ Nguyệt san CHÁNH PHÁP là góp phần hoằng dương Phật Pháp, bảo tồn văn hóa Dân Tộc

